**Bài 1: TÔI VÀ CÁC BẠN(16 tiết)**

|  |
| --- |
| - Hạnh phúc đi đâu đấy?  - Đến chỗ có tình bạn!  (*Ngạn ngữ phương Tây)* |

**I. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra.

Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân).

**\* Năng lực đặc thù**

**Đọc:** - Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi kể thứ nhất

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.

**Viết:** Biết cách viết một bài văn kể lại một trải nghệm của bản thân, biết viết văn bản đảm bảo các bước.

**Nghe –nói:** - Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các nhân vật, biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân tại sao lại yêu hoặc ghét nhân vật trong văn bản.

- Biểt cách trình bày (kể lại)một trải nghệm đối với bản thân.

**2. Phẩm chất**

- Có thái độ trân trọng, vun đắp, giữ gìn tình bạn, xây dựng tình bạn đẹp, vô tư, trong sáng, giúp đỡ những người bạn không may mắn..

- Biết lên án thói xấu trong xã hội.

- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn: 1/9/2023

Ngày dạy: /9/2023

**Tiết 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và nêu thể loại của văn bản chính.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Khi các em dời xa ngôi trường tiểu học, các em bước vào ngôi trường THCS, điều gì khiến em thú vị? Em đã làm quen và chơi với các bạn mới chưa? Em có gặp khó khăn gì không khi hòa mình với một môi trường mới.

2.Hãy chia sẻ với các bạn và cô.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày

**B4. Kết luận, nhận định:**

*Các em ạ! Khi đặt chân vào ngôi trường THCS chắc các em có rất nhiều bỡ ngỡ, thầy cô mới, bạn bè mới,...Nhưng những trải nghiệm này sẽ giúp các em khám phá bao điều thú vị về cuộc sống. Trong đó, trải nghiệm về những người bạn luôn là một trải nghiệm thú vị nhất của tuổi học trò. Tình bạn có ý nghĩa như nào với cuộc sống? Nó là món quà thú vị mà cuộc sống ban tặng cho con người, nó sưởi ấm tâm hồn ta và làm cho thế giới quanh ta luôn tươi đẹp. Hi vọng những câu chuyện chúng ta được học trong chủ đề*

***Tôi và các bạn*** *sẽ giúp các em nhận thức được ý nghĩ của tình bạn, và học cách ứng xử với bạn bè các em nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu truyện đồng thoại, ý nghĩa của từng truyện đồng thoại trong SGK…

**b.Nội dung**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Tìm hiểu truyện và truyện đồng thoại**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Làm việc cá nhân.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy kể tên một số truyện em đã đọc, chọn một chuyện yêu thích và chia sẻ kinh nghiệm khi đọc tác phẩm này, em chú ý đến những yếu tố nào?  -Ai là người kể chuyện trong tác phẩm? Người kể chuyện xuất hiện ở ngôi thứ mấy?  -Nếu muốn tóm tắt Nội dungcâu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?  -Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu được đặc điểm của nhân vật đó?  - Thế nào là truyện đồng thoại? Đối tượng của truyện đồng thoại là ai?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs trao đổi nhóm, tìm, giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại. Chỉ ra những “dấu hiệu” nhận biết truyện đồng thoại.  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  **GV nhấn mạnh:**  - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại.  - Truyện đồng thoại rất gần gũi với truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và có giá trị giáo dục sâu sắc.  - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động…tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em. | **1. Truyện.**  Truyện là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  **2.Truyện đồng thoại.**  Là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.  -Cốt truyện: gồm các sự kiến chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  -Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ...Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, đồ vật, con vật...  -Người kể chuyện: là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện. Người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ ba.  -Lời của người kể chuyện và lời của nhân vật |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Em đã đọc các câu chuyện nào trong chủ đề Tôi và các bạn, hãy chỉ ra một số đặc điểm của truyện đồng thoại trong câu chuyện đó? Em ấn tượng với chi tiết miêu tả nào về nhân vật?

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung .

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Kể tên các VB cần chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. Em cần chú ý điều gì khi đọc các VB truyện ấy.

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung : Chú ý đến nhân vật và các chi tiết miêu tả nhân vật, đối thoại của nhân vật.

\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC:**

**1. Kế hoạch đánh giá**

**2. Phiếu học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **Văn bản Bài học đường đời đầu tiên**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Nhiệm vụ: Đọc phần (1) văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (từ đầu đến *có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi*) và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ, cụm từ phù hợp vào chỗ trống:   |  |  | | --- | --- | | Dế Mèn tự miêu tả hình thức của mình:  - càng:...................................................  - vuốt:............................................  - cánh:.............................................  - răng:................................................. | Hành động của Dế Mèn:  ...............................................................  ............…………………………………  ………………………………………….  ………………………………………… | | Dế Mèn tự đánh giá về bản thân:  ............................................................. | Quan hệ của Dế Mèn với bà con hàng xóm:  ............................................................... |   2. Từ đó, em rút ra đặc điểm của nhân vật Dế Mèn:........................ |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Nhiệm vụ:** Đọc phần (2) văn bản Bài học đường đời đầu tiên (từ *Bên*  *nhà hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt* đến *Tôi về, không một chút bận tâm*) và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Hoàn thành bảng sau bằng cách điền từ, cụm từ phù hợp vào cột bên phải   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cách xưng hô của Dế Mèn với Dế Choắt |  |  | | Lời Dế Mèn miêu tả ngoại hình Dế Choắt |  |  | | Lời Dế Mèn nhận xét về hang ở của Dế Choắt |  |  | | Lời từ chối của Dế Mèn khi Dế Choắt mong muốn được giúp đỡ |  |  |   2. Nhận xét của em về thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt  ............................................................................................................................................  3. Đánh giá của em vê Dế Mèn qua quan hệ với những người bạn hàng xóm của Dế Choắt.  ……………………………………………………………………………………… |

**Văn bản Nếu cậu muốn có một người bạn**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình tự** | **Lời thoại/ chi tiết** | **Nhận xét** |
| Trước khi gặp cáo | - Hoàng tử bé đến từ:………  - Cậu phát hiện ra: …………  - Nằm: …………………… | Em có nhận xét gì về trạng thái và cảm xúc của hoàng tử bé trước khi gặp cáo? .................................... |
| Khi gặp cáo | - Ban đầu: …………………  - Cuộc đối thoại với cáo:….  - Cảm hóa cáo: ……………  - Gặp lại vườn hồng:……… | - Nhận xét về thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo?………………………………  - Trong suốt cuộc đối thoại với cáo, hoàng tử bé thể hiện cậu là người như thế nào? ………………………  - Theo em tại sao hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo?....................................  - Khi gặp lại vườn hồng, thái độ cảu hoàng tử bé đã thay đổi ra sao? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này?………………………….. |
| Khi chia tay con cáo | - Động viên cáo:…...………  - Lặp lại lời cáo: …………… | Nhận xét về thái độ và lời nói của hoàng tử bé khi chia tay cáo? |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**Tìm hiểu và phân tích nhân vật cáo**

Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cảm nhận của cáo** | **Trước** khi hoàng tử bé *được hoàng tử bé cảm hóa* | **Sau** khi được hoàng tử bé cảm hóa |
| Khi nghe tiếng bước chân | ..................................................  .................................................. | .....................................................  .................................................... |
| Cánh đồng lúa mì | .................................................  ................................................. | .....................................................  .................................................. |
| Cuộc sống | ................................................  ………………………………. | ............................................  ………………………………. |

**..........................................................................................................................................**

Ngày soạn: 01 /9/2023

Ngày dạy: /9/2023

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**KĨ NĂNG: ĐỌC**

**Tiết 2,3,4: Văn bản 1: Bài học đường đời đầu tiên**

*(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài).*

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Cách thứ nhất:**

1. GV dùng máy chiếu chiếu trực tiếp một tình huống về trải nghiệm cuộc sống:

**Tình huống như sau**: Mẹ nói với An: *30/4 tới đây, con được nghỉ học thì cả nhà mình về thăm ông bà ngoại vì mấy tháng rồi, dịch bệnh chưa về quê được*.

- An: *Không. 30/4 chúng con có dự định đi chơi công viên rồi. Hôm ấy lại là ngày sinh nhật của bạn con*.

- Mẹ: *Công viên lần này con chưa tới thì lần sau con tới, còn việc về thăm ông bà thì bố mẹ đã lên kế hoạch rồi*…

- An: *Con đã bảo con không về quê. Ông bà ngày nào chẳng gọi điện lên nhà mình ạ!*

- Mẹ: (Cúi mặt, khuôn mặt lộ rõ nỗi buồn).

- An:…

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

1. Em có đồng ý với lời nói và suy nghĩ của An không? Trong tình huống này, em sẽ hành động như thế nào?

2.Hãy chia sẻ với bạn về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua.

**Cách thứ 2:**

- GV cho HS xem video câu chuyện về chú mèo Hello Kitty

Ở nước Nhật, có một câu chuyện cảm động về sự ra đời của chú mèo “Luôn biết lắng nghe” người khác.

- GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé?

+ Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện này?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày

**B4. Kết luận, nhận định:**

*Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Có trải nghiệm tạo ra niềm vui, hạnh phúc. Có trải nghiệm mang đến kinh nghiệm. Có trải nghiệm để lại sự nuối tiếc, day dứt. Tất cả đều là bài học quý giá trong hành trình khôn lớn, trưởng thành của chúng ta.*

*Hôm nay, các em sẽ được trải nghiệm về những bài học đáng quý ấy qua một truyện đồng thoại, đó là “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*, văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”:nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… ),

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* và VB *Bài học đường đời đầu tiên*.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **1.Tác giả:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy đọc SGK trang 20 và cho biết những nét cơ bản về nhà văn Tô Hoài và sự nghiệp sáng tác của ông?  - Em biết những tác phẩm nào của Tô Hoài?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  **\* Chiếu lên một số tác phẩm của Tô Hoài để HS quan sát:**  **GV bổ sung**: Bút danh Tô Hoài: Để kỉ niệm và ghi nhớ về quê hương của ông: sông Tô Lịch và huyện Hoài Đức  - Sáng tác thiên về diễn tả những sự thật đời thường: *“Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”.*  - Có vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau.  - Lối trần thuật rất hóm hỉnh, sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ sử dụng đắc địa nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư.  **2. Giới thiệu tác phẩm.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết Dế mèn phiêu lưu kí được Tô Hoài sáng tác năm nào? Thuộc loại truyện gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  **- GV mở rộng**: "Dế Mèn phiêu lưu kí" là một tác phẩm nổi tiếng đầu tay của nhà văn Tô Hoài được sáng tác khi ông 21 tuổi dựa vào những kỉ niệm tuổi thơ vùng Bưởi quê ông. Tác phẩm có 10 chương. Chương đầu kể về lai lịch và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Hai chương tiếp theo kể chuyện Dế Mèn bị bọn trẻ con đem đi chọi nhau với các con dế khác. Dế Mèn trốn thoát. Trên đường về nhà gặp chị Nhà Trò bị sa vào lưới bọn Nhện độc ác. Dế Mèn đã đánh tan bọn Nhện cứu thoát chị Nhà Trò yếu ớt. Bẩy chương còn lại kể về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn.  **3.Đoạn trích: *Bài học đường đời đầu tiên*.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Em hãy nêu vị trí của đoạn trích trong tácphẩm?- Em hãy nêu ấn tượng ban đầu của mình về văn bản?  - GV hướng dẫn đọc  - hs Đọc phân vai:  - tóm tắt đoạn trích, Kể tóm tắt.  - Có thể chia văn bản làm mấy phần?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** | **I. Tìm hiểu chung về văn bản**  **1.Tác giả: Tô Hoài**  **(1920- 2014)**  Tô Hoài: Tên khai sinh là Nguyễn Sen  -Sinh năm 1920, mất năm 2014  - Quê : Hà Nội  -Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi  Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: *Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đôi ri đá, Chuyện nỏ thần, Dễ Mèn phiêu lưu kí....*  **2. Giới thiệu tác phẩm.**  “[**Dế mèn phiêu lưu ký**](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)” (1941) là truyện đồng thoại dành cho lứa tuổi thiếu nhi, tác phẩm đã được dịch ra 40 thứ tiếng trên thế giới. Trong truyện, nhân vật chính là Dế Mèn, cậu đã trải qua muôn vạn cuộc phiêu lưu thử thách đầy mạo hiểm. Ở chặng đường ấy là những bài học giúp Dế Mèn trưởng thành và trở thành một chàng Dế cao thượng. Chúng ta có thể đúc kết kinh nghiệm từ chính [**nhân vật Dế Mèn**](https://sachhay24h.com/de-men-phieu-luu-ky-cuon-sach-cua-tuoi-tho-a481.html)**,** đó là đi một ngày đàng học một sàng khôn.  **3.Đoạn trích: *Bài học đường đời đầu tiên*.**  **a.Vị trí**: Trích chương I của “ Dế Mèn phiêu lưu ký”.  **b. Đọc- kể tóm tắt** (theo ngôi thứ nhất).  **Các sự việc chính:**  - Miêu tả Dế Mèn: Tả hình dáng, cử chỉ, hành động.  - Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. Dế Mèn coi thường Dế Choắt. Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  **c. Bố cục: 2 phần**  - Phần 1: từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.  - Phần 2:Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn. |

**II. Đọc- hiểu văn bản. (Sử dụng phiếu học tập số 1,2)**

**a. Mục tiêu:**

-Xác định được ngôi kể thứ nhất, nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ, việc làm của các nhân vật Dế Mèn.

- Đánh giá được những đặc điểm cơ bản của các nhân vật Dế, hiểu được nghệ thuật miêu tả loài vật tinh tế sinh động và cách sử dụng từ ngữ đặc sắc của Tô Hoài.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu Nội dungvà nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**  TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ để thảo luận  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Các nhóm hoàn thành phiếu HT số 1 về hình dáng và tính cách của Dế Mèn theo gợi ý sau:  Gợi ý:Tìm những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn. Trên cơ sở đó, nhận xét về tính cách của Dế Mèn.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  (Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **\* Bước 4. Kết luận, nhận định- GV bổ sung**: Vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba.  **b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.**  LÀM VIỆC CÁ NHÂN  **\* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn như thế nào? (Những chi tiết miêu tả Dế Choắt?)  Thái độ của Dế Mèn khi Dế Choắt nhờ vả ra sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  ***GV bổ sung, nhấn mạnh:*** -Tự hào về mình bao nhiêu thì Dế Mèn tỏ ra coi thường Dế Choắt bấy nhiêu. Thậm chí, Dế Mèn còn mang Dế Choắt ra làm đối tượng để thỏa mãn tính tự kiêu của mình…  -Việc Dế Choắt muốn đào cái ngách sang nhà nhân vật “tôi” phòng khi có kẻ nào bắt nạt cho thấy Dế Choắt tự được ý thức được sức khoẻ của bản thân và nghĩ rằng Dế Mèn là người hàng xóm tốt bụng, có thể chia sẻ và giúp đỡ được mình khi hoạn nạn  **\* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.**  **Thảo luận theo cặp bàn:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của?  + Việc Dế Mèn dám gây sự với chị Cốc khỏe hơn mình gấp bội có phải là hành động dũng cảm không? Vì sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** | **1. Nhân vật Dế Mèn.**  **a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**  Những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn:  - Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.  - Hành động của Dế Mèn:  *+ Nhai ngoàm ngoạm.*  + *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*  *+ Đi đứng oai vệ;*  *+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*  - Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu khinh khỉnh..  - Tâm trạng của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.  => Nghệ thuật:  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  **b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.**  **\* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.**  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  - Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ:(đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  - Thái độ của Dế Mèn: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.  Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  **\* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.**  - Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Hậu quả Dế Mèn gây ra là gì?  - Tâm trạng của Dế Mèn có sự thay đổi ra sao trước cái chết của Dế Choắt? Sự hối hận bộc lộ qua hành động nào?  - Qua hành động của Dế Mèn, em có nhận xét gì về sự thay đổi tâm lí của Dế Mèn? Theo em, sự thay đổi đó có hợp lí không? Chính sự ăn năn ấy giúp ta hiểu thêm về tính cách Dế Mèn, đó là tính cách nào?  - Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - GV yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời câu hỏi:Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Dế Mèn lúc này?  - Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Dế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? Việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?  - GV nhấn mạnh:Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời**.**  - Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái.  Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn. | **2**. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**  - Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:+ Mất bạn láng giềng.+ Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.+ Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **\* Nhận xét:**  - Sự thay đổi đó bất ngờ song hợp lý bởi cái chết của Dế Choắt đã tác động mạnh mẽ tới suy nghĩ của Dế Mèn, vì Dế Mèn sốc nổi song không ác ý.  Ở đây có sự biến đổi tâm lý: từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.  Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  - Sự hối hận của Dế mèn là cần thiết vì kẻ biết lỗi sẽ tránh được lỗi.  - Có thể tha thứ vì tình cảm của Dế Mèn rất chân thành.  - Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn cay đắng vì lỗi lầm của mình, xót thương Dế Choắt, mong Dế Choắt sống lại, nghĩ đến việc thay đổi cách sống của mình.  - Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - Bài học về tình thân ái, chan hòa.  - Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.  - Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

-HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, Nội dungý nghĩa của VB “Bài học đường đời đầu tiên”

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu Nội dungvà nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi:  - Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  - Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của Tô Hoài trong văn bản này?  - Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại:  + Nhân vật là các loài vật đã được nhân hoá: trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* có các nhân vật là Dế Mèn, Dế Choắt, Chị Cốc, chị Cào Cào  + Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của loài vật:  + Ngoại hình của Dế Mèn được miêu tả bằng những chi tiết đặc trưng cho loài dế: râu, đôi càng, đôi cánh, đầu, cái răng đen.  + Hành động của Dế Mèn như đạp phanh phách lên ngọn cỏ, đào hang… | **1.Nghệ thuật:**  - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Các phép tu từ .  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại.  **2. Nội dung:**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1**. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. (Phiếu học tập số 3)

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày

**B4. Kết luận, nhận định:**

**Nội dung:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| - Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm.  - Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết ai nghe, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không. | - Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.  - Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ, chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  - Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không? (Lời của Dế Mèn với Dế Choắt) |

**Nhiệm vụ 2**. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Rung chuông vàng (game mini) thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Gv phổ biến luật chơi.

- Mỗi người sẽ có 4 tấm thẻ (Mỗi tấm thẻ 1 màu)

+ Xanh: Đáp án A. + Đỏ: Đáp án B. + Tím: Đáp án C. + Vàng: Đáp án D

**\* Bước 2.** GV đọc từng câu hỏi.

**\* Bước 3.** HS chọn đáp án bằng cách giơ tấm thẻ có màu tương ứng đã quy ước.

**\* Bước 4.** Công bố kết quả

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và vĩnh viễn mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng.

**Các câu hỏi như sau:**

**Câu 1**: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đất rừng phương Nam.  B. Dế Mèn phiêu lưu kí. | C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.  D. Những năm tháng cuộc đời. |

**Câu 2:** Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Chương I | B. Chương III | C. Chương VI | D. Chương X |

**Câu 3**: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.  B. Dế Mèn và chị Cốc. | C. Dế Mèn và Dế Choắt.  D. Chị Cốc và Dế Choắt. |

**Câu 4**: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Tự sự | B. Biểu cảm | C. Miêu tả | D. Nghị luận |

**Câu 5:** Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Dế Mèn. | B. Chị Cốc. | C. Dế Choắt. | D. Tác giả. |

**Câu 6**: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.  B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ. | C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.  D. Thân hình bình thường như bao con dế khác. |

**Câu 7**: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

**Câu 8**: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu:** phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Cách 1:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng " Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày

**B4. Kết luận, nhận định:**

**Cách 2**:

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và về thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày

**B4. Kết luận, nhận định:**

**\* Gợi ý:**

- Qua câu chuyện của Dế Mèn khiến chúng ta hiểu vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba của mình, có thái độ kiêu căng, tự phụ, xốc nổi. Đây cũng là những lỗi lầm dễ mắc phải ở những người tuổi mới lớn.

- Thái độ cần có trước những lỗi lầm: chúng ta phải biết nhận ra và sửa chữa những sai lầm mà mình mắc phải, phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu xót của mình.

**...........................................................................................................................................**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 5: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**:

-HS nhận biết được cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

-HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

**2. Nội dung:** HS suy nghĩ để nhận biết về các loại từ chia theo cấu tạo, nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ so sánh. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dunghoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về cấu tạo từ Tiếng Việt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

-Ở bậc tiểu học, trong tiếng Việt, xét theo cấu tạo, em đã được học những từ loại nào ?

- Hãy ghép các từ ở cột A với các từ ở cột B để miêu tả Dế Mèn cho phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| vuốt | nhọn hoắt |
| cánh | hủn hoẳn |
| người | rung rinh |
| răng | đen nhánh |
|  | bóng mỡ |
|  | ngoàm ngoạp |

+ Em có nhận xét gì về cấu tạo các từ ở cột A so với các từ ở cột B.

- HS trả lời.

- GV kết nối: Như vậy ở bậc tiểu học các em đã làm quen với từ đơn, từ ghép, từ láy. Hôm nay, tiết thực hành tiếng việt này, chúng ta sẽ tiếp tục học sâu hơn về đặc điểm cấu tạo cũng như cách sử dụng từ ngữ này sao cho hiệu quả hơn.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đơn, từ ghép,từ láy; nghĩa của từ ngữ, nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, biện pháp tu từ so sánh.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I.Từ đơn, từ phức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**   |  |  | | --- | --- | |  | B | | vuốt | nhọn hoắt | | cánh | hủn hoẳn | | người | rung rinh | | răng | đen nhánh | |  | bóng mỡ | |  | ngoàm ngoạp |   + Trong cột B, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy? Tại sao?  + Em hãy rút ra khái niệm: từ đơn, từ phức; từ ghép- từ láy.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I.Từ đơn, từ phức.**  **1. Ví dụ**  + vuốt- nhọn hoắt; + cánh- hủn hoẳn  + người- rung rinh, bóng mỡ  + răng- đen nhánh, ngoàm ngoạp  -*vuốt, cánh, người, răng* là từ đơn vì chỉ có một tiếng.  -*nhọn hoắt, hủn hoẳn, rung rinh, bóng mỡ, đen nhánh, ngoàm ngoạp* là từ phức vì có hai tiếng.  *+nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh*là từ ghép vì các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  +*hủn hoẳn, rung rinh, ngoàm ngoạp* là từ láy vì các tiếng có quan hệ láy âm (giống nhau về phụ âm đầu)  **2. Kết luận:**  -Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.  -Từ phức là từ có hai tiếng trở lên.  +Những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép.  +Những từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) được gọi là từ láy. |

**II. Nghĩa của từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV cho HS thảo luận theo hình thức cặp đôi chia sẻ.**  - Thông thường, nghĩa của từ *nghèo* được hiểu là gì, em hãy lấy ví dụ minh họa?  -Trong VB *Bài học đường đời đầu tiên* có dùng từ *nghèo sức*. Dựa vào VB, em hiểu *nghèo* trong *nghèo sức* là gì  -Vậy khi muốn tìm nghĩa của từ ngữ, cần lưu ý điều gì? (dựa vào đâu để giải thích nghĩa)  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Gviên:nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Hsi nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **II. Nghĩa của từ**  **1.Ví dụ**:  *Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà của mình thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá*.  (*Bài học đường đời đầu tiên* – Tô Hoài)  -*Nghèo*: ở tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc về yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất (như: *Nhà nó rất nghèo, Đất nước còn nghèo)*.  -*Nghèo sức*: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế, sức khỏe kém hơn những người bình thường.  **2. Kết luận:**  - Để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể dựa vào từ điển.  - Giải thích nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào từ ngữ đứng trước và từ ngữ đứng sau. |

**III. Biện pháp tu từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| LÀM VIỆC CÁ NHÂN  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Câu văn trên đã sử dụng phép tu từ so sánh.  -Hãy chỉ ra các hình ảnh đã được người viết so sánh ?  - Dựa trên cơ sở nào mà tác giả lại so sánh hai hình ảnh ấy với nhau?  -So sánh hai cách diễn đạt sau, em thấy cách nào hay hơn? Vì sao?  *Cách 1: Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu.*  *Cách 2: Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.*  -Em hãy rút ra khái niệm của phép tu từ so sánh?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **III. Biện pháp tu từ**  **1.Ví dụ:**  *Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và cao lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.*  -Phép tu từ so sánh: *Hình dáng của Dế Choắt* với *một gã nghiện thuốc phiện*  -Phép so sánh này dựa trên điểm tương đồng(giống nhau) về ngoại hình gầy gò, yếu đuối, yếu sức.  -Tác dụng: Làm cho hình ảnh Dế Choắt hiện lên cụ thể, sinh động với dáng vẻ yếu đuối, thiếu sức sống; đồng thời thấy được cái nhìn coi thường, lạnh lùng của Dế Mèn về Dế Choắt.  **2.Kết luận:**  -So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên những điểm tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diện đạt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đơn, từ ghép, từ láy; nghĩa của từ ngữ, nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, biện pháp tu từ so sánh.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bài 1 SGK trang 20:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tấp số 1  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1/ Kẻ bảng/ điền từ in đậm vào ô phù hợp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ đơn | Từ phức |  | |  | Từ ghép | Từ láy | |  |  |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bài 2 SGK trang 20**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS thi: **Tiếp sức:**  - Thời gian 5 phút  Chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm cử đại diện lần lượt lên bảng nối tiếp nhau để viết từ láy. Nhóm nào tìm được nhiều từ thì chiến thắng.  -Tìm từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, biểu dương bằng tràng pháo tay.  **Bài 3. SGK trang 20**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm và nêu tác dụng của các từ láytrong các câu văn  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bài 4 SGK trang 20**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy giải nghĩa của từ *mưa* trong các câu: *Mưa dầm sùi sụt, Điệu hát mưa dầm sùi sụt*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bài 5 SGK trang 20:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc lại các chú thích có thành ngữ *tắt lửa tối đèn*, *ăn sổi ở thì, hôi như cú mèo* để hiểu nghĩa. Sau đó đặt câu với mỗi thành ngữ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bài 6 SGK trang 20:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HD tìm câu văn dùng phép so sánh và tác dụng của so sánh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên:*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **IV. Luyện tập**  **Bài 1 SGK trang 20:**  Kẻ bảng vào vở và điền từ in đậm trong đoạn văn sau vào ô phù hợp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ đơn | Từ phức |  | |  | Từ ghép | Từ láy | | Tôi, nghe, người | Bóng mỡ, ưa nhìn | Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh |   **Bài 2 SGK trang 20**  Từ láy mô phỏng âm thanh trong VB *Bài học đường đời đầu tiên:* véo von, hừ hừ, phanh phách, phành phạch, văng vẳng, ngoàm ngoạp.  **Bài 3. SGK trang 20**  Các từ láy:  + Phanh phách: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.  + Ngoàm ngoạp: (nhai) nhiều, liên tục, nhanh.  + Dún dẩy: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.  - Tác dụng của các từ láy*: phanh phách, ngoàm ngoạp, dún dẩy* trong các câu văn được cho là: giúp cho nhân vật Dế Mèn được hiện lên cụ thể, sinh động, nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống của tuổi trẻ ở Dế Mèn. Qua đó, Dế Mèn bộc lộ niềm tự hào về chính mình.  **Bài 4 SGK trang 20**  Hãy giải nghĩa của từ **mưa**  - *Mưa dầm sùi sụt:***mưa nhỏ**, rả rích, kéo dài không dứt.  - *Điệu hát mưa dầm sùi sụt:***điệu hát nhỏ**, kéo dài, buồn,ngậm ngùi, thê lương.  **Bài 5 SGK trang 20:** Đặt câu với các thành ngữ  -Anh em ta là hàng xóm láng giềng **tắt lửa tối đèn** có nhau.  -Việc gì anh ta làm cũng tạm bợ, không chắc chắn, **ăn sổi ở thì** quá.  -Cậu ta đi mưa về **hôi như cú mèo**ấy.  **Bài 6 SGK trang 20:** Câu văn dùng phép so sánh và tác dụng của so sánh:  -*Hai cái răng đen nhánh của tôi lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy đang làm việc.*  - Tác dụng: So sánh hai cái răng của Dế Mèn khi nhai thức ăn với hai lưỡi liềm máy đang làm việc để nhận mạnh Dế Mèn đang tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống.  -*Mỏ Cốc như cái rùi sắt, chọc xuyên cả đất.*  - Tác dụng: So sánh mỏ của chị Cốc với cái rùi sắt cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt. |

**............................................................................................................................................**

Ngày soạn: /9/2022

Ngày dạy: /9/2022

**Tiết 6,7: Văn bản 2: NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN**

(Trích *Hoàng tử bé, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*)*.*

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS về người thân thiết, từ đó tạo không khí và chuẩn bị tâm thế vào bài học mới. Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**GV chọn một trong 2 cách khởi động sau:**

\* Cách 1. - GV chiếu một số hình ảnh ca ngợi tình bạn đẹp.

- GV đặt câu hỏi, HS lắng nghe, suy nghĩ chia sẻ:Hình ảnh đó nói về điều gì?

\* Cách 2. 1. Hãy ghi lại một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân. Điều gì khiến các em trở thành đôi bạn thân?

2. Em và người bạn thân ấy đã làm quen với nhau như thế nào?

**Dự kiến câu trả lời của HS**

1. Một số từ miêu tả cảm xúc của em khi nghĩ về một người bạn thân: Tốt bụng, hiền lành, dễ gần, luôn biết suy nghĩ và giúp đỡ người khác...

-Lí do khiến cho em và bạn trở thành đôi bạn thân: Bạn luôn dành những điều tốt đẹp nhất cho em, nếu em bị điểm kém thì bạn luôn dành lời động viên, an ủi em, khích lệ tinh thần để cả hai cùng cố gắng...

2. Em và bạn ấy đã làm quen với nhau khi em và bạn bắt đầu vào lớp 1. Em ngồi cùng bàn với bạn. Em và bạn nhà gần nhau...

GV dẫn dắt vào bài: Ngạn ngữ Pháp có câu rất nổi tiếng: “Ở đâu có bạn/ Ở đó có hạnh phúc!” Điều gì khiến chúng ta trở thành bạn của nhau? Tình bạn làm thay đổi cuộc sống của chúng ta ra sao?Cần đối xử như thế nào với bạn để bản thân mình hạnh phúc và cũng mang lại niềm vui cho người khác? Cô hi vọng, văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn* (trích *Hoàng tử bé, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri)* sẽ giúp các em tự trả lời cho những câu hỏi ấy!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*, : nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… ), VB *Nếu cậu muốn có một người bạn* (nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… )

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện.**

**I. Tìm hiểu chung về văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **1.Tác giả:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy đọc SGK trang 29 và giới thiệu những hiểu biết của em về nhà văn *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri* ?  - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** | **1.Tác giả:** *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri (1900-1944) là nhà văn lớn nước Pháp*  *-Ông là phi công và hầu hết các tác phẩm của ông đều lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.*  *-Ngòi bút của nhà văn đệm chất trữ tình, trong trẻo và giàu cảm hứng lãng mạn.*  *Tác phẩm tiêu biểu: Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta,...* |
| **2: Tác phẩm**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết *Hoàng tử bé* thuộc loại truyện gì? Giới thiệu khái quát về tác phẩm? (nhân vật chính, người kể chuyện, không gian bối cảnh câu chuyện?...  GV chiếu một số hình ảnh về câu chuyện  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  **GV mở rộng**:  + Tên *Hoàng tử bé* đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri  +Hàng tử bé được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng, đã được phát hành hơn 200 triệu bản trên toàn thế giới và vẫn tiếp tục phát hành hơn 2 triệu bản mỗi năm, được chuyển thể thành truyện tranh, phim.  +Đến nay, đã có 8 bản dịch tác phẩm *Hoàng tử bé* ra Tiếng Việt. Nhan đề VB do người biên soạn sách đặt.  **3: Đoạn trích**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV hướng dẫn HS đọc VB.  +Hình thức đọc **phân vai:** một em đóng vai hoàng tử bé, một em đóng vai cáo.  +Chú ý giọng của cáo lúc đầu buồn bã, sau đó là ngạc nhiên, bất ngờ, vui vẻ, thủ thỉ, nhẹ nhàng. Giọng hoàng tử bé thân thiện, đáng yêu, chân thành.  Giải thích nghĩa của từ: cảm hóa, mắt trần, cốt lõi?  -VB Nếu cậu muốn có một người bạn nằm ở vị trí nào trong tác phẩm? VB kể lại sự việc chính gì?  -VB có thuộc thể loại truyện đồng thoại không? Dựa vào đâu để em khẳng định tác phẩmlà truyện đồng thoại?  -Xác định phương thức biểu đạt chính của VB?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét về từng Nội dung, bổ sung thêm thông tin cho đầy đủ. | **2. Tác phẩm: *Hoàng tử bé***  - Tác phẩm là cuốn tiểu thuyết (27 chương)  -Nhân vật chính: Hoàng tử bé  -Người kể chuyện: xưng “tôi” Một phi công bị rơi máy bay trên sa mạc Sahara và có cơ hội gặp hoàng tử bé.  -Cốt truyện: Hoàng tử bé từ hành tinh khác đã phiêu lưu nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị, và nếm trải cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng cậu quyết định quay trở lại hành tinh của mình với bông hồng duy nhất.  **3.Đoạn trích: *Nếu cậu muốn có một người bạn***  **a.Đọc, giải thích từ khó**  **b. Kể tóm tắt**  **c.Thể loại**: Truyện đồng thoại.  **d. Phương thức biểu đạt chính**: Tự sự  **đ. Ngôi kể**: thứ nhất (người kể xưng tôi).  **e.Vị trí**: chương XXI của tác phẩm Đoạn trích kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho cả hai món quà quý giá. |

**II. Đọc –hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

-Giúp HS hiểu được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật hoàng tử bé và cáo. Bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nhân vật.

**b. Nội dung** : -Gv sử dụng phiếu học tập cho Hs thảo luận, kết hợp làm việc cá nhân.

-HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **a: Nhân vật hoàng tử bé**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm hiểu nhân vật hoàng tử bé: GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, hoàn thành phiếu học tập số3  GV chiếu phiếu học tập, gọi 1 HS đọc, HS theo dõi, suy nghĩ.  GV Chia lớp thành 4 nhóm. Thời gian thảo luận 8 phút. Yêu cầu thảo thảo luận nhóm và ghi kết quả thảo luận ra phiếu  Bằng sự chuẩn bị ở nhà, theo dõi chú thích 2,3 trang 22 SGK, em hãy cho biết  - Trước khi gặp cáo, hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?Em có nhận xét gì về trạng thái và cảm xúc của hoàng tử bé trước khi gặp cáo?  -Khi gặp cáo:  +Nhận xét về thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo? (Thể hện qua lời thoại/ chi tiết nào)  +Trong suốt cuộc đối thoại với cáo, hoàng tử bé thể hiện cậu là người như thế nào?  (Chỉ ra lời thoại/ chi tiết )  +Theo em tại sao hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo? (lời thoại/ chi tiết)  +Khi gặp lại vườn hồng, thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi ra sao? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này?(lời thoại/ chi tiết)  - Khi chia tay con cáo, hoàng tử bé đã động viên cáo, lặp lại lời cáo? Nhận xét về thái độ và lời nói của hoàng tử bé khi chia tay cáo?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **b. Nhân vật con cáo**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  1.-Từ ***cảm hóa*** xuất hiện bao nhiêu lần trong đoạn trích? Qua lời giải nghĩa của cáo, em hiểu ***cảm hóa*** là gì?  Điều gì ở hoàng tử bé khiến con cáo tha thiết mong được kết bạn với cậu?  Nếu được hoàng tử bé ***cảm hóa***, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi như thế nào? Qua đó, em cảm nhận như thế nào về ý nghĩa của tình bạn?  2.GV yêu cầu HS đọc đoạn: *“Nhưng rồi nó quay lại với ý nghĩ lúc nãy...Và mình sẽ thấy thích tiếng gió trên cánh đồng lúa mì”*  GV yêu cầu HS thảo luận phiếu số 4  Thời gian: 5 phút – Mỗi bàn 1 nhóm nhỏ  +Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa?  3.+Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình như thế nào?  + Cáo đã chia sẻ với hoàng tử bé nhiều bài học ý nghĩa về tình bạn. Em thấy bài học nào gần gũi và có ý nghĩa với em nhất?  + Việc tác giả để hoàng tử bé lặp lại câu nói của cáo cho dễ nhớ có dụ ý gì? (đó là phép tu từ nào em đã học). Em cảm nhận gì về câu nói: “Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  -GV hướng dẫn HS cảm nhận chi tiết: về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì của cáo  **2. Những ý nghĩa gợi ra từ cuộc gặp gỡ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Cáo đã chia sẻ nhiều bài học ý nghĩa về tình bạn. Theo em đó là những bài học nào?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời : HS kết nối từ bài học đến trải nghiệm của bản thân:  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  HS có thể nói về nỗi nhớ về một người bạn thân ở xa khiến em có cảm giác gần gũi, ấm áp, vui vui  **B4. Kết luận, nhận định:**  *GV khẳng định ý nghĩa của tình bạn. Không có sự gắn bó, yêu thương thì mọi người, mọi vật trong thế giới này sẽ hóa thành nhạt nhẽo, vô nghĩa, “ai cũng giống ai”* | **II. Đọc –hiểu văn bản.**  **1.Cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và cáo.**  **a. Nhân vật hoàng tử bé**  -Trước khi gặp cáo:  +Lai lịch:Đến từ một hành tinh khác. Xuống Trái Đất để tìm con người, bạn bè... *“Mình đi tìm con người...Mình đi tìm bạn bè”*  +Tâm trạng : Khi vừa đặt chân xuống Trái Đất đã phải đối diện với nỗi thất vọng, đau khổ khi nhận ra bông hồng của cậu không phải là duy nhất.  -Khi gặp cáo:  +Thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo: hoàng tử đáp lại lời chào của cáo, “Bạn là ai?”, “Bạn dễ thương quá!”  +Hoàng tử bé cư xử với cáo lịch sự, thân thiện. khác với loài người trên Trái Đất coi cáo là con vật xấu tính, ranh mãnh, gian xảo. Cái nhìn của Hoàng tử bé ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng luôn tin cậy và hướng tới cái phần đẹp đẽ, tốt lành, không bị giới hạn bởi định kiến, hoài nghi.  +Hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo: vì hoàng tử bé nhận ra ý nghĩa của tình bạn mà cáo giảng giải qua từ cảm hóa: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ gần gũi, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gắn bó với nhau. Hoàng tử bé đã trân trọng, lắng nghe, không định kiến, hoài nghi.  +Khi gặp lại vườn hồng, thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi: Từ đau khổ, thất vọng hoàng tử bé tự tin, vui vẻ nhận ra ý nghĩa của bông hoa hồng duy nhất của mình, ý nghĩa của sự vun đắp, tưới tắm...Hay nói cách khác ý nghĩa của tình bạn.  - Khi chia tay con cáo, hoàng tử bé đã động viên cáo, lặp lại lời cáo: “ Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”, “ Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình...”, “Mình sẽ có trách nhiệm với bông hồng của mình” .  Hoàng tử bé hiểu được “bí mật” của tình bạn, tình yêu, vượt qua được nỗi hoang mang, đau khổ thất vọng, tìm được hạnh phúc dành thời gian và trái tim cho ai đó. Hiểu biết về bản thân về cuộc sống, trách nhiệm với những gì mình gắn bó, yêu thương  **b. Nhân vật con cáo**  -Trước khi gặp hoàng tử bé: Cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã. Cáo đang bị săn đuổi, sự hãi, trốn con người.  -Khi gặp hoàng tử bé:  +Lúc đầu: không dám lại gần vì nhận ra mình chưa được cảm hóa.  + Giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa:(từ cảm hóa xuất hiện 15 lần trong VB, gắn với nhiều chi tiết, sự kiện quan trọng)  \* Cảm hóa là chuyển hóa cái hoang dã và xa lạ, pha tạp, bất thiện thành cái gần gũi, tốt đẹp, trong sạch, thiện lành...và có thể chung sống thân thiện làm bạn.Là làm cho gần gũi hơn tức là kết nối tình cảm, dành thời gian hiểu nhau, kiên nhẫn làm thân với nhau. Khi chưa cảm hóa, hoàng tử bé và cáo là xa lạ,chẳng cần gì đến nhau, khi được cáo cảm hóa thì *“tụi mình cần đến nhau”*, và mỗi người sẽ *“trở thành duy nhất trên đời”*  \* Qua đó thấy nhân vật cáo khao khát được đón nhận, thấu hiểu; được sống với phần tốt lành , đẹp đẽ, được thay đổi, hoàn thiện bản thân.  - Chi tiết: Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóacho thấy nhờ có tình bạn của hoàng tử bé, cáo sẽ không cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi*.*Tiếng bước chân vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra cửa hang, cánh đồng lúa mì hóa thân thương ấm áp như màu vàng óng của mái tóc hoàng tử bé.  -Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình  - Khi chia tay hoàng tử bé, con cáo bộc lộ cảm xúc: “Mình sẽ khóc mất”. Cáo khẳng định những thứ mình “được”: “Mình được chứ- Con cáo nói- Bởi vì nó còn màu của lúa mì”  \* Có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu.  \* Cáo hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.  **2. Những ý nghĩa gợi ra từ cuộc gặp gỡ**  -Câu nói chứa đựng “bí mật” mà cáo dành cho hoàng tử bé: sử dụng hình ảnh ẩn dụ và mang ý nghĩa triết lí:  +Con người cần phải biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu, và sự tin tưởng, thấu hiểu.  +Khi chỉ nhìn ***bằng con tim***, con người mới nhận ra, trân trọng giữ gìn những điều đẹp đẽ quý giá  +***Bí mật*** của tình yêu là sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật.  -**Bài học về cách kết bạn:** cần thân thiện, kiên nhẫn, giành thời gian để “cảm hóa” nhau.  **-Bài học về ý nghĩa của tình bạn**: mang đến niềm vui, hạnh phúc; khiến cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn.  **-Bài học về cách nhìn nhận, đánh giá, trách nhiệm đối với bạn bè:** “thấy rõ với trái tim”, biết quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu, bảo vệ... |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

-HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, Nội dungý nghĩa đoạn trích

**b. Nội dung** : -GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

-HS làm việc cá nhân để tìm hiểu Nội dungvà nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Qua VB Nếu cậu muốn có một người bạn, VB đã hấp dẫn người đọc ở cách xây dựng nhân vật như thế nào?Theo em nhân vật cáo có phải là nhân vật của truyện đồng thoại không, vì sao?  -Việc học văn bản giúp em nhận ra những giá trị nào về tình bạn?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**  -Cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc. Từ đó làm nổi bật đặc điểm nhân vật.  -Nhân vật con cáo được nhân hóa như con người thể hiện đặc điểm của truyện đồng thoại.  -Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú. Truyện giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện kết bạn với con người...)  **2.Nội dung**  -Qua cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và con cáo, tác giả đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành tặng cho trẻ thơ.  -Giúp người đọc cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản:

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bài tập: Nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” về cuộc gặp gỡ về người bạn mới- cáo, theo sơ đồ gợi ý.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa tưởng tượng, hình dung của bản thân về nhân vật trong VB sau khi kết thúc VB

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* Tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.  -Để viết được đoạn văn ngắn, em hãy xác định những yêu cầu cần về Nội dung, hình thức của phần viết ngắn như thế nào?  -Các bước cần tiến hành ra sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **1. Đề bài**  **2. Yêu cầu:**  - Về Nội dung: Miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé, thông qua trí tưởng tượng, học sinh sáng tạo tiếp văn bản.  - Đoạn văn giới hạn số câu: khoảng 5-7 câu  **3. Các bước tiến hành**  **- Bước 1:** Hình dung, tưởng tượng bối cảnh sự việc: Cáo nhớ hoàng tử bé.  **- Bước 2:** Miêu tả cảm xúc của cáo thông qua: ý nghĩ về mái tóc, bước chân của hoàng tử bé. Cảm nhận được sự gần gũi ấm áp.  **-Bước 3:** Viết  **-Bước 4:** Đọc và kiểm tra lại, chia sẻ. |

\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC:**

**1. Kế hoạch đánh giá**

**2. Phiếu học tập**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Tìm hiểu và phân tích nhân vật Hoàng tử bé

Tìm lời đối thoại phù hợp để diền vào ô trống ở cột giữa, sau đó ghi lời nhận xét ở cột ngoài cùng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình tự** | **Lời thoại/ chi tiết** | **Nhận xét** |
| Trước khi gặp cáo | - Hoàng tử bé đến từ:…  - Cậu phát hiện ra: ……  - Nằm: ……………… | Em có nhận xét gì về trạng thái và cảm xúc của hoàng tử bé trước khi gặp cáo?  ...................................... |
| Khi gặp cáo | - Ban đầu: …………….  - Cuộc đối thoại với cáo:  …………………..  - Cảm hóa cáo: …………  - Gặp lại vườn hồng: … | - Nhận xét về thái độ ban đầu của hoàng tử bé khi gặp cáo?  . ……………………………………  - Trong suốt cuộc đối thoại với cáo, hoàng tử bé thể hiện cậu là người như thế nào? ………………………  - Theo em tại sao hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo?....................................  - Khi gặp lại vườn hồng, thái độ cảu hoàng tử bé đã thay đổi ra sao? Em có nhận xét gì về sự thay đổi này?  …………………………………….. |
| Khi chia tay con cáo | - Động viên cáo: ……...  - Lặp lại lời cáo: ……… | Nhận xét về thái độ và lời nói của hoàng tử bé khi chia tay cáo? |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**Tìm hiểu và phân tích nhân vật cáo**

Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cảm nhận của cáo** | **Trước** khi hoàng tử bé *được hoàng tử bé cảm hóa* | **Sau** khi được hoàng tử bé cảm hóa |
| Khi nghe tiếng bước chân | ................................................ | ...................................................... |
| Cánh đồng lúa mì | ................................................ | ..................................................... |
| Cuộc sống | ................................................ | ........................................... |

**Dự kiến câu trả lời của HS**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cảm nhận của cáo** | **Trước** khi hoàng tử bé *được hoàng tử bé cảm hóa* | **Sau** khi được hoàng tử bé cảm hóa |
| *Khi nghe tiếng bước chân* | -Chạy chốn vào lòng đất | -Ra khỏi hang, như tiếng nhạc |
| *Cánh đồng lúa mì* | -Chẳng có ích gì cho mình, chẳng gợi nhớ gì cho mình... | Lúa mì óng ả sẽ làm cho mình nhớ đến bạn (mái tóc bạn vàng óng); mình sẽ thấy thích tiếng gió trên cánh đồng lúa mì |
| *Cuộc sống* | Cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi | Có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. |

**……………………………………………………………………………………………….**

Ngày soạn: /9/2022

Ngày dạy: /9/2022

**Tiết 8: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: -HS nhận biết được được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó; tích cực hóa vốn từ (đặt câu với các từ cho trước).

-HS nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB Nếu cậu muốn có một người bạn...

**b. Nội dung:** HS Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bàn để hoàn thiện nhiệm vụ về nghĩa của yếu tố Hán Việt thông dụng, biện pháp tu từ. Từ đó hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đưa ra câu hỏi, yêu cầu HS để HS trao đổi thảo luận theo hình thức cặp đôi chia sẻ:  -Có những cách nào giúp ta hiểu được nghĩa của từ?  -Hiệu quả của việc sử dụng phép tu từ là gì? Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh trong câu: “ Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi cửa hang, như là tiếng nhạc” (*Nếu cậu muốn có một người bạn)*  -Thế nào là từ ghép, từ láy? Tìm 3 từ ghép, 3 từ láy trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn ?*  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Nhắc lại lí thuyết**  **1. Nghĩa của từ**  - Để hiểu được nghĩa của từ, có thể dựa vào từ điển, có thể đoán nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện; đối với từ Hán Việt có thể giải nghĩa từng thành tố tạo nên từ.  **2. Phép tu từ:**  - Việc sử dụng phép tu từ làm cho việc diễn đạt sinh động, gợi hình, gợi cảm.  - Phép so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc, một âm thanh du dương, mang cảm xúc  **Tác dụng:** so sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương , những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặ biệt và đầy ý nghĩa.  **3.Từ láy, từ ghép:**  +Từ ghép là từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ: *tiếng nhạc, bánh mì, vàng óng*  +Từ láy là từ phức mà các tiếng chỉ có quan hệ với nhau về âm (lặp lại âm đầu, vần hoặc lặp lại cả âm đầu và vần) .Ví dụ: *bồn chồn, lo lắng, phàn nàn* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ nghĩa của từ, biện pháp tu từ thể hiện cụ thể trongVB Nếu cậu muốn có một người bạn.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 1: Tìm và giải thích nghĩa một sô từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa:  *Cảm hóa:* dùng tình cảm tốt đẹp làm cho đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực.  GV cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ mỗi bàn một nhóm  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng cố kiến thức về nghĩa của từ cho HS  **Bài 2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 2:  GV hướng dẫn HS dựa vào câu văn chứa từ và phần chú thích để giải thích nghĩa của các từ: sửa soạn, trống rỗng, đơn điệu, cốt lõi, kiên nhẫn.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng cố  **Bài 3**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 3:  GV hướng dẫn HS sau khi hiểu nghĩa của từ đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi HS mới có thể đặt câu. Khi đặt câu theo một từ cho trước , cần lưu ý điều gì?  GV lưu ý:  -Hiểu đúng nghĩa của từ  -Sử dụng ngữ cảnh phù hợp  -Chú ý câu đủ thành phần chính chủ ngữ, vị ngữ; dấu câu kết thúc phù hợp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  **Bài 4**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs làm việc cá nhân.Gv hướng dẫn HS tìm hiểu và thực hiện yêu cầu của bài tập 4: Phép tu từ điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bài 5**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hs làm việc cá nhân. Gv hướng dẫn HS viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn,* sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  BT 5 không còn thời gian thì GV giao cho HS về nhà hoàn chỉnh sau. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 SGK trang 26:** Tìm và giải thích nghĩa một sô từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa:  Từ có yếu tố *hóa* được hiểu theo nghĩa là "trở thành, làm cho trở thành hay làm cho tính chất mà trước đó chưa có":  -Từ Hán Việt theo mô hình như từ cảm hóa: tha hóa, xã hội hóa, nhân cách hóa, đồng hóa, trẻ hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa,...  -*Tha hóa:* biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược với bản chất vốn có.  -*Nhân cách hóa:* gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách như con người (một biện pháp tu từ).  -*Công nghiệp hóa*: là quá trình phát triển nâng cao tỉ trọng của ngành công nghiêp của một vùng hay một quốc gia.  **Bài 2 SGK trang 26**  Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong câu:  -*Sửa soạn*: chuẩn bị, sắp đặt trước để làm việc gì đó.  -*Cốt lõi:* cái chính và quan trọng nhất  -*Đơn điệu:* chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu.  -*Trống rỗng:* không chứa đựng cái gì  *-Kiên nhẫn:* bến bỉ, nhẫn nại dẫu có gặp khó khăn, trở ngại.  **Bài 3 SGK trang 26:** Với mỗi từ sau, hãy đặt thành một câu:đơn điệu, kiên nhẫn, cốt lõi  -Điều cốt lõi của tình bạn là trân trọng và yêu thương lẫn, giúp đỡ nhau.  -Tôi rất kiên nhẫn mỗi khi làm bài tập.  -Cuộc sống của tôi không hề đơn điệu chút nào.  **Bài 4 SGK trang 26:** Những lời thoại được lặp đi lặp lại trong VB: Vĩnh biệt, Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần, chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn, bạn có trách nhiệm với bông hỗng của bạn...  Những lời thoại lặp đi lặp lại như vậy vừa có tác dụng nhấn mạnh Nội dungcâu nói, vừa tạo tính nhạc, chất thơ cho văn bản.  **Bài 5 SGK trang 26:** Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  -Dung lượng đoạn văn từ 5-7 câu  -Nội dungcủa đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*  -Đoạn văn sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy |

Đoạn văn tham khảo : Cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*

(1)Nhân vật hoàng tử bé trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*là một hình ảnh vô cùng đẹp đẽ và đáng yêu, có sức hấp dẫn đối với tuổi thơ. (2)Nhà văn đã tưởng tượng ra một cuộc gặp gỡ bất ngờ của hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. (3)Hai nhân vật đều chung tâm trạng *buồn bã*, thất vọng, đau khổ gặp nhau, trò chuyện với nhau. (4)Những nét trong sáng, thân thiện của hoàng tử thể hiện ở thái độ chân thành khi đáp lại lời chào của cáo, lời khen Cáo *“cậu thật dễ thương”* và những lời đề nghị *“cậu cảm hóa mình đi!”*.(5) Cứ thế, thế giới tâm hồn của hoàng tử được chiếu sáng từ những lời giải thích của cáo về từ “cảm hóa”. (5)Chia tay cáo, hoàng tử đã tìm được ý nghĩa của tình bạn, trách nhiệm với bông hồng duy nhất của mình, ý nghĩa của cuộc sống. (7)Tình bạn trong sáng*, đẹp đẽ* giữa hoàng tử bé và cáo gợi bao nhiêu ý nghĩa cho bạn đọc!

**………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:10/9/2022

Ngày dạy:

**Tiết 10,11 Văn bản 3: BẮT NẠT**

*(Nguyễn Thế Hoàng Linh)*

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS chia sẻ trải nghiệm hoặc phát biểu ý kiến về hiện tượng bắt nạt trong môi trường trường học .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GVChiếu một vài hình ảnh, HS quan sát, suy nghĩ, nhận xét đặt câu hỏi, HS lắng nghe, suy nghĩ chia sẻ:

-Những bức tranh trên gợi cho em nghĩ đến hành vi nào? Em nghĩ gì về hành vi ấy?

-Nếu bị bạn bắt nạn, em sẽ làm gì?

HS bày tỏ, chia sẻ.

GV nêu vấn đề: “ Bắt nạt” hành vi khá phổ biến trong tuổi học trò. Đơn giản thì dành của bạn cây bút, quyển sách, món đồ, đáng lo hơn là những lời nói dọa nạt, những lần động chân, động tay. Mức độ ảnh hưởng của hành vi bắt nạn thì cũng đáng kể. Nhiều bạn HS rơi vào tâm trạng lo lắng, hoang mang, thậm chí sợ hãi. Nói đến chuyện bắt nạt, có lẽ chỉ ở các giờ học ngoại khóa, các tiết trải nghiệm thôi. Ấy thế mà nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh lại viết thành thơ các em ạ.

Trước một hành động rất xấu xí ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở mỗi chúng ta cần làm gì? Chúng ta cùng khám phá bài thơ!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I.Đọc- tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giảNguyễn Thế Hoàng Linh, nhận biết được sự khác nhau giữa VB truyện và VB thơ, nhận biết được chủ đề, Nội dungvà đặc sắc nghệ thuật của bài thơ. Có nhận thức đúng đắn về hành vi bắt nạt.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện .

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **1: Tác giả**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy đọc SGK trang 31 và giới thiệu những hiểu biết của em về nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh -Em biết những tác phẩm nào của nhà thơ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  GV chiếu một số hình ảnh về một số tập thơ của tác giả  **2: Tác phẩm**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB: giọng đọc tâm tình, gần gũi, dứt khoát.  GV chỉ định một số HS đọc bài thơ.  Chú ý một số từ cần giải thích nghĩa như: híp- hóp, mù tạp?  Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, hãy cho biết VB *Bắt nạt* thuộc loại gì? Giới thiệu khái quát về tác phẩm? (Bài thơ được rút ra từ tập thơ nào, thể thơ gì)  Nhân vật “tớ” là ai? Nhân vật tớ có vai trò gì trong bài thơ ?  Khác với VB truyện, VB thơ tác giả viết nhằm mục đích gì (bày tỏ tình cảm, cảm xúc trước hiện tượng, ...)  Nhân vật “tớ” là ai?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó  HS trình bày xuất xứ bài thơ, đặc điểm về thể thơ, chủ đề, bước đầu tìm hiểu nhân vật trữ tình trong bài thơ.  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  -GV nhận xét, hỗ trợ HS cách đọc thơ: ngoài đọc to rõ ràng, cần chú ý đến giọng điệu tâm tình của bài thơ, ngắt nhịp phù hợp để toát lên tâm tư, thái độ của người viết  -GV nhấn mạnh về sự khác biết giữa VB truyện và Vb thơ:  VB truyện có đặc điểm cơ bản:dùng phương thức tự sự kể lại chuỗi sự việc (có nhân vật, sự việc, cốt truyện, nhằm thể hiện ý nghĩa bài học cụ thể)  VB thơ có vần điệu, thể hiện qua ngôn từ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh,...nhằm bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết (thông qua nhân vật trữ tình) | **I.Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:** Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năn 1982, quê ở Hà Nội, là một nhà thơ trẻ, sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, anh có hàng ngàn bài thơ  -Thơ anh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, vui tươi  -Các tập thơ: Uống một ngụm nước biển, Bé tập tô, Ra vườn nhặt nắng...  **2. Tác phẩm: Bài thơ Bắt nạt**  **a. Đọc, chú thích**  **b. Tìm hiểu chung**  -Xuất xứ: In trong tập thơ: Ra vườn nhặt nắng, sáng tác năm 2017  -Thể thơ: 5 chữ  -Chủ đề: Hiện tượng bắt nạt  -Nhân vật trữ tình: Tác giả xưng “tớ”  -Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm. |

**II. Đọc – hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

-Giúp HS hiểu được thái độ của nhân vật tớ , ý vị hài hước của bài thơ

**b. Nội dung** : -Gv sử dụng kĩ thuật mảnh ghép cho Hs thảo luận.

-HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của Gv và HS** | **Nội dung** |
| **1.Thái độ của nhân vật tớ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm :  **Nhân vật "tớ" trong bài thể hiện thái độ như thế nào với các bạn bắt nạt và bị bắt nạt?**  -Tìm những câu thơ thể hiện thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạn? -Cách đề cập vấn đề của nhân vật tớ có gì đặc sắc (cách xưng hô, giọng thơ, cách nói...của nhân vật tớ)?  -Cụm từ “đừng bắt nạt” được xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Đó là phép tu từ gì, tác dụng của phép tu từ ấy?  Từ đó, em hãy nhận xét về thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạt?Em có đồng tình với thái độ đó không?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  GV: HS bày tỏ quan điểm: Có thể đồng tình/ hoặc không đồng tình. Hs được tự do tranh luận. Tuy nhiên, GV cần hướng tới thái độ sống tích cực, thân thiện, bao dung với người bắt nạt. Bởi vì, họ cũng cần được giúp đỡ về tâm lí.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV nêu yêu cầu.HS chia sẻ cặp đôi  Trong bài thơ, tác giả chỉ ra đối tượng bị bắt nạt là ai? Tìm những câu thơ thể hiện thái độ của nhân vật *tớ* với người bị bắt nạt? Đó là thái độ gì? Em có đồng tình với thái độ đó không?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc thầm VB. Tìm dữ liệu. Suy nghĩ và trao đổi cặp đôi  **B3. Báo cáo, thảo luận:** Đại diện HS bày tỏ, chia sẻ  **B4. Kết luận, nhận định:**  **2. Ý vị hài hước của bài thơ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS nêu những biểu hiện của tiếng cười, nét hài hước trong bài thơ.  HS đọc VB. Bài thơ nói chuyện bắt nạt ẩn chứa ý vị hài hước. Hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý vị hài hước đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1.Thái độ của nhân vật tớ**  **a.Với các bạn bắt nạt**  Những câu thơ bày tỏ thái độ của nhân vật tớ với người bắt nạt:  -*Bắt nạt là xấu lắm*  *-Bất cứ ai trên đời/Đều không cần bắt nạt.*  *-Vẫn không thích bắt nạt/ Vì bắt nạt rất hôi*  + Cách xưng hô: *“tớ- bạn”, gọi “bạn ơi”* tạo giọng thơ tâm tình, trò chuyện*.*  *+*Câu hỏi dí dỏm, hài hước*: “Sao không nhảy híp- hóp?”, “Sao không ăn mù tạp?”*  *+*Cụm từ “đừng bắt nạt” nhiều lần lặp đi lặp lại trong bài thơ. Phép điệp ngữ “đừng bắt nạt” là lời nhắc nhở, thể hiện thái độ phủ địnhvới thói xấu bắt nạt.  \*Nhân vật tớ bày tỏ thái độ đối với các bạn bắt nạt rất thẳng thắn, phủ nhận một cách dứt khoát, mạnh mẽ chuyện bắt nạt.Coi đó là việc xấu xí, không nên làm.  \* Tuy nhiên, nhân vật tớ không dùng cách lên án kịch liệt mà ngược lại thái độ cởi mở, thân thiện.  b.Với các bạn bị bắt nạt  -Người bị bắt nạt có thể là tất cả mọi người, mọi sự vật, mọi thứ  -Thái độ về người bị bắt nạt: “ *Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/Trông đáng yêu đấy chứ”.* Dùng hình ảnh so sánh người bị bắt nạt với “thỏ non” thể hiện thái độ gần gũi, tôn trọng và yêu mến  -Thái độ bênh vực: *“Bạn nào bắt nạt bạn/ Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu thích bắt nạt/ Thì đến gặp tớ ngay”*  **2. Ý vị hài hước của bài thơ**  - Bắt nạt là một thói xấu, có thể gây tổn thương, nỗi sợ hãi, ám ảnh, thậm chí cả hậu quả nặng nề nhưng bài thơ lại nói bằng giọng điệu hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện  -Cách nói hài hước, dí dỏm, hình ảnh thơ ngộ nghĩnh: “*Sao không ăn mù tạp/ Đối diện thử thách đi”*  *“Tại sao lại không hát/ Nhảy híp hóp cho hay”.*  -Lí giải hồn nhiên, phù hợp tâm lí trẻ thơ: Bắt nạt “*rất hôi”, “dễ lây”* tạo ra tiếng cười nhẹ nhàng, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận, thể hiện **cách nhìn thân thiện, bao dung và tinh thần đối thoại**. Bởi vì không chỉ người bị bắt nạt cần bảo vệ, mà người bắt nạt cũng cần được giúp đỡ. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

-HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, Nội dungý nghĩa của bài thơ

**b. Nội dung** : -GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

-HS làm việc cá nhân để tìm hiểu Nội dungvà nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sán phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc bài thơ, em thấy tác giả muốn nhắn gửi thông điệp gì?  Đồng thời giúp em hiểu gì vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh?  Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ như thế nào?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  (ghi bảng) | **III.Tổng kết**  **1.Nội dung:**  **-**Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt là thói quen xấu xí, đáng chê. Từ đó giúp mọi người có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.  -Tâm hồn thơ trong sáng, cách nhìn thân thiện, bao dung của nhà thơ.  **2. Nghệ thuật:**  -Thể thơ 5 chữ  - Hình ảnh thơ ngộ nghĩnh.  -Giọng thơ hài hước, dí dỏm, tâm tình, gần gũi, tạo không khí thân thiện, khiến người nghe dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn bao dung |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản:

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS viết một đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng), nêu suy nghĩ của em về hiện tượng bắt nạt trong học đường.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  GV hướng HS tới thái độ sống tích cực, đúng đắn. | **Yêu cầu:**  - Về Nội dung: HS bày tỏ quan điểm của mình về hiện tượng bắt nạt trong học đường.  Gợi ý:  +Hiện tượng bắt nạt trong học đường là hiện tượng đáng chê/ tiêu cực, cần loại bỏ.  +Tại sao?Lí giải những hậu quả đối với người bị bắt nạt, người bắt nạt, mọi người.  +Cần xây dựng môi trường học đường AN TOÀN, HẠNH PHÚC.  - Đoạn văn giới hạn số câu: khoảng 5-7 câu |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:**.**HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV cho HS thảo luận nhóm ( chia lớp thành 4 nhóm); thời gian 5 phút

Nội dungthảo luận: Câu hỏi 5 SGK trang 33

-Tình huống bị bắt nạt: Em im lặng, chịu đựng, chống đối lại kẻ bắt nạt hay tìm sự giúp đỡ từ bạn bè, thầy cô, người thân?

-Tình huống chứng kiến chuyện bắt nạt: em thờ ơ, không quan tâm vì đó là chuyện không liên quan đến mình, có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc “vào hùa” để cổ vũ hay can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt?

-Tình huống là kẻ bắt nạt: Em coi đó là chuyện bình thường, thậm chí là một cách khẳn định bản thân hay nhận ra đó là hành vi xấu cần loại bỏ, cảm thấy ân hận và xin lỗi ngườ bị bắt nạt?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, thảo luận, HS bày tỏ quan điểm cá nhân. Qua bài học, các em thể vẽ tranh, viết kịch bản ngắn và đóng kịch ...sau khi học xong văn bản, hướng tới các tình huống em đã trải qua, hoặc chứng kiến chuyện bắt nạt.

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời, nhận xét, bày tỏ

**B4. Kết luận, nhận định:**

Thái độ ứng xử của HS trong các tình huống thực tiễn:

-Tình huống bị bắt nạt:

- Tình huống chứng kiến chuyện bắt nạt:

-Tình huống là kẻ bắt nạt

GV hướng HS tới thái độ sống tích cực, đúng đắn.

Qua bài học, các em thể vẽ tranh, viết kịch bản ngắn và đóng kịch ...hướng tới các tình huống em đã trải qua, hoặc chứng kiến chuyện bắt nạt để gửi găm suy nghĩ, quan điểm về chuyện bắt nạt.

**………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 12,13: VIẾT: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**a. Mục tiêu:** -HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết bài, chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- HS viết được bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**+** GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm mà các em đã viết ở bài 1.

+ GV dẫn dắt: Trong VB Bài học đường đời đầu tiên các em đã được học, nhân vật Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào? (HS bộc lộ: Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ là Dế mèn đã trêu chị Cốc và gây ra cái chết thương tâm cho Dế Choắt. Từ đó, Dế Mèn ân hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên).

Còn các em, nếu kể lại một trải nghiệm của bản thân, em sẽ kể câu chuyện gì? Hãy nhớ lại một câu chuyện đã xảy ra, có ý nghĩa với em ? (gọi 1 ,2 HS bày tỏ, chia sẻ)

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài văn**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Theo em, một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ theo ngôi thứ nhất cần có những yêu cầu gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm. Đây cũng là yêu cầu theo đặc trưng của một bài văn tự sự. | **1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm**  -Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  -Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  -Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  -Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể. |

**2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đây là câu chuyện kể về một kỉ niệm buồn mất đi người bạn nhỏ của người kể.  GV yêu cầu 1 đến 2 HS đọc nối tiếp văn bản tham khảo.  GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu thể hiện của bài viết kể về một lần trải nghiệm.  -Vì sao em biết câu chuyện này được kể ở ngôi thứ nhất?  -Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?  -Bài viết tập trung kể vào sự việc nào?  **-Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người kể trước sự việc được kể?**  **-Dòng nào, đoạn nào chỉ ra lí do trải nghiệm đó có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ, và hành động?**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | **2. Phân tích bài tham khảo: Người bạn nhỏ**  \*Bước 1: Đọc văn bản Trải nghiệm buồn của tôi  - Đọc lại tác phẩm truyện cần kể lại.  - Xem xét các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).  \*Bước 2: **Nhận xét, phân tích các yêu cầu cụ thể:**  **+Ngôi kể: thứ nhất vì người kể chuyện xưng “tôi”:**  **+Mở bài: Phần đầu đã giới thiệu *trải nghiệm cùng người bạn nhỏ ấy là câu chuyện đáng nhớ với cả ba mẹ con tôi.***  **+ Sự việc chính:**  Sự việc1: Ngôi nhà của ba mẹ con xinh xăn nhưng rất nhiều chuột .  Sự việc2: Bà ngoại gửi cho ba mẹ con một con mèo mun  Sự việc3: Ngôi nhà nhỏ thay đổi từ khi có Mun  Sự việc4: Một buổi chiều Mun đã bị mất tích  **-Từ ngữ thể hiện cảm xúc của người kể trước sự việc: buồn, khóc, chẳng ai quên được Mun** |

**……………………………………………………………………………………………….**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 14, 15: THỰC HÀNH VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết (kể lại trải nghiệm); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU TÌM Ý**

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời câu hỏi vào cột trái:

|  |  |
| --- | --- |
| Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào? |  |
| Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? |  |
| Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra?theo thứ tự như thế nào? |  |
| Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? |  |
| + Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình bằngkĩ thuật công não.  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài văn của mình theo nhiều cách:hình dung, tưởng tượng, sử dụng kỉ vật, phỏng vấn...  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các  -Hướng dẫn HS viết nháp, viết theo trí nhớ...  GV cho HS xây dựng theo phiếu học tập số : Phiếu tìm ý  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS Nội dung  + GV quan sát  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Viết bài: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.**  **Bước 1: Chọn lựa đề tài**  **Bước 2: Tìm ý ( điền phiếu tìm ý)**  **+**Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào?  +Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì?  + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra?theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  +Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?  +Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?  - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:  + Mở bài: Giới thiệu câu chuyện  + Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình nhất định (tự thời gian,không gian...)  + Kết bài: Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.  **\*Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình  ***Bước 4*: *Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.***  **\* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết.**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng**

**cách trả lời các câu hỏi sau:**

1.Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa?

..............................................................................................................................

2.Nội dungbài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa?(Nếu chưa,

hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).

..............................................................................................................................

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

.............................................................................................................................

4.Có nên bổ sung Nội dungcho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ

sung.)

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu

hay đoạn cần lược bỏ.)

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ

các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

**……………………………………………………………………………………………….**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 16: NÓI VÀ NGHE: KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN**

**a**. **Mục tiêu**: HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân (tiếp nối bài 1 Tôi và các bạn).

**b. Nội dung:** HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động chuẩn bị bài nói, trao đổi bài nói, trình bày bài nói.

**c. Sản phẩm:** Nội dungbài nói, phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS nghe một giọng kể chuyện trích you tobe .

**c. Sản phẩm:**Nhận xét của HS về giọng kể, cách sử dụng ngôn ngữ của người kể

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV mở youtobe cho HS nghe một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện ?

- GV giao nhiệm vụ: Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Vào bài (kĩ năng nói và nghe).

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: Nói và nghe**

**1.Chuẩn bị nội dungnói .**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:**Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói (trình bày).  Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.  Bước 3: Luyện tập và trình bày.  Bước 4: Trao đổi, đánh giá.  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói.**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dungkiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với Nội dungđược kể. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể. |  | |

**2.Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:**Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gọi một sốHS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** | **2. Trình bày bài nói** |

**3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi**.

**c. Sản phẩm:**Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gọi một sốHS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày  **B4. Kết luận, nhận định:** | **3. Đánh giá bài nói** |

\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC:**

**1. Kế hoạch đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | | |
| **NHÓM............................** | | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
|  |  |  |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể | Có chuyện đểkể nhưng chưa hay | Câu chuyện hay và ấn tượng |
| 2. Nội dungcâu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được Nội dungcâu chuyện. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được Nội dungcâu chuyện. | Nội dungcâu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với Nội dungcâu chuyện. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | | |

**2. Phiếu học tập**

***Kí duyệt***

***Ngày tháng 9 năm 2022***

***Nguyễn Thị Hằng***

**Bài 2: GÕ CỬA TRÁI TIM (12 tiết)**

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

(Ca dao Việt Nam)

**Ngày soạn: 26/9/2022**

**Ngày dạy : /10/2022**

**Tiết 17, 18: - TRI THỨC NGỮ VĂN,**

**- VĂN BẢN: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

**A. MỤC TIÊU**

**1.Năng lực**

a. Năng lực chung

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra.

- Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công

Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân).

b. Năng lực đặc thù

Đọc: - Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. Nhận biết và cảm nhận được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết được được ẩn dụ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ.

Nghe – nói: Biết trình bày ý kiến của mình về các nhân vật, hình ảnh, đoạn thơ... biết thể hiện thái độ và quan điểm cá nhân trước những vấn đè mà VB gợi ra.

Viết: - Biết viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự; trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**2. Phẩm chất**

- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình

**Tiết 17: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và nêu thể loại của văn bản chính.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Câu hỏi gợi về chủ đề tình cảm gia đình: GV mở đĩa hát: Nghe bài hát Ba ngọn nến lung linh của nhạc sĩ Ngọc Lễ

Cảm xúc của em khi nghe bài hát ấy? Em nhận thấy, tình cảm gia đình có vai trò như thế nào với mỗi con người.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS bày tỏ:

- Cảm xúc của mình khi nghe ca khúc Ba ngọn nến như: cảm thấy ấm áp, hạnh phúc hoặc có thể buồn, nhớ mẹ......

- Bước đầu nhận thấy: gia đình có vai trò quan trọng, nơi cho con người niềm vui sướng, hạnh phúc, nơi con người được yêu thương, che chở....

**B3. Báo cáo, thảo luận:**

**B4. Kết luận, nhận định:** GV dẫn dắt vào chủ đề: Khép lại bài 1 chủ đề tình bạn, sang bài *Gõ cửa trái tim* sẽ đưa cô trò ta về với bến bờ yêu thương của tình cảm gia đình. Gia đình là tổ ấm thiêng liêng, nơi con người luôn hướng trái tim về, nơi mỗi chúng ta luôn vun vén, chăm chút để gia đình thật sự là tổ ấm. Cô hi vọng với hai bài thơ đặc sắc: *Chuyện cổ tích về loài người* của nữ thi sĩ Xuân Quỳnh và *Mây và sóng* của nhà thơ Ta-go sẽ cho các em thật nhiều cảm xúc về gia đình của mình. Qua đây, chúng ta cũng được tìm *hiểu về thể loại thơ*- một trong những thể loại đặc sắc của văn học với những đặc trưng rất riêng *!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** - Giúp HS tìm hiểu về phần giới thiệu bài học, nắm được chủ đề bài học, phạm vi tìm hiểu của chủ đề

**b.** **Nội dung**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Giới thiệu bài học**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc phần giới thiệu bài học  - Hướng dẫn trao đổi, theo hình thức cặp đôi chia sẻ . Yêu cầu đại diện cặp đôi trình bày cách hiểu về phần giới thiệu bài học:  Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là những nội dung gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **2. Tri thức ngữ văn**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cần HS đọc phần tri thức ngữ văn trước lớp.  Hướng dẫn HS suy nghĩ tìm ra một số đặc điểm cơ bản của thơ:  - Hãy kể tên một số bài thơ đã học và chia sẻ kinh nghiệm của mình khi học các tác phẩm thơ?  - Khi đọc một bài thơ, điều gì làm em tâm đắc nhất.  - Căn cứ vào đâu để xác định được thể của một bài?  Ngôn ngữ của thơ có đặc điểm gì?  - Tác giả viết thơ nhằm mục đích gì?  - Trong thơ có yếu tố tự sự và miêu tả không, tác dụng của ngững yếu tố đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  - Vần: là phương tiện để tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định.  + Vần chân: Vần được gieo ở tiếng cuối của dòng thơ . Vần chân rất đa dạng khi liên tiếp, khi gián cách  + Vần lưng: vần được gieo ở tiếng giữa dòng thơ  - Nhịp: là chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ trên sự lặp đi lặp lại của chu kì số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng.  - Thanh: là thanh tính của âm tiết, Tiếng Việt có 6 thanh:thanh ngang, thanh sắc, thanh ngã, thanh huyền, thanh hỏi, thanh nặng.  - Âm điệu: là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ.  - Nhân vật trữ tình: là hình tượng nhà thơ xây dựng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc. | **1. Giới thiệu bài học**  - Nội dung 1: Giới thiệu chủ đề bài học. Các văn bản được học đều xoay quanh tình cảm gia đình  -Nội dung 2: Giới thiệu thể loại chính của các văn bản đọc hiểu là thơ. Các VB hướng tới nhận diện đặc trưng của thể loại thơ  **2. Tri thức ngữ văn**  - Thơ: là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, với những tâm trạng dạt dào, với những tưởng tượng mạnh mẽ, ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu  - Một số đặc điểm của thơ:  + Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định, với những đặc điểm riêng về số tiếng mỗi dòng, số dòng mỗi câu.  + Ngôn ngữ thơ cô đọng hàm súc, giàu nhạc điệu giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...)  + Nội dung chủ yếu của thơ là thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có yêu tố miêu tả, tự sự nhưng những yếu tố đó chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Em hãy đọc một bài thơ mà em yêu thích. Dựa trên đặc điểm của thơ, em hãy chỉ ra các yếu tố cơ bản như: thể thơ, ngôn ngữ, vần, nhịp, nhân vật trữ tình, yếu tố miêu tả tự sự, các biệp pháp tu từ chủ yếu của bài thơ đó?

Những yếu tố đó giúp em xác định được bài thơ viết về nội dung gì?

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung .

**Tiết 18: VĂN BẢN: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

*(Xuân Quỳnh).*

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung :** - GV logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt một số câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời

- Em hãy kể tên một số truyện về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học dân gian nước ngoài mà em biết? Trong truyện kể về nguồn gốc ra đời của loài người có điều gì kì lạ?

- GV có thể gợi ý một số truyện kể về nguồn gốc loài người trong văn học như: Con rồng, cháu tiên kể về Lạc Long Quân và Âu Cơ, Bàn cờ cổ khai thiên lập địa, Nữ Oa sáng tạo ra con người (phương Đông), Thần Pờ-rô-mê-tê (thần thoại Hi Lạp)...Các truyện đó có điểm kì lạ là đều giải thích về nguồn gốc loài người do Trời sinh ra. Đó là cách giải thích mang màu sắc hoang đường, kì ảo.

Từ cách giải thích của HS, GV dẫn dắt vào bài:

Nhan đề Chuyện cổ tích về loài người giúp em liên tưởng đến điều gì? HS chia sẻ. GV dẫn dắt: Chuyện cổ tích về loài người lí giải về nguồn gốc của con người, nhưng liệu có giống với các câu chuyện dân gian không? Với Xuân Quỳnh, một nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca, nhà thơ đã giải thích nguồn gốc của con người bằng một lối tư duy giàu hình tượng của thơ. Nhà thơ mượn lời tâm tình từ trái tim của người mẹ, để lí giải về nguồn gốc của loài người một cách rất độc đáo, rất thơ! Bài học hôm nay, cô sẽ cùng các em bước vào khám phá bài thơ để hiểu thêm về những giá trị mới nhé!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Đọc-tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS nắm được kiến thức chính về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung :** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nhà thơ Xuân Quỳnh, và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài ngườ*i.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Tác giả:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  Hãy đọc SGK trang 48 và giới thiệu những hiểu biết của em về nhà thơ Xuân Quỳnh?  - Kể tên những bài thơ, hoặc tập thơ của Xuân Quỳnh ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV mở rộng đôi nét về nhà thơ Xuân Quỳnh.  Xuân Quỳnh được xem là một trong nữ thi sĩ nổi tiếng với nhiều những bài thơ đã đi vào lòng của biết bao nhiêu thế hệ như: Thuyền và Biển, Sóng, Tiếng gà trưa, Thơ tình cuối mùa thu,…  Nhà thơ Xuân Quỳnh đã được nhà nước phong tặng Giải thưởng Nhà nước và Giải thưởng Hồ Chí Minh về những thành tựu bà đã làm cho nền văn học của nước nhà.  **2. Tác phẩm:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS đọc bài thơ, đọc mẫu một đoạn. Khi đọc, HS cần liên tưởng hình dung và theo dõi cảnh tượng trái đất khi trẻ em sinh ra....  Sau khi HS đã đọc, GV hướng dẫn HS tìm hiểu những kiến thức chung về bài thơ. GV hướng dẫn học sinh thảo luận để tìm ra đặc trưng cơ bản của bài thơ.  Bài thơ được rút ra từ tập thơ nào?  Em hãy nêu những căn cứ để xác định Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ  + Chỉ ra yếu tố tự sự trong bài thơ. Mặc dù có yếu tố tự sự nhưng vẫn được gọi là bài thơ?  + Về hình thức, mỗi dòng thơ có mấy tiếng? số dòng thơ trong bài như thế nào?  + Chỉ ra cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ?)  Bài thơ có thể chia làm mấy phần, nêu ý chính từng phần?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **I. Đọc-tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Tên khai sinh: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh.  - Quê quán :Hà Nội.  - Sinh năm 1942, mất năm 1988  - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi của bà tràn đầy tình yêu thương, trìu mến.  - Thơ Xuân Quỳnh có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với tình cảm và cách nghĩ của trẻ thơ  Tập thơ tiêu biểu viết cho thiếu nhi của nhà thơ: Bầu trời trong quả trứng, lời ru trên mặt đất, Bến tàu trong thành phố.  **2. Tác phẩm:**  **a. Đọc, chú thích**  **b. Tìm hiểu chung**  - Xuất xứ: In trong tập thơ: Lời ru trên mặt đất, 1978  - Thể thơ: 5 chữ  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm (mượn yếu tố tự sự để bộc lộ tình cảm, cảm xúc, tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ).  - Gieo vần: vần chân  - Ngắt nhịp 3/2/ hoặc 2/3  c. Bố cục: 2 phần  -Phần 1: “*Trời sinh ra trước nhất*....*Chưa có màu sắc khác*” Thế giới trước khi trẻ con được sinh ra  - Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con được sinh ra:  +Những đổi thay về thiên nhiên  +Sự xuất hiện của những người thân:  Người mẹ, người bà, người bố, người thầy và mái trường |

**II. Đọc- hiểu văn bản.**

**a. Mục tiêu:**

-Giúp HS hiểu được sự đổi thay của thế giới trước và sau khi trẻ em được sinh ra. Sự xuất hiện của thiên nhiên đến những người thân cho thấy trẻ em là trung tâm, cần được yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng cả về vật chất lẫn tinh thần.

**b.** **Nội dung:** -Gv sử dụng kĩ thuật mảnh ghép cho Hs thảo luận.

-HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Vòng chuyên sâu: (8 phút)  TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 5 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm.  -Phát phiếu học tập số 1  -Giao nhiệm vụ cho các nhóm  Nhóm 1: Thế giới thiên nhiên thay đổi như thế nào trước và sau khi trẻ em được sinh ra . Liệt kê những sự vật hiện tượng xuất hiện trên trái đất, lí gải cho sự xuất hiện của những sự vật ấy?  Nhóm 2: Món quà tình cảm nào mà theo nhà thơ, chỉ có người mẹ mới đem đến được cho trẻ? (Hãy liệt kế các hình ảnh ấy hiện lên trong lời ru của mẹ, mỗi hình ảnh giúp em liên tương đến bài ca dao nào gợi nhắc có ý nghĩa gì?)  Nhóm 3: Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Hãy nêu những điều mà bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó.  Nhóm 4: Tìm những từ ngữ hình ảnh nói về bố. Từ đó tìm ra nét riêng giữa tình cảm của bố so với bà và mẹ dành cho trẻ?  Nhóm 5: Trong khổ thơ cuối, em thấy hình ảnh trường lớp và thầy giáo hiện lên như thế nào? Người thầy có vai trò như thế nào cho sự trưởng thành của trẻ thơ?  \* Vòng mảnh ghép:(8 phút)  -Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới  +Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu.  - Câu chuyện về nguồn gốc của loài người qua thơ của tác giả Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện về nguồn gốc của loài người mà em đã biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  -Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  -Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần III  - GV bổ sung:  Thông điệp của nhà thơ  -Bài thơ kể về nguồn gốc loài người mang yếu tố hoàng đường kì lạ. Nhưng được kể theo cách riêng, trẻ con được sinh ra trước, là trung tâm vũ trụ. Vạn vật trên trái đất đều được sinh ra vì trẻ em. Những người thân như ông bà, bố mẹ, được sinh ra để nuôi dạy trẻ khôn lớn thành người.  Sự khác biệt ấy mang thông điệp:  +Tới trẻ em: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình bởi vì họ đã dành cho trẻ em những tình cảm tốt đẹp nhất. Tình cảm cần được thể hiện qua hành động, lời nói,việc làm cụ thể giản dị hành ngày.  +Tới các bậc cha mẹ: Hãy yêu thương chăm sóc và dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất. Bởi vì trẻ em là tương lai của gia đình, đất nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ khôn lớn, trưởng thành. | **II. Đọc- hiểu văn bản.**  **1. Thế giới trước khi trẻ em ra đời**  Trẻ em được sinh ra đầu tiên trên Trái đất. Khi ấy cả trái đất trụi trần, không có gì hết, không có ánh sáng, cây cỏ, màu sắc...  Tất cả bao trùm bởi màu đen.  **2. Thế giới sau khi trẻ em ra đời**  **a. Sự biến đối của thiên nhiên.**  - Hình ảnh: Mặt trời, cỏ cây, bông hoa, ngọn gió, sóng, sông, biển, cá tôm...  - Màu sắc: màu xanh của cây cỏ, màu đỏ của hoa,...  - Âm thanh: tiếng chim hót, tiếng gió..  - Ánh sáng: mặt trời  Mặt trời xuất hiện đầu tiên là món quà vô giá, mang ánh sáng và mọi sự sống được sinh sôi, nảy nở. Những màu sắc của sỏ cây, hoa lá cứ trỗi dậy, lớn dần. Rồi đến chim chóc được sinh ra, mang tiếng hót trong trẻo đến: *“Màu xanh bắt đầu cỏ...truyền âm thanh đi khắp”*  - Các sự vật, hình ảnh thiên nhiên được liệt kê ra thật phong phú, đáng yêu.  - Biệp pháp tu từ so sánh: “Tiếng hót trong bằng nước/ tiếng hót cao bằng mây”; “cây cao bằng gang tay/ Lá cỏ bằng sợi tóc...”; nhân hóa :”Những làn gió thơ ngây”  LK:  Thế giới thiên nhiên hiện ra thật sinh động, gần gũi, hiền lành, là người bạn của trẻ thơ.  Vai trò của thiên nhiên: Dưới trí tưởng tượng của nhà thơ, thiên nhiên dường như đang biến đổi, đem đến cho trẻ em không gian trong trẻo, ánh sáng dịu dàng, âm thanh du dương...Tất cả hướng đến nuôi dưỡng, chăm chút cho trẻ.  **b. Sự xuất hiện những người thân và món quà mang đến cho trẻ em.**  **\*Hình ảnh người mẹ và những lời ru**  -Mẹ mang đến cho con tình yêu thương của mẹ. Tình yêu ấy được thể hiện một cách bình dị nhất qua sự chăm sóc ân cần và lời ru của mẹ  -Những hình ảnh trong lời ru được gợi ra từ lời ru của mẹ:  +Cái bống cái bang gợi liên tưởng đến câu ca dao quen thuộc, cái bống giống như những em bé ngoan ngoãn, chăm chỉ trong bài ca dao *“ Cái Bống là cái bống bang...”.* Nhắc đến cái bống, nhà thơ ngầm nhắc nhở đến những em bé ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương giúp đỡ cha mẹ  +Cánh cò trắng: gợi đến bài ca dao *“Con cò mà đi ăn đêm...”* Cánh cò trắng biểu tượng cho người nông dân vất vẻ, một nắng hai sương kiến ăn mà vẫn quanh năm thiếu thốn. Tuy hoàn cảnh sống lam lũ, cực nhọc nhưng họ vẫn luôn giữa tấm lòng trong sạch.  +Vị gừng : gợi đến bài ca dao *“Tay nâng chén muối đĩa gừng...”* Bài ca nhắc nhở sự thủy chung, nghĩa tình  +Vết lấm, cơn mưa, bãi sông...  Mỗi một hình ảnh trong lời ra của mẹ đều có ý nghĩa sâu xa, gửi gắm những ước mong của mẹ dành cho trẻ thơ  - Những hình ảnh mẹ mang đến cho trẻ qua lời ru chứa đựng những lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đep: biết yêu thương chia sẻ, nhân ái, thủy chung.  **\* Hình ảnh người bà và những câu chuyện cổ tích**  Những câu chuyện cổ tích và những điều bà gửi gắm:  + Tấm Cám, Thạch Sanh: ước mơ về công bằng, ở hiền thi gặp lành  + Cóc kiện trời: Đoàn kết tạo nên sức mạnh.  + Nàng tiên ốc, ba cô tiên: Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp.  Những câu chuyện cổ tích mang đến cho trẻ thơ bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiền gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.  **\* Hình ảnh người bố:**  Nếu mẹ yêu thương trẻ, dành cho trẻ sự chăm sóc ân cần và lời ru ngọt ngào thì bố thể hiện qua sự truyền dậy cho trẻ em những tri thức về thiên nhiên, về cuộc sống.  - Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương. Bố giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ  Trẻ còn cần biết nghĩ, biết ngoan, biết mở rộng hiểu biết và khám phá thế giới xung quanh bằng sự dậy dỗ của bố. Bố dậy con rộng là mặt bể, dài là con đường đi, núi màu xanh và trái đất hình tròn.  **\* Hình ảnh người thầy và mái trường:**  - Hình ảnh mái trường hiện lên rất những gì rất đỗi thân thương và bình dị như chữ viết, bàn ghế, lớp học, bảng,phấn và thầy giáo.  - Người thầy đa mang đến cho trẻ em bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp đẽ... giúp trẻ trưởng thành.Vai trò của yếu tố tự sự trong thơ: Mặc dù phương thức biểu đạt chính của thơ là biểu cảm, nhưng trong bài thơ được lồng yếu tố tự sự. Bài thơ có nhan đề là Chuyện cổ tích về loài người gợi cho người đọc liên tưởng đến những câu chuyện ưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nghiêm, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoàng đường kì lạ. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

-HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ

**b.** **Nội dung :** -GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

-HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời:  +Nêu những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ Chuyện cổ tích về loài người?  +Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ 5 chữ, với giọng thơ tâm tình, thủ thỉ, yêu thương.  -Dùng yếu tố tự sự kết hợp miêu tả trong tác phẩm trữ tình.  -Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, với trí tưởng tưởng bay bổng, tác giả dùng yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích, suy nguyên tăng sức hấp dẫn cho bài thơ.  -Sử dụng nhiều phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.  **2. Nội dung**  -Từ những lí giải về nguồn gốc loài người, nhà thơ nhắc nhở mọi người cần yêu thương, sự chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng trẻ em cả về thể xác và tâm hồn.  -Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ. |

**C. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện. Dự kiến sản phẩm:**

**Nhiệm vụ 1**. **Trả lời câu hỏi như sau:**

**Câu 1:** Bài thơ Chuyện cổ tích về loài người được rút ra từ tập nào của nhà thơ Xuân Quỳnh?

A.*Tơ tằm – Chồi biếc* B. *Lời ru trên mặt đất* .

C. *Bầu trời trong quả trứng*. D. *Vẫn có ông trăng khác*.

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính tác phẩm Chuyện cổ tích về loài người

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

**Nhiệm vụ 2:** Viết một đoạn văn 5 đến 7 câu, nêu cảm nhận của em về một đoạn thơ trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* mà em yêu thích.

GV gợi ý bài tập này cho HS về nhà làm.

GV hướng dẫn HS cần đảm bảo các yêu cầu về:

\* Nội dung đoạn văn

- Xác định đoạn thơ mình yêu thích.

- Xác định được nội dung chính của đoạn thơ.

- Chỉ ra những yếu tố nghệ thuật của đoạn thơ (từ ngữ, hình ảnh, phép tu từ, nhịp điệu...) Chỉ rõ tác dụng

- Cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.

\* Hình thức đoạn văn: Câu mở đoạn: Cần giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả, nên nôi dung, cảm xúc chung về đoạn thơ. Các câu tiếp theo cần thể cảm xúc về các khía cạnh nghệ thuật của đoạn. Câu kết đoạn cần khái quát nội dung chính của đoạn.

**………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn:26/9/2022**

**Ngày dạy : /10/2022**

**Tiết 19,20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Tự học và tự chủ: Đọc ngữ liệu, soạn bài theo yêu cầu, sưu tầm tài liệu

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: phát biểu ý kiến, hoạt động cá nhân, cặp đôi, thảo luận nhóm, tương tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: suy nghĩ trả lời câu hỏi

b. Năng lực đặc thù: - Năng lực ngôn ngữ: Năng lực sử dụng tiếng Việt thể hiện qua các hoạt động: đọc, viết, nói, nghe.

+ Nói rõ mạch lạc các ý tưởng các ý tưởng quan điểm thái độ, bết bảo vệ quan điểm của cá nhân.

- Năng lực văn học: + Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ;

+ Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

+ Nhận diện và phân tích các phép tu từ từ vựng so sánh, nhân hóa, điệp ngữ. Vận dụng được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ trong đọc, hiểu văn bản và trong tạo lập văn bản.

+ Viết được đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ đã học.

**2. Phẩm chất:** - Chăm chỉ: Có tinh thần chủ động, tự giác trong học tập.

- Trách nhiệm: Biết hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ với bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, phân biệt được ngôn ngữ thơ và đời thường, trình bày được hiểu biết về biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ (câu hỏi; bảng KWLH)

**c. Sản phẩm:** Kết quả chuẩn bị bảng KWLH; câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả đã chuẩn bị bảng KWLH- HSNX

**B4. Kết luận, nhận định:** - GV đánh giá công tác chuẩn bị bài của HS

GV dẫn dắt vào bài học mới: Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chắt lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nhận diện được khái niệm và tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ (Câu hỏi)

HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **1,2**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lần lượt yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về so sánh, nhân hóa và lấy ví dụ về so sánh, nhân hóa: Ở tiểu học, các em đã được học về so sánh và nhân hóa, các em hãy cho biết so sánh, nhân hóa là gì? Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa là gì? Lấy ví dụ cho từng biện pháp so sánh, nhân hóa.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng.  + So sánh nhằm để cho sự diễn đạt thêm gợi hình gợi cảm.  + Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, v.v... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.  + Nhân hóa nhằm làm cho vật được nhân hóa trở nên sống động, gần gũi với con người.  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **3. Điệp ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu: Em hãy đọc các ví dụ sau đây và cho biết từ ngữ trong các ví dụ đó có gì đặc biệt? GV có thể đưa ra gợi ý: Từ ngữ trong những ví dụ này có được lặp đi lặp lại nhiều lần không?  + VD1: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.  (Hồ Chí Minh)  + VD2:  Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  Ngàn dâu xanh ngắt một màu  Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?  (Trích Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm)  + VD3:  Nhớ sao lớp học i tờ  Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan  Nhớ sao ngày tháng cơ quan  Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo  Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều  Chày đêm nệm cối đều đều suối xa  (Trích Việt Bắc – Tố Hữu)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. So sánh**  - So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. Nhân hóa**  - *Nhân hóa* là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người nhằm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm của sự diễn đạt.  **3. Điệp ngữ**  - *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  - Điệp ngữ có 3 dạng:  + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.  + Điệp ngữ cách quãng  + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và nêu được tác dụng của BPTT qua bài tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ (Bài tập);HS sử dụng SGK, kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm :** Kết quả làm bài tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bài tập 3,4 SGK trang 44**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3,4 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại khổ hai của VB *Chuyện cổ tích về loài người*;hoàn thành bài tập  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4, hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **Bài tập 5 SGK trang 44**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 5 SGK trang 44;  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn thơ từ *Nhưng còn cần cho trẻ* đến *Từ bãi sông cát vắng*;  - GV yêu cầu HS tự làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **Bài tập 1 ,2 SGK trang 43 – 44;**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 43 – 44 ;  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 3 SGK trang 44**  - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:  + *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.  *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*  - Tác dụng:  Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim. Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài tập 4 SGK trang 44**  - Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;  - Tác dụng:  + *Thơ ngây* – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió  - Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.  **Bài tập 5 SGK trang 44**  - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:  + “rất”  + “Từ cái…”, “Từ…”  - Tác dụng:  + “rất” 🡪 Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;  + “Từ cái…”, “Từ…” => liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc.  **Bài tập 1 SGK trang 43 – 44:**  a. Nghĩa của từ *nhô*  - *nhô* (đt): đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trên hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh  - Mặt trời nhô cao: mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối.  b. Không thể thay thế từ *nhô* bằng từ *lên* vì *lên* chỉ là một nét nghĩa có trong từ *nhô*.  *Nhô* có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.  **Bài tập 2 SGK trang 44**  - Những từ trong văn bản: màu sắc, khao khát, thơ ngây, bế bồng, mênh mông,…  - Những từ ngoài văn bản: quần áo, thầy cô, cha mẹ, bạn bè, yêu dấu,… |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học

**b. Nội dung:** Học sinh vận dụng kiến thức viết đoạn văn đảm bảo hình thức, nội dung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

1. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đã học nêu suy nghĩ của em về vai trò của trẻ em đối với xã hội. Chỉ ra những biện pháp tu từ đó.

2. Sưu tầm 5 ví dụ có sử dụng các biện pháp tu từ đã học trong các văn bản hoặc trên sách báo.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà thực hiện

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Năm khái niệm các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

- Hoàn thiện đoạn văn phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài: Mây và sóng.

+ Đọc thuộc lòng bài thơ, nắm nét chính về tác giả, văn bản.

+ Xác định nhân vật trong văn bản, nhân vật chính, nhân vật phụ

+ Tìm lời nói, hành động của các nhân vật, nhận xét về nhân vật.

**Phiếu học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Khái niệm** | **Ví dụ minh họa** |
| *So sánh* |  |  |
| *Nhân hóa* |  |  |
| *Điệp ngữ* |  |  |

**KIỂM TRA 15 PHÚT LẦN 1**

**\* Ma trận:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Mức độ | | | Tổng |
|  | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng |
| Truyện đồng thoại | - Nhớ khái niệm  - Kể tên truyện đồng thoại |  | Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật có phép tu từ so sánh | 02 Câu  7.0 điểm  70% |
| Từ láy, từ phức |  | Tìm được các từ láy theo yêu cầu |  | 01 Câu  3.0 điểm  30% |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ % | 01 Câu  2.0 điểm  20% | 1.0 Câu  3.0 điểm  30% | 1.0 Câu  5.0 điểm  50% | 03 Câu  10 điểm  100% |

**\* Đề kiểm tra:**

Câu 1: Thế nào là truyện đồng thoại ? Kể tên 2 truyện đồng thoại mà em biết ?(2.0điểm)

Câu 2:Tìm 2 từ láy, 2 từ phức miêu tả đặc điểm của Dế Choắt (4.0 điểm)

Câu 3: Viết đoạn văn ( khoảng 5-7 câu ) trình bày cảm nhận của em về hoàng tử bé hặc cáo (có sử dụng ít nhất 1 phép so sánh, hãy xác định) (5.0 điểm)

**\* Đáp án:**

Câu 1: Khái niệm truyện đồng thoại: là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. (1.0điểm)

Kể tên 2 truyện đồng thoại: Dế Mèn phiêu lưu kí, Hoàng tử bé(1.0điểm)

( HS kể tên truyện đồng thoại khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa

Câu 2:Tim 2 từ láy, 2 từ phức miêu tả đặc điểm của Dế Choắt (2.0 điểm)

HS tìm đúng 2 từ láy, 2 từ phức miêu tả đặc điểm của Dế Choắt (mỗi từ đúng 0.75 điểm)

VD : gầy gò, xấu xí, lêu nghêu, bẩn thỉu, cẩu thả, ốm yếu…

Câu 3: Viết đoạn văn ( khoảng 5-7 câu ) trình bày cảm nhận của em về hoàng tử bé hặc cáo (có sử dụng ít nhất 1 phép so sánh)

- Hs viết được đoạn văn từ 5 đến 7 câu đúng nội dung, có ít nhất 1 phép so sánh , diễn đạt mạch lạc…(3.0 điểm)

- Xác định đúng phép so sánh trong đoạn văn (1.0 điểm)

- Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về nhân vật(0.5đ)

- Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt(0.5đ)

**………………………………………………………………………………………………..**

Ngày soạn: 3/10/2022

Ngày dạy: /10/2022

**Tiết 21,22 :Văn bản: MÂY VÀ SÓNG**

**(**Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

a. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Trong hoạt động học tập tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến.

+ Trình bày 1 cách tự tin ý kiến của mình.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ.

+ Đọc diễn cảm thơ và bước đầu nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ;

+ Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

+ Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

+ Nói rõ mạch lạc các ý tưởng các ý tưởng quan điểm thái độ, biết bảo vệ quan điểm của cá nhân.

- Năng lực văn học:

+ Phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của thể loại thơ (vần, nhịp, hình ảnh và các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh...).

+ Cảm nhận được cái hay về nội dung và nghệ thuật khi sử dụng biện pháp ẩn dụ trong tác phẩm thơ văn.

+ Nhận biết và phân biệt được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa trong tác phẩm thơ văn.

+ Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về bài thơ và tác động của bài thơ đối với bản thân.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Yêu gia đình, hiểu và trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

- Nhân ái: Quan tâm đến trẻ em, đến người thân trong gia đình.

- Trung thực: Thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ tình cảm của mình. Tôn trọng lẽ phải. Biết nhận khuyết điểm của bản thân để khắc phục.

- Trách nhiệm: Xây dựng vun đắp những tình cảm đẹp, bảo vệ yêu thương gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:

1. Chúng ta ai cũng đều được bố mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc, bảo ban. Chúng ta ai cũng muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, nghe lời bố mẹ và thầy cô. Vậy em có tự thấy mình là một người con ngoan không? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?

2. GV tổ chức học sinh chơi trò chơi “Quả bóng kì diệu”, học sinh lựa chọn, nghe nhạc và tìm chủ đề của bài hát.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình;

GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới :Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điều ta cho là hấp dẫn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, che chở, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ ***Mây và sóng*** của Tago đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Đọc, tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go và tác phẩm “Mây và sóng”.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK, tranh ảnh và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. Tác giả**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và xuất xứ tác phẩm;  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **2. Tác phẩm**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu đọc: Giọng đọc nhịp nhàng, mạch lạc, nhưng vẫn thể hiện tình cảm.  GV đọc, giáo viên yêu cầu H/S đọc.  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời các câu hỏi:  + Đọc bài thơ Mây và sóng, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em ai đang kể với ai và kể về điều gì?  + Phương thức biểu đạt của VB là gì? Có sự kết hợp nào ở đây không?  + VB Mây và sóng có hình thức khác với VB Chuyện cổ tích về loài người như thế nào (số tiếng trong các dòng không bằng nhau, không vần, v.v…)? Vì sao nó vẫn được coi là VB thơ?  - GV yêu cầu HS xác định bố cục và thể loại của VB:  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ra-bin-đơ-ra-nat Ta-go(1861 – 1941); Quê quán: Ấn Độ  - Là danh nhân văn hóa, nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ. Thơ Tagore chan chứa tình yêu đất nước, con người, cuộc sống,...  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non*.  - Thể thơ văn xuôi (thơ tự do)  - PTBĐ: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả;  **-** Bố cục:2 phần  + Phần 1: Từ đầu... *và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm*: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”;  + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”. |

**II. Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được những nét độc đáo một bài thơ văn xuôi

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

- Hiểu được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về cuộc đối thoại tưởng tượng của em với những người sống trên “mây và sóng”.

- Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả. Nét chính về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của bài thơ.

**b. Nội dung:** - GV giao nhiệm vụ (Câu hỏi, phiếu bài tập).

GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **1.Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?*  *- Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1.Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”**  *- Thế giới của người trên mây và trong sóng:*  “Bọn tớ chơi …với vầng trăng bạc”  “Bọn tớ ca hát … đến nơi nao”.  *- Cách đến với họ:*  + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;  + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.  🡪 Hình ảnh thiên nhiên rực rỡ sắc màu, lung linh, kì ảo, vui vẻ, hạnh phúc: Lời mời gọi của một thế giới kì diệu, hấp dẫn với cách đến đơn giản.  -> Thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn bao điều thú vị, thật khó có thể từ chối. |
| **2. Lời từ chối của em bé**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé không từ chối ngay lời mời của họ?*  *+ Vì sao em bé từ chối lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **2. Lời từ chối của em bé**  - Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:  *+ Nhưng làm thế nào mình lên đó được?*  *+ Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?*  => Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ.  - Lời từ chối của em bé:  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?*  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*  => Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn.  *=> Được ở bên mẹ là niềm hạnh phúc không gì sánh được.* |
| **3. Trò chơi của em bé**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phát phiếu học tập số 1  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ  Câu 1:Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi nào? Có gì đặc biệt ?  Câu 2: Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?  Câu 3: Nêu suy nghĩ của em về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS:  - Làm việc cá nhân 3’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **3. Trò chơi của em bé**  - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trùm lên người mẹ;  - Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.  => Tình cảm mẹ con sâu sắc:  *a. Tình cảm em bé dành cho mẹ*  - Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ; quấn quýt bên mẹ  *b. Tình cảm mẹ dành cho em bé*  - Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: *mẹ mình đang đợi ở nhà*, *buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà*;  - Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;  - *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào* => Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.  => Ca ngợi, tôn vinh tình mẫu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu. |
| **III. Tổng kết**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB. Nêu ý nghĩa của VB?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;  - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  **2. Nội dung:**  Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  **3. Ý nghĩa**  Bài thơ ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện tưởng tưởng

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

**b. Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c.Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d.Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV):** *Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức của bài thơ để giải quyết tình huống.

**b. Nội dung:** GV nêu tình huống, HS trao đổi, giải quyết tình huống.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

Tình huống 1: Nếu có bạn rủ em đi chơi và em thấy rất thú vị, nhưng ở nhà em vẫn còn bài tập chưa làm xong, bố mẹ cũng muốn em ở nhà để giúp đỡ bố mẹ, em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Nếu có bạn rủ em đi chơi, nhưng cả tuần mới có một ngày nghỉ, em muốn dành thời gian để đi chơi với gia đình, em sẽ làm gì?

Tình huống 3: Nếu em được đi chơi, em rủ bạn em đi cùng, nhưng bạn lại từ chối vì còn bài tập phải hoàn thành, vì còn cần ở nhà phụ giúp bố mẹ hay vì bạn muốn dành thời gian cho gia đình của bạn, em sẽ có thái độ và ứng xử như thế nào?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

- Học thuộc bài thơ, nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật

- Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Khái niệm/tác dụng | Ví dụ minh họa |
| Ẩn dụ |  |  |
| Tác dụng của dấu câu |  |  |
| Dấu ngoặc kép |  |  |
| Đại từ |  |  |

**Phiếu học tập số 2.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** |
| Câu 1: Em bé đã tưởng tượng ra những trò chơi nào? Có gì đặc biệt ? | ............................................................................................... |
| Câu 2: Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy? | .............................................................................................. |
| Câu 3: Nêu suy nghĩ của em về câu thơ: Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào? | ............................................................................................... |

**……………………………………………………………………………………………..**

**Ngày soạn: 3/10/2022**

**Ngày dạy : /10/2022**

**Tiết 23: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS về nhà hoàn thiện các phiếu học tập theo định hướng của GV.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đề xuất ý kiến, trao đổi cùng các bạn trong nhóm, trình bày ý kiến thảo luận trước lớp.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ: Có kĩ năng trình bày trước nhóm, trước lớp.

- Năng lực văn học: Nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.

+ Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các trường hợp cụ thể;

- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: Gữi gìn và bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt

- Chăm chỉ: Hs ôn tập lại kiến thức về từ loại đã học ở lớp dưới (đọc kĩ bài học, lấy vd)

- Trách nhiệm: Có ý thức vận dụng các biện pháp tu từ và dấu câu, đại từ vào trong nói (viết).

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, máy chiếu

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức trò chơi giải ô chữ, tìm từ khóa, HS tham gia trò chơi.

Bộ câu hỏi:

Câu 1: Tác giả của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* là ai?

Câu 2: Rabindranath Tagore là nhà thơ của nước nào?

Câu 3: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau:

*Trời sinh ra trước nhất*

*Chỉ toàn là trẻ con*

*Trên trái đất trụi trần*

*Không [...] ngọn cỏ*

Câu 4: Bài thơ *Mây và sóng* của Tagore ngợi ca tình cảm đẹp đẽ nào của con người?

Đáp án: Câu 1: Xuân Quỳnh; Câu 2: Ấn Độ; Câu 3: Dáng cây ; Câu 4: Tình mẫu tử

Từ khóa: ẨN DỤ

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

GV dẫn dắt: Ở tiết học trước, các em đã làm quen với biện pháp so sánh. Trong tiếng Việt, có một biện pháp tu từ khác rất gần với biện pháp tu từ so sánh, đó là biện pháp ẩn dụ. Nếu không để ý kỹ, chúng ta rất dễ nhầm lẫn hai biện pháp tu từ này. Vậy ẩn dụ là gì, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm và tác dụng của BPTT ẩn dụ.

**b. Nội dung:** Giáo viên sử dụng kĩ thuật giao câu hỏi, khăn trải bàn phiếu bài tập;HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức , hợp tác để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu học tập số 1 và yêu cầu: Đọc những dòng thơ sau và chú ý các từ được in đậm:  *+ Cha lại dắt con đi trên cát mịn*  *Ánh nắng* ***chảy*** *đầy vai.*  (Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm)*  *+ Ngày ngày* ***mặt trời*** *đi qua trên lăng*  *Thấy một* ***mặt trời*** *trong lăng rất đỏ.*  (Viễn Phương, *Viếng lăng Bác)*  ?Em hãy cho biết các từ in đậm trên có gì đặc biệt?  ? Từ *chảy* vốn là từ chỉ trạng thái vận động của sự vật nào, ở đây được dùng để chỉ sự vận động của sự vật nào?  ? Từ *mặt trời* trong câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai không chỉ cùng một đối tượng, theo em, từ *mặt trời* trong câu nào không chỉ mặt trời thực – ngôi sao trung tâm của Hệ Mặt Trời? Vậy từ *mặt trời* ấy chỉ đối tượng nào?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Ẩn dụ**  - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |
| **a. Dấu câu**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phiếu học tập số 2 và sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn:  ?: Đọc đoạn văn bản dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Hãy sửa lại sao cho các câu trở nên có nghĩa là có lý:  Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lấm tấm mồ hôi.  ?: Qua đó cho thây dấu câu có tác dụng gì trong tạo lập văn bản?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV có thể bổ sung thêm:  - Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu. Nội dung của bài học chủ yếu đề cập đến dấu “”.  **b. Dấu ngoặc kép**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho ví dụ, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trong bài thơ *Mây và sóng* có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Em hãy cho biết dấu câu nào được dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp đó.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **3. Đại từ nhân xưng**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu: *Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết và hay sử dụng.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **2. Dấu câu và dấu ngoặc kép**  **a. Dấu câu**  - Dấu câu chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa các thành phần của câu.  - Dấu câu là phương tiện để biểu thị những sắc thái tế nhị về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm và thái độ của người viết.  - Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu, có thể gây ra hiểu nhầm.  => Có trường hợp vì dùng sai dấu câu mà sai ngữ pháp, sai nghĩa. Cho nên quy tắc về dấu câu cần được vận dụng nghiêm túc.  **b. Dấu ngoặc kép**  - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu;  - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp;  - Đóng khung tên riêng tác phẩm, đóng khung một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt;  - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.  **3. Đại từ nhân xưng**  - Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta,...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào,...);  - Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi:  + Ngôi 1  Số ít: tôi/tao/tớ/ta  Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ  + Ngôi 2  Số ít: mày/mi/ngươi/bạn  Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay  + Ngôi 3  Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy  Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Biết sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ. Nhận biết được đại từ trong câu.

**b. Nội dung**: Thực hiện làm các bài tập SGK

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp và đặt câu hỏi:  + Thế nào là ẩn dụ?  + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2, 3 SGK 47  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang phần dấu câu.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 4 SGK trang 47;  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  + Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 5,6 SGK/52  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **Bài tập 1:**  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, đầy hấp dẫn.  - “Mây” và “sóng” mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí.  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời.  **Bài tập 2**  - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh “bình minh vàng”, “vầng trăng bạc”: ẩn dụ;  - Tác dụng:  + “Bình minh vàng”: mở ra không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng 🡪 gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian.  + “Vầng trăng bạc”: mỹ lệ hóa vẻ đẹp của vầng trăng: sáng lấp lánh như chiếc đĩa làm bằng bạc.  -> Những hình ảnh ẩn dụ đã mở ra một khôn gian thiên nhiên, rực rỡ, lấp lánh ánh sáng, sắc màu vô cùng quyến rũ, khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống.  **Bài tập 3:**  *Con là sóng và mẹ là bến bờ kì lạ*  *Con* ***lăn, lăn, lăn*** *mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan*  *vào lòng mẹ.*  - Điệp ngữ: *lăn*  ->Tác dụng: Vừa có ý nghĩa tả thực hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác, vừa gợi hình tượng những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát. Từ đó gợi lên hình ảnh em bé vô tư, hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.  **Bài tập 4 SGK trang 47**  - Xác định lời trực tiếp của các nhân vật trong bài thơ:  + Lời của người “trên mây”:  + Lời của người “trong sóng”:  + Lời của em bé đối đáp với người “trên mây” và người “trong sóng”.  🡪 Dấu câu được dùng để đánh dấu những lời trực tiếp là dấu ngoặc kép.  **Bài tập 5**  - *Bọn tớ* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều.  - *Bọn tớ* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.  **Bài tập 6**  - *Chúng ta*, *bọn mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.  - *Chúng tôi*, *bọn mình*, *chúng tới*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói.  - *Bọn tớ*: đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói  🡪 Có thể chọn những từ *bọn mình*, *chúng tớ* thay cho *bọn tớ*. Vì hai từ này đều là những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói, có cùng ý nghĩa và mang sắc thái gần gũi, thân thiện. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn có sử dụng dấu câu, đại từ, biện pháp tu từ phù hợp. Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

1. Tìm một số câu ca dao, tục ngữ, có sử dụng biện phép tu từ ẩn dụ và phân tích ý nghĩa.

2. Tưởng tượng em là em bé trong bài Mây và sóng. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ: GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn, viết đoạn văn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3. Báo cáo, thảo luận:** - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình, cách nộp sản phẩm.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4. Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

Học thuộc khái niệm ẩn dụ, đại từ; nêu tác dụng của dấu câu, lấy ví dụ cho từng trường hợp.

- Chuẩn bị bài mới: Bức tranh của em gái tôi

+ Khái quát về tác giả, văn bản.

+ Đọc, kể tóm tắt văn bản, xác định nhân vật

+ Nhận vật Kiều Phương được miêu tả như thế nào qua văn bản (ngoại hinhd, cử chỉ hành động, tài năng, thái độ…)

+ Tìm chi tiết thể hiện diễn biến tâm trạng người anh

CÁC PHỤ LỤC

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đọc những dòng thơ sau và chú ý các từ được in đậm**  1. Em hãy cho biết các từ in đậm trên có gì đặc biệt?  2. Từ *chảy* vốn là từ chỉ trạng thái vận động của sự vật nào, ở đây được dùng để chỉ sự vận động của sự vật nào?  3. Từ *mặt trời* trong câu thơ thứ nhất và câu thơ thứ hai không chỉ cùng một đối tượng, theo em, từ *mặt trời* trong câu nào không chỉ mặt trời thực – ngôi sao trung tâm của Hệ Mặt Trời? Vậy từ *mặt trời* ấy chỉ đối tượng nào? | |
| *+ Cha lại dắt con đi trên cát mịn*  *Ánh nắng* ***chảy*** *đầy vai.*  (Hoàng Trung Thông, *Những cánh buồm)* | *+ Ngày ngày* ***mặt trời*** *đi qua trên lăng*  *Thấy một* ***mặt trời*** *trong lăng rất đỏ.*  (Viễn Phương, *Viếng lăng Bác* |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Đọc đoạn văn bản dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Hãy sửa lại sao cho các câu trở nên có nghĩa là có lý:  Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lấm tấm mồ hôi.  2. Qua đó cho thây dấu câu có tác dụng gì trong tạo lập văn bản? | |
|  |  |

**………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: 3/10/2022**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 24, 25: Văn bản :BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

a. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt, sự tương tác tích cực giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ.

- Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh có ý thức chuẩn bị bài theo yêu cầu của GV, nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân sau khi được góp ý, tự định hướng và hoàn thiện bản thân.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc trôi chảy, diễn cảm, đọc hiểu văn bản truyện.Viết được đoạn văn nêu suy nghĩ về tình cảm gia đình.

+ Nói rõ ràng, mạch lạc các ý tưởng; biết phản hồi ý kiến của bản thân

- Năng lực văn học:

+ Đọc-hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lí nhân vật.

+ Tóm tắt văn bản trong một đoạn văn ngắn.

+ Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ý nghĩ, hành động.

+ Xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất. Đặc điểm, diễn biến tâm lý của hai nhân vật em gái và người anh; ý nghĩa của văn bản.

**2. Về phẩm chất:** - Nhân ái, yêu gia đình, vị tha trước lỗi lầm của người khác

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Tạ Duy Anh và văn bản “Bức tranh của em gái tôi”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu HS trình bày ý kiến về cách ứng ứng xử của bản thân trước tình huống mà GV đưa ra

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

|  |
| --- |
| 1. Khi một người thân thiết hoặc bạn cùng lớp đạt được một thành tích xuất sắc em có cảm xúc gì?  A. Vui mừng B. Buồn bã C. Khó chịu D. Khác:………………  2. Khi một ai đó ghen ghét, đố kị với một thành quả tốt đẹp nào đó mà em đạt được, em sẽ phản ứng như thế nào?  …………………………………………………………………………………….. |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Đọc, tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS nêu được nét chính về nhà văn Tạ Duy Anh . Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS xem phần chú thích , đọc văn bản, làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tạ Duy Anh ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tạ Duy Anh (1959),  Quê Hà Tây (nay là Hà Nội);  - Là cây bút trẻ nổi lên trong thời kỳ đổi mới văn học những năm 1980. |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV lưu ý: Phân biệt rõ giữa lời kể, các đối thoại diễn biến tâm lí của nhân vật ng­ười anh.  - HS đọc – nhận xét – đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá bằng Bảng kiểm  - GV yêu cầu HS giải nghĩa từ khó: Mừng quýnh, thẩm định, xét nét, thôi miên.  ? Cho biết xuất xứ của văn bản ?  ? Văn bản “Bức tranh của em gái tôi” thuộc thể loại nào? Xác định ngôi kể của văn bản? Nhân vật chính  ? Chỉ ra các sự việc chính trong văn bản?  ? Em hãy xác định bố cục của văn bản ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả  GV: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức | **2. Tác phẩm :**  + Xuất xứ: In trong “Con dế ma”(1999)  - ***Bức tranh của em gái tôi*** đạt giải nhì trong cuộc thi viết *Tương lai vẫy gọi* của báo Thiếu niên Tiền Phong 1998  + Thể loại: truyện ngắn  + Ngôi kể: thứ nhất (người kể chuyện: anh trai Kiều Phương)  + Nhân vật chính :Kiều Phương  + Cốt truyện  - Anh trai bực vì em gái Mèo hay lục lọi đồ vật...  - Mèo bí mật học vẽ và tài hoa hội hoạ của Mèo được bất ngờ phát hiện.  - Người anh không vui, ghen ghét, đố kị với tài năng của em, cảm thấy thua kém em.  - Em gái thành công cả nhà mừng vui, người anh đi xem triển lãm tranh của em gái.  - Đứng trước bức tranh của Kiều Phương, người anh ân hận  +Bố cục: 3 phần:  - Đoạn 1: Từ đầu đến “có vẻ vui lắm”: giới thiệu về em gái Kiều Phương – Mèo.  - Đoạn 2: Tiếp đến “Em muốn cả anh cùng đi nhận giải”: Tài năng ng­ười em được phát hiện và khẳng định.  - Đoạn 3: còn lại: TT ng­ười anh khi đứng  trư­ớc bức tranh của em gái. |

**II. Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Tìm được những chi tiết nói về biệt danh, ngoại hình, cử chỉ, tài năng và thái độ của Kiều Phương. Đưa ra nhận xét về đặc điểm đáng mến ở Kiều Phương

- Tìm được chi tiết về cảm xúc, thái độ, hành động của nhân vật người anh

- Nhận ra được sự thay đổi về thái độ của người anh trước và sau khi xem bức tranh đạt giải của em gái

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm theo yêu cầu riêng hoàn thành phiếu học tập số

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, phần trình bày, Kết quả thảo luận của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1 GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Điểm nào ở Kiều Phương khiến em thích nhất? Vì sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Nhân vật Kiều Phương**   |  |  | | --- | --- | | Biệt danh | Mèo | | Ngoại hình | Luôn bị bôi bẩn | | Cử chỉ  Hành động | Lục lọi đồ vật với vẻ thích thú/ Tự chế màu vẽ/Vẽ anh trai | | Tài năng | Vẽ rất đẹp | | Thái độ | Không giận dỗi, vui vẻ |   Nhận xét: Là cô bé hồn nhiên, tài năng, nhân hậu |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện nhiệm vụ thảo luận:  Nhóm 1,2,3: Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc, hành động của nhân vật người anh trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình  Nhóm 4,5,6: Tìm chi tiết thể hiện thái độ, cảm xúc của nhân vật người anh sau khi được xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình  GV đặt câu hỏi:  ? Sau khi xem bức tranh đạt giải nhất của em gái, người anh đã có sự thay đổi liên tục về cảm xúc. Em hãy lí giải nguyên nhân của mỗi sắc thái cảm xúc ấy?  ? Tại sao bức tranh lại có giá trị thức tỉnh như vậy?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  Bổ sung thêm :Những từ ngữ tả thái độ và tâm trạng của người anh:  + Giật sững: Bám lấy tay mẹ... đây là từ ghép: Giật mình và sững sờ.  + Thôi miên: là từ chỉ trạng thái con người bị chế ngự mê man, vô thức không điều khiển đư­ợc lí trí, bị thu hút cả tâm trí vào bức tranh.  + Ngạc nhiên: vì hoàn toàn không ngờ em gái Mèo vẽ bức tranh đẹp quá, ngoài sức t­ưởng t­ượng của ng­ười anh.  + Hãnh diện: tự hào cũng rất đúng và tự nhiên vì hoá ra mình đẹp đẽ như­ờng ấy. Đây chính là niềm tự hào trẻ thơ chính đáng của ng­ười anh.  + Xấu hổ: vì mình đã xa lánh và ghen tị với em gái, tầm thư­ờng hơn em gái. | **2. Nhân vật người anh trai**  - Trước khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình  + Vui vẻ thân thiết và có phần xem thường khi thấy em chế màu vẽ  + Buồn bã, mặc cảm đố kị, xa lánh em khi tài năng của em được phát hiện  - Sau khi xem bức tranh em gái vẽ chân dung mình  + Ngạc nhiên, hãnh diện, xấu hổ, ân hận  - Người anh có sự thay đổi thái độ bởi đã nhận ra lỗi lầm của mình (ích kỉ, ghen tị tầm thường) và tấm lòng thánh thiện của em gái.  - Bức tranh là tác phẩm nghệ thuật chân chính được sáng tạo bằng tài năng và tình cảm trong sáng của người em gái. |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? Nội dung chính của văn bản “Bức tranh của em gái tôi”? Ý nghĩa của văn bản.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**Tình cảm trong sáng, hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.  **2. Nghệ thuật**  - Kể chuyện theo ngôi thứ nhất  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ :** Giáo viên giao bài tập cho HS

?Từ các văn bản Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi, em nhận thấy điều quan trọng nhất để gắn kết các thành viên trong gia đình?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện làm bài tập.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ, HS viết đoạn văn theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

? Viết đoạn văn thuật lại tâm trạng của ngư­ời anh trong truyện khi đứng tr­ước bức tranh được giải nhất của em gái?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Chuẩn bị bài mới: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

+ Yêu cầu HS đọc kỹ văn bản.

+ Trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.

CÁC PHỤ LỤC: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

|  |  |
| --- | --- |
| Biệt danh |  |
| Ngoại hình |  |
| Cử chỉ/Hành động |  |
| Tài năng |  |
| Thái độ |  |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diễn biến tâm trạng người anh** | | |
| Trước tài năng hội họa của Kiều Phương được phát hiện | Khi tài năng hội họa của bé Mèo được phát hiện | Sau khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ |
|  |  |  |

**………………………………………………………………………………………….**

**Ngày soạn: 10/10/2022**

**Ngày dạy: /10/2022**

**Tiết 26, 27: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em**

**về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa đoạn văn đã viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- HS viết được một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả đảm bảo bố cục và số lượng câu quy định.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm mà các em đã viết ở bài 1.

GV yêu cầu HS hãy xác định các đoạn văn trong bài văn đó. Hãy nêu nhận xét về đặc điểm của đoạn văn trong sự so sánh với bài văn?

Dự kiến câu trả lời:

- Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn.

- Về hình thức: đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn

- Về nội dung: Mỗi đoạn văn biểu đạt một ý tương đối trọn vẹn

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt: Trong bài 1 các em đã được viết trọn vẹn một bài văn, trong bài học hôm nay, phần VIẾT chúng ta sẽ tập viết một đoạn văn. Vậy cách viết đoạn văn như thế nào. Đặc biệt khi em cần ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tìm hiểu các yêu cầu của việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự..

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  +Kể tên một bài thơ em học có sử dụng có yếu tố miêu tả và tự sự.  + Vậy nhà thơ dùng có yếu tố miêu tả và tự sự ấy trong bài thơ của mình nhằm mục đích gì?  + Nhà thơ có những cách thức nào để bày tỏ tình cảm, cảm xúc?  + Theo em, việc viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự cần đảm bảo yêu cầu gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV : Tình cảm, cảm xúc là một trong những phẩm chất quan trọng hàng đầu của thơ. Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, các nhà thơ đã chọn nhiều cách khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhiều khi yếu tố tự sự, miêu tả được đưa vào thơ một cách đầy nghệ thuật, cho phép tác giả ẩn mình, nhường chỗ cho câu chuyện sự việc, cảnh vật tự nói lên điều cần thiết. | **1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự**  - Giới thiệu được nhan đề bài thơ và tên tác giả.  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ.  - Nêu được các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ, đánh giá được ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm cảm xúc của nhà thơ.  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ. |

**2. Phân tích bài tham khảo: Cảm xúc khi đọc bài thơ Mây và sóng của Ta-go**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho việc viết đoạn văn của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu 1 HS đọc văn bản tham khảo, cả bàn nghe, thảo luận.  -GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu thể hiện của đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc bài thơ Mây và sóng của Ta-go.  + Đoạn văn giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết bằng câu văn nào?  + Cảm xúc của người viết được thể hiện qua từ ngữ nào?  + Người viết đã nêu và đánh giá ý nghĩa của các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả nào trong bài thơ?  + Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ được tác giả viết và chỉ ra ở câu văn nào?  + Câu kết đoạn có nội dung là gì?  - Dựa vào kết quả làm việc nhóm trình bày những điểm cần lưu ý khi đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **2. Phân tích bài tham khảo: Cảm xúc khi đọc bài thơ Mây và sóng của Ta-go**  \* Bước 1: Đọc văn bản  \*Bước 2: **Nhận xét, phân tích các yêu cầu cụ thể:**  **- Mở đoạn: Câu đầu đoạn:** giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết *“Nhan đề...thiêng liêng bất diệt”*  - Thân đoạn:  **+** Từ ngữ thể hiện được cảm xúc của người viết: *xúc động trước tình mẹ con, đồng cảm với tình yêu mẹ thiết tha, cảm nhận thấm thía hơn, cảm động về tình mẹ con...*  *+* Người viết đã nêu và đánh giá ý nghĩa của các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ như: Lời kể của em bé về lời mời mọc của người trên mây, dưới sóng; lời từ chối, lí do từ chối của em bé; hình ảnh miêu tả trò chơi em sáng tạo ra...  + Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ: Giọng thơ tâm tình trò truyện thủ thỉ; câu đáp lại của em bé chứa đựng tâm trạng ...; cấu trúc lặp đi lặp lại vừa biến hóa.  - Kết đoạn: Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo |

**Tiết 28: Thực hành: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc**

**về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**3. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết (ghi lại cảm xúc của em khi đoạc một bài thơ); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU TÌM Ý

**Nhiệm vụ:** Tìm ý cho việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc một bài thơ có yêu tố tự sự và miêu tả.

+ Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?

+ Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?

+ Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?

+ Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?

Gợi ý: Trả lời câu hỏi vào cột trái:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình bằngkĩ thuật công não.  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết và người đọc, người nghe.  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các bước  -Hướng dẫn HS viết nháp, viết theo trí nhớ...  GV cho HS xây dựng theo phiếu học tập số : Phiếu tìm ý  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự**  Bước 1: Lựa chọn bài thơ  + Xác định mục đích viết: ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự  + Đối tượng mà bài viết hướng đến: thầy cô, bạn bè, những ai quan tâm đến cái hay, cái đẹp cuả một bài thơ.  + Lựa chọn bài thơ  Bước 2: **Tìm ý ( điền phiếu tìm ý)**  **+** Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?  + Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?  + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?  + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?  - Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:  + Mở kết: **:** giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết.  + Thân đoạn:  Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?  Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?  Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?  Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?  + Kết đoạn: Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo  **\* Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự  Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  \* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết.  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT: Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Đoạn văn em viết đã giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết? .........................................................................................

2. Nội dung đoạn văn em viết đã nêu và đánh giá ý nghĩa của các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ chưa?..................................................................................

3.Em có dùng những từ ngữ thể hiện được cảm xúc của mình về bài thơ chưa?................

4.Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ

sung.)..........................................................................................................................

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)……………………………………………….

6. Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không (nếu có hãy viết rõ các lỗi đó)

***Ngày 7 tháng 14 năm 2022***

***Kí duyệt***

***Nguyễn Thị Hằng***

**BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

***Thương người như thể thương thân***

**(Tục ngữ Việt Nam)**

**I. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra.

- Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân).

**\* Năng lực đặc thù**

Đọc: - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, biết cách sử dụng các loại cụm từ này để tạo câu.

Viết: Viết được một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Nói – nghe: Biết cảm nhận, trình bày, thể hiện thái độ và quan điểm, cảm xúc của mình về các chi tiết là hành vi ứng xử của nhân vật trong văn bản.

**2. Phẩm chất**

- Nhận thức được yêu thương chia sẻ là phẩm chất cao đẹp của con người ở mọi thời đại, biết trân trọng cảm phục những người sống biết yêu thương.

- Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh.

- Biết lên án thói xấu trong xã hội.

- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu:Video clips , tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.

**\* Phiếu học tập:**

**PHIẾU HỌC TẬP: TÌM HIỂU VĂN BẢN CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**Phiếu số 1**

1. Hãy nêu những mộng tưởng của em bé qua mỗi lần quẹt diêm?

2. Khi diêm tắt, thực tế nào đã thay thế cho mộng tưởng?

3. Ước mơ của em bé qua mỗi lần quẹt diêm là gì?

**Phiếu trình bày:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các lần quẹt diêm** | **Mộng tưởng** | **Thực tế** | **Ước mơ** |
| Lần 1 | ......................................... | .................................. | ................ |

**Phiếu số 2**

**Câu 1**: Theo em, có thể thay đổi trình tự trình tự xuất hiện những hình ảnh trong mỗi giấc mộng không, vì sao?

**Câu 2**: Nêu cảm nhận của em về thái độ, tình cảm của người kể chuyện với cô bé bán diêm. Phân tích một vài chi tiết làm cơ sở cho cảm nhận đó?

**PHIẾU HỌC TẬP : TÌM HIỂU VĂN BẢN GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

**Phiếu số 3**

Câu 1: Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?

Câu 2: Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự sẻ chia?

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TÌM HIỂU VĂN BẢN KHI CON CHÀO MÀO**

**Câu 1:** Nêu những ý nghĩ cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”*?*

*( gợi ý: Vì sao khi ngắm bộ lông rất đẹp và lắng nghe tiếng hát du dương của con chim chào mào, nhân vật “tôi” lại vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ?)*

**Câu 2:** Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và *“hối hả đuổi theo”* con chim để làm gì? Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6: Cụm từ, Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần phụ trước | Thành phần trung tâm | Phần phụ sau |
|  |  |  |
|  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7: Cụm tính từ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | | Bài 5 |  |
| câu | Cụm tính từ | | Tính từ trung tâm | Ý nghĩa tính từ được bổ sung |
|  |  | |  |  |
| Bài 6 | |  | | |
| Câu có vị ngữ là một tính từ | | Câu đã được mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ | | |
| a. Gió rét. | | . ............... | | |
|  | |  | | |
| b. Tòa nhà cao. | | ................... | | |
|  | |  | | |
| c.Cô ấy đẹp. | | ....................... | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Ngày soạn: /9/2022

Ngày dạy: /9/2022

**TIẾT 30, 31: - GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**- VB: CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề và nêu thể loại của văn bản chính.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV trình chiếu một số hình ảnh (hoặc video) về tình yêu thương sự sẻ chia:

-Bức ảnh chụp của đoàn cứu trợ nhân dân huyện Lệ Thủy- Quảng Bình.

-Một vài bức tranh cùng chủ đề.

HS chia sẻ Tình yêu thương, sự sẻ chia có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

Gv dẫn dắt vào bài: Từ đây, các em thấy được ý nghĩa của tình yêu thương. Một điều kì lạ, cả người cho và người đón nhận yêu thương đều bất chấp mọi khó khăn nguy hiểm, họ đều cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc. Đó chính là sức mạnh của tình yêu thương. Bài học này, cô và các em sẽ được học câu chuyện, bài thơ viết về tình yêu thương. Cho dù đó là chuyện vui, hay buồn, đau khổ hay hạnh phúc, nhưng mỗi câu chuyện cho chúng ta hiểu sâu sắc và biết quý trọng tình yêu thương xung quanh cuộc sống mình.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**A. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách tìm và chỉ ra những đặc điểm của nhân vật thông qua nhiều khía cạnh miêu tả

( ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm...)

- Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân).

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để giới thiệu về chủ đề yêu thương và chia sẻ.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **A. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trước khi vào từng phần cụ thể của bài học, chúng ta cùng tìm hiểu phần tri thức ngữ văn.  -Những câu chuyện được kể, ngoài cách kể chuyện ở ngôi thứ nhất, người ta có thể kể chuyện ở ngôi nào nữa?  -Như các em đã học, nhân vật trong truyện kể thường được xây dựng trên các phương diện nào?  GV cho HS đọc phần giới thiệu bài học  HS trình bày cách hiểu của mình về nội dung bài học  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **2. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV giới thiệu với HS các đơn vị kiến thức cơ bản của phần thực hành tiếng việt ở bài học số 3.  Trong câu , thành phần chính có cấu tạo như thế nào?(là từ/ hay cụm từ).  Ở bậc tiểu học, các em đã được học những loại cụm từ nào? Hãy kể tên  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **A. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**  **1. Miêu tả nhân vật trong truyện kể.**  -Ngoại hình: dáng vẻ bề ngoài của nhân vật (thân hình, ánh mắt, làn da, trang phục...)  -Hành động: những cử chỉ, việc làm của nhân vật thể hiện cách ứng xử với bản thân và thế giới xung quanh.  -Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại, độc thoại.  -Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, ý nghĩ của nhân vật  **2. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.**  -Thành phần chính của câu có thể cấu tạo bằng từ, hoặc cụm từ.  -Có nhiều loại cụm từ tiêu biểu như: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Em đã đọc câu chuyện nào trong chủ đề yêu thương và chia sẻ chưa, hãy chỉ ra một số đặc điểm tiêu biểu về một nhân vật trong câu chuyện đó? Em ấn tượng với chi tiết miêu tả nào về nhân vật?

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung .

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:** Kể tên các VB cần chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. Em cần chú ý điều gì khi đọc các VB truyện ấy

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung : Chú ý đến nhân vật và các chi tiết miêu tả nhân vật, đặc biệt là miêu tả nội tâm

**B. ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản 1: CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**(Han Cri-xti-an An-đéc-xen)**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung :** Có thể chọn một trong các nội dung sau:

- Học sinh kể tên những hành động mà em hoặc người thân đã làm để thể hiện tình yêu thương , sự sẻ chia trong cuộc sống

- Nêu cảm nhận về một tấm gương yêu thương con người.

- Qua hình ảnh GV trình chiếu, học sinh quan sát, đoán tên nhân vật hoặc tên tác phẩm.

Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện: (Nội dung 3)**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu 1 số hình ảnh**.**

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhìn hình đoán tên truyện, tác giả của câu chuyện ấy?

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS nêu một vài về lí do yêu thích truyện của An- đéc- xen (giản dị, tự nhiên, diễn tả được thế giới tâm hồm trẻ thơ với những ước mơ đẹp...)

**B4. Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, khen ngợi và trao quà (phần thưởng, điểm hoặc tràng pháo tay).

GV dẫn dắt vào bài học mới:Tuổi thơ của mỗi con người được dệt nên bằng những ước mơ. Có những ước mơ thật lớn lao...nhưng cũng có những ước mơ thật nhỏ bé, giản dị như được ăn no, mặc ấm, và hơn hết là được sống trong vòng tay yêu thương của người thân...Các em ạ. Có một nhà văn đã lắng nghe trong sâu thẳm ước mơ của trẻ thơ và ông luôn đồng cảm cũng như khát khao cho những đứa trẻ bất hạnh. Nhà văn ấy chính là An-đéc- xen và câu chuyện viết về những ước mơ đẹp ấy chính là truyện *“Cô bé bán diêm”.* Tiết học hôm nay cô trò ta cùng tìm hiểu những nét đẹp của tâm hồn trẻ thơ cũng như tấm lòng nhân hậu của nhà văn các em nhé!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, truyện Cô bé bán diêm : nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… )

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện Cô bé bán diêm .

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Đọc, tìm hiểu chung**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  1. - GV yêu cầu HS đọc và giới thiệu về tác giả An- đéc- xen?  2. - Hãy giải nghĩa các từ: phỏng, xe song mã, tạp dề, bố thí, tiêu tán, trường xuân, gió bấc...  - Hãy kể tóm tắt truyện từ 5-7 câu? ( xác định nhân vật chính, nhân vật phụ, chi tiết chính của truyện, nhìn theo các bức tranh và nêu tên các sự việc chính tương ứng).  -Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?  -Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì?  - Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? nội dung từng phần?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **GV mở rộng thêm:** Ông đươc sánh ngang với những bậc danh nhân vãn hóa của nhân loại. Tác phẩm của ông được dịch ra 90 thứ tiếng, xuất bản gần 500 lần . Ðó là những cuốn sách bán chạy nhất hành tinh.  Sau đây là lời nhận định của các nhà nghiên cứu Việt Nam về Anđécxen:*"Bằng sức mạnh của ngôn từ hiếm có, trí tưởng tượng nhiệm màu mà trong sáng, cốt truyện hấp dẫn, lối kể chuyện có duyên, pha lẫn giữa bút pháp hiện thực và huyền ảo, tác phẩm của An-đéc-xen đã đạt đến sự hoàn hảo của một nghệ sĩ "độc nhất vô nhị, trước và sau ông chưa hề có".*  Nhà văn Nga [Konstantin Georgiyevich Paustovsky](https://vi.wikipedia.org/wiki/Konstantin_Georgiyevich_Paustovsky) nhận định: *" Trong mỗi truyện cổ tích cho trẻ con của An-đéc-xen còn có một truyện cổ tích khác mà người lớn mới có thể hiểu hết ý nghĩa của nó".* | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên: Han Cri-xti-an An-đéc-xen  -Sinh năm [1805](https://vi.wikipedia.org/wiki/1805), mất năm [1875](https://vi.wikipedia.org/wiki/1875)  -Ông là nhà văn người [Đan Mạch](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90an_M%E1%BA%A1ch),chuyên viết [truyện cổ tích](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_c%E1%BB%95_t%C3%ADch) cho thiếu nhi  -Tác phẩm: Sự hấp dẫn của Andersen lại nằm ở thể loại truyện cổ tích. Năm [1835](https://vi.wikipedia.org/wiki/1835), ông bắt đầu sáng tác truyện kể nhan đề *Chuyện kể cho trẻ em* .  Tác phẩm cổ tích nổi tiếng nhất của ông như "*Nàng tiên cá*", "*Bộ quần áo mới của hoàng đế*", "Chú vịt con xấu xí*"...* Phong cách sáng tác: giản dị đan xen giữa mộng tưởng và hiện thực  - Truyện Cô bé bán diêm là một trong nhưng câu chuyện hay nhất của ông.  **2. Tác phẩm**  a. Đọc, kể tóm tắt  -Từ khó ( Chú thích SGK (1), (2)T67; (1), (2), (3)T68)  - Kể, tóm tắt  - Kiểu văn bản: Tự sự  - Ngôi kể: thứ ba  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến*:“Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra”* Hoàn cảnh của cô bé bán diêm.  + Phần 2: Tiếp theo đến *“Họ đã về chầu Thượng đế”* Những giấc mộng tưởng của cô bé bán diêm sau mỗi lần quẹt diêm.  + Phần 3: (Còn lại) Cái chết của cô bé bán diêm. |

**II. Đọc- hiểu văn bản.**

**1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được hoàn cảnh, số phận đáng thương của cô bé bán diêm thể hiện qua gia cảnh, trang phục, không gian xuất hiện.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***NV1:* Hoàn cảnh của cô bé bán diêm**  Hoạt động theo hình thức cặp đôi chia sẻ  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS theo dõi phần 1 văn bản, đọc thầm, trả lời câu hỏi  -Nghệ thuật tương phản đã góp phần làm nổi bật hoàn cảnh đáng thương của cô bé trong đêm giao thừa.  Tìm những chi tiết týõng phản và chỉ ra ý nghĩa của các chi tiết hình ảnh đó? (tương phản giữa tình cảnh của cô bé- cảnh vật xung quanh; giữa quá khứ và hiện tại)  (Gợi ý cụ thể hơn: +Nêu các chi tiết miêu tả ngoại hình của cô bé bán diêm? Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống của nhân vật.  +Cô bé bán diêm phải ở ngoài đường phố trong một đêm như thế nào? Vì sao cô bé không dám trở về nhà?)   Tìm những chi tiết tương phản và chỉ ra ý nghĩa của các chi tiết hình ảnh đó?  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** +trao đổi, trả lời từng câu hỏi  + Dự kiến sản phẩm: Hình ảnh cô bé bán diêm phải ở ngoài đường phố :  .Không gian giá lạnh của đêm giao thừa.  .Ý nghĩ: không dám về nhà vì sợ bị cha mắng  .Ngoại hình: đầu trần, chân đất, chân đỏ ửng tím bầm, đôi tay cứng đờ ra vì rét  . Hành động: thu đôi chân lại, ngồi nép vào một góc tường  Các chi tiết tương phản đối lập:...  . HS rút ra cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn cả vật chất, tinh thần, hết sức đáng thương của cô bé.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - gọi HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định** | **1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm**  ***a. Trong đêm giao thừa***  **\*Tình cảnh của cô bé**  - Đầu trần, đi chân đất, *“đang dò dẫm trong bóng tối”.*  - Bụng đói  - Phải đi bán diêm một mình  **->Đói rét, lẻ loi, sợ hãi**  **\*Cảnh vật xung quanh**  - Đêm giao thừa, trời rét mướt, *“cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn”*  - *Trong phố sực nức mùi ngỗng quay.*  - Mọi người đều quây quần bên gia đình.  **->No đủ, đầm ấm, sáng sủa**  Nghệ thuật tương phản làm nổi bật hoàn cảnh đáng thương của cô bé, gợi niềm thương cảm cho người đọc.  ***b. Gia cảnh***  \*Quá khứ  - Bà nội hiền hậu, hết mực yêu thương em  - Sống trong ngôi nhà xinh xắn, *“có dây trường xuân bao quanh”*  *Đầm ấm, hạnh phúc*  \*Hiện tại  - Mẹ chết, bà nội cũng qua đời, sống với người bố khó tính  - Sống “*chui rúc trong một xó tối tăm*”, “*trên gác sát mái nhà*”  - Đi bán diêm để kiếm sống.  Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn cả vật chất, tinh thần, hết sức đáng thương của cô bé.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. |

**ND 2.** **Những giấc mộng tưởng của cô bé sau những lần quẹt diêm.**

(Sử dụng phiếu học tập số 1)

**a. Mục tiêu:** HS phân tíchnhững giấc mộng tưởng tươi đẹp và hiện thực phũ phàng sau mỗi lần cô bé quẹt diêm.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **NV2: Những giấc mộng tưởng của cô bé sau những lần quẹt diêm**  Hoạt động nhóm, kĩ thuật mảnh ghép.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 5 nhóm.**  -Phát phiếu học tập số 1  -Giao nhiệm vụ cho HS :Mỗi nhóm thực hiện 3 câu hỏi trong 1 lần cô bé quẹt diêm  Câu hỏi thảo luận: phiếu học tập số 1  1. Hãy nêu những mộng tưởng của em bé qua mỗi lần quẹt diêm?  2. Khi diêm tắt, thực tế nào đã thay thế cho mộng tưởng?  3. Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm phản chiếu những ước mơ nào của cô bé bán diêm?  **- Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+ Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu** **và thực hiện phiếu số 2**  **Phiếu học tập 2**:  **Câu 1**: Theo em, có thể thay đổi trình tự trình tự xuất hiện những hình ảnh trong mỗi giấc mộng không, vì sao?  **Câu 2**: Nêu cảm nhận của em về thái độ, tình cảm của người kể chuyện với cô bé bán diêm. Phân tích một vài chi tiết làm cơ sở cho cảm nhận đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần 3  **Qua những lần quẹt diêm, tác giả giúp ta hiểu:**  -Tâm hồn ngây thơ, trong sáng của em, những ước mơ lãng mạn, diệu kì nhất từ đơn giản nhất cho đến ước mơ được sống trong tình yêu thương.  - Thực tế khắc nghiệt đổ ập vào em, khiến cho số phận của cô bé càng trở nên bất hạnh.  - Thái độ, tình cảm của tác giả: đồng cảm, xót xa, yêu thương, chia sẻ với số phận bất hạnh nhỏ nhoi, và ước mơ của trẻ thơ! | **2.** **Những giấc mộng tưởng của cô bé sau những lần quẹt diêm**  - Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm  Lần 1: em thấy lò sưởi  Lần 2: em thấy một bàn ăn thịnh soạn.  Lần 3: trong không khí đêm giáng sinh, em thấy hình ảnh của cây thông  Lần 4: chỉ có bà là người yêu thương em nhất.  Lần 5: Lần cuối cùng em quẹt hết số diêm còn lại để nhìn thấy bà và thật kì lạ ước nguyện cuối cùng của em đã trở thành hiện thực  **Nhận xét: Theo em thứ tự hình ảnh xuất hiện mỗi lần quẹt diêm của cô bé bán diêm là phù hợp, không thể thay đổi. Vì:**  + Thể hiện tâm hồn ngây thơ, trong sáng của em, những ước mơ lãng mạn, diệu kỳ nhất từ đơn giản nhất cho đến ước mơ được sống trong tình yêu thương  + Nổi bật hiện thực phũ phàng mà cô bé đang chịu đựng: sự đói rét, và cô đơn, thiếu thốn, nghèo khổ Em mơ thấy bà vì khi bà mất, em luôn sống trong cảnh thiếu tình yêu thương. Sau mỗi lần que diêm tắt là thực tế khắc nghiệt đổ ập vào em, khiến cho số phận của cô bé càng trở nên bất hạnh.  - Tấm lòng của nhà văn: Người kể chuyện hóa thân vào cảm xúc của cô bé để kể thể hiện thái độ xót xa, cảm thương, chia sẻ cho số phận bất hạnh của cô bé. Từ đó thể hiện tình yêu thương tha thiết của nhà văn với số phận bất hạnh  Chi tiết: “Thật dễ chịu, đôi bàn tay em hơ lên ngọn lửa... Chà!..biết bao!”Tác giả như hóa thân vào em bé, lời kể như lời tâm tình của em, (ngôn ngữ kể như ngôn ngữ độc thoại nội tâm). Mọi cảm giác của em bé như đang hiện hữu trong lòng tác giả cùng bạn đọc. Tấm lòng yêu thương và khao khát chở che cho số phận bất hạnh của nhà văn. |

**Kết quả phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các lần**  **quẹt diêm** | **Mộng tưởng** | **Thực tế** | **Ước mơ** |
| **Lần 1** | Em ngồi trước một lò sưởi bằng sắt, lửa cháy nom vui mắt, hơi nóng dịu dàng  => Sáng sủa, ấm áp | Lửa tắt, lò sưởi biến mất,  em nghĩ đến việc bị cha mắng  =>Tối tăm, lạnh lẽo | Ước mơ được sưởi ấm |
| **Lần 2** | Bàn ăn có ngỗng quay, ngỗng nhảy ra khỏi đĩa tiến về phía em  => Giàu có, sung túc | Bức tường lạnh lẽo và phố xá vắng teo lạnh buốt  =>Nghèo khổ, thiếu thốn | Mong được ăn ngon |
| **Lần 3** | Cây thông Nô-en trang trí lộng lẫy với ngàn ngọn nến sáng rực  => Vui tươi, đẹp đẽ | Nến bay lên, bay mãi,  biến thành những ngôi sao  =>Xót xa, thương cảm | Mong được vui chơi |
| **Lần 4** | Bà đang mỉm cười với em, em reo lên “cho cháu đi với”, “xin thượng đế chí nhân cho cháu về với bà”  => Vui sướng | Ảo ảnh rực sang biến mất  (Bà biến mất)  =>Đau khổ, tuyệt vọng. | Mong được bà che chở, yêu thương |
| **Lần 5** | Bà cầm tay em, hai bà cháu  bay vụt lên cao, chẳng còn đói rét  => hạnh phúc, dạt dào | Em về chầu thượng đế  **=>**Phũ phàng, tàn nhẫn | Mong được ở cùng bà |

**ND 3. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm.**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được kết thúc của truyện và ý nghĩa của kết thúc truyện.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***NV3:* *Cái chết thương tâm của cô bé bán* diêm.\* Hoạt động cá nhân.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Có những hình ảnh trái ngược nào trong quang cảnh đầu năm mới?  Nêu cảm nhận của em về thái độ của người kể chuyện với cô bé bán diêm. Phân tích một vài chi tiết làm cơ sở cho sự cảm nhận đó.  Những câu chuyện cổ tích thường kết thúc có hậu: nhân vật chính được hưởng cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Theo em, truyện cổ tích Cô bé bán diêm có kết thúc như vậy không? Vì sao  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **Qua những lần quẹt diêm, tác giả giúp ta hiểu:**  Câu chuyện thể hiện tình yêu thương sâu sắc của nhà văn đối với số phận bất hạnh của cô bé. Qua câu chuyện, nhà văn muốn truyền tải đến người đọc thông điệp giàu ý nghĩa, thấm đẫm giá trị nhân đạo: hãy yêu thương trẻ thơ và để cho chúng được sống một cuộc sống đủ đầy, hạnh phúc, xây dựng cuộc sống ấm no cho tất cả mọi người, nhất là cho những em bé đáng thương trên đời. | **3. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm.**  - Hình ảnh một em bé chết rét ở một xó tường trong không khí vui vẻ đầu năm mới.  - Thái độ của mọi người: Mọi người bảo nhau: chắc nó muốn sưởi ấm" ứng xử thờ ơ, thiếu sự đồng cảm và tình yêu thương giữa con người đối với con người.  - Nhận xét về cách kết thúc truyện:  +Kết thúc có hậu. Lí giải về vẻ đẹp của em bé khi chết “Có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười”là một cái chết đẹp, hình hài thể xác chết mà linh hồn, khát vọng của em bé vẫn sống ( niềm cảm thương xót xa của tác giả)  + Kết thúc không có hậu: Cô bé chết, cái chết khốn khổ, là một cảnh tượng thương tâm. Em đã chết vì đói, vì rét, vì thiếu tình yêu thương (nguyên nhân cái chết của cô bé) |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

-HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB *“Cô bé bán diêm”*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Làm việc cá nhân.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trình bày giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?  Nêu chủ đề của truyện?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa yếu tố thật và huyền ảo với các tình tiết diễn biến hợp lí  - Ngôi kể thứ ba, ngôn ngữ kể linh hoạt, kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Kết cấu truyện theo lối tương phản, đối lập  **2. Nội dung**  - Truyện kể về hình ảnh một cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn, bất hạnh trong đêm giao thừa.  - Qua đó tác giả muốn gửi gắm một thông điệp giàu tính nhân đạo: hãy yêu thương và để trẻ thơ được sống hạnh phúc. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản: Câu 1. Liệt kê những hình ảnh hiện lên sau mỗi lần cô bé quẹt diêm? Với em, hình ảnh nào cho em nhiều cảm xúc nhất, lí giải tại sao?

Câu 2. Thông điệp em rút ra sau khi học xong truyện *Cô bé bán diêm*?

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, kể ra những chi tiết kì ảo.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Liệt kê những hình ảnh  - Thông điệp em rút ra sau khi học xong truyện Cô bé bán diêm?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | 1. **Luyện tập**   Câu 1. Liệt kê những hình ảnh.  HS cần nói rõ sự lựa chọn của mình. Lí giải theo quan điểm cá nhân.  Câu 2. Những thông điệp:  - Cần có tấm lòng nhân ái, biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, đặc biệt đối với những người thiệt thòi, gặp khó khăn hơn ḿình.  - Tuổi thơ thật trong sáng, và có biết bao ước mơ.  - Với trẻ thơ, các em cần được sống trong mái ấm gia đình, cần có tình yêu thương.  ... |

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1 (bắt buộc).**

**+ Nhiệm vụ 2,3 (chọn lựa)**

Câu 1. Những bức ảnh này đã gợi em có suy nghĩ gì?

2.Vẽ tranh.

3.Thiết kế sơ đồ tư duy bài học theo ý hiểu của mình

4.Sân khấu hóa: Diễn bối cảnh cô bé bán diêm và những lần quẹt diêm

**\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** (Nhiệm vụ 2, 3 có thể báo cáo sản phẩm vào tiết học sau)

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**Lưu ý: GV cung cấp cho HS một vài bức tranh và sơ đồ để các em tham khảo và sáng tạo.**



Ngày soạn: /10/2022

Ngày dạy: /10/2022

**TIẾT 32: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về cụm từ và cụm danh từ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về cụm từ và cụm danh từ hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**ND I. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Xác định chủ ngữ trong các cặp câu sau đây (a)?  - Chỉ ra thành phần chính ở các câu trong ví dụ (b)?  - So sánh hai câu, nhận xét sự khác nhau về cấu tạo của thành phần chính? Dùng cụm từ bổ sung thông tin gì cho câu?  - Vậy thành phần chính trong câu có cấu tạo như thế nào? Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ? (Kết luận chung)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **I. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  **1. Ví dụ:**  a. *(1) Em bé/ vẫn lang thang trên đường.*  *(2) Em bé đáng thương, bụng đói rét/ vẫn lang thang trên đường.*  Trong câu (1), thành phần chủ ngữ của câu chỉ có một từ.  Trong câu (2), mỗi thành phần chính là một cụm từ. Chủ ngữ *em bé đáng thương, bụng đói rét* cụ thể hơn *em bé* vì có thêm thông tin về tình cảm của người kể và về hoàn cảnh của em bé.  b*. (1) Tuyết/ rơi.*  *(2) Tuyết trắng/ rơi đầy đường.*  Trong câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ có một từ.  Trong câu (2), mỗi thành phần chính là một cụm từ. Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thêm thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết.Vị ngữ *rơi đầy đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ đặc điểm của *tuyết*.  **2. Kết luận:**  - Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.  - Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. |

**ND II. Cụm danh từ**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết cụm danh từ, nắm được cấu tạo của cụm danh từ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS thảo luận nhóm phiếu học tập số 6**  - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại khái niệm : Danh từ là gì?  - Tìm cụm danh từ trong những câu sau?  - Xác định danh từ trung tâm ở mỗi cụm danh từ?  Liệt kê những từ có thể đứng trước danh từ trung tâm, những từ đó bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa gì?  Chỉ ra những từ đứng sau trước danh từ trung tâm, những từ đó bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa gì?  - Vậy từ ví dụ trên, em rút ra cấu tạo của cụm danh từ gồm mấy phần? Phần nào là phần bắt buộc phải có trong cụm danh từ? của từng phần là gì?  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **II. Cụm danh từ**  **1. Tìm cụm danh từ trong những câu sau:**  *a. Tất cả các ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.*  *b. Tất cả những học sinh chăm chỉ đều được cô giáo khen ngợi.*  \* Nhận xét:  **Các cụm danh từ :**  a.-*Tất cả các ngọn nến*: DT trung tâm *ngọn nến*  - *những ngôi sao trên trời*: DT trung tâm *ngôi sao*  b. *Tất cả những học sinh chăm chỉ*  DT trung tâm *học sinh*  Phần đứng trước danh từ trung tâm: *Tất cả, những, một...*thể hiện số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện. Gọi là phần phụ trước  Phần đứng sau danh từ trung tâm: *trên trời, chăm chỉ* nêu vị trí của sự vật trong không gian thời gian, đặc điểm của sự vật... mà danh từ trung tâm thể hiện. Gọi là phần phụ sau.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần phụ sau | | *Tất cả các* | *ngọn nến*: |  | | *những* | *ngôi sao* | *trên trời* | | *Tất cả những* | *học sinh* | *chăm chỉ* |   **2. Kết luận:**  - Khái niệm: Cụm danh từ là một tổ hợp từ do một danh từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm danh từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần danh từ trung tâm, phần phụ sau.  - Các từ đứng trước danh từ trung tâm thường thể hiện số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện: Ví dụ: *các, những, một, tất cả...*  - Các từ đứng sau danh từ trung tâm thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không thời gian. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về cụm danh từ, tác dụng của của danh từ trong câu, biết sử dụng cụm danh từ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **thảo luận theo 4 nhóm trong 05 phút:**  Nhóm 1: Bài tập 1/Tr 66  Nhóm 2: Bài tập 2/Tr 66  Nhóm 3: Bài tập 3/Tr 66  Nhóm 4: Bài tập 4/ Tr 67  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy tưởng tượng và viết một đoạn văn khoảng (5-7 câu) về cảnh cô bé bán diêm gặp lại bà trên thiên đường, trong đó có sử dụng ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 trang 66:** Tìm cụm danh từ trong những câu sau:  a. *Nhưng trời giá rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng có ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.*  Cụm danh từ:  - *khách qua đường* (*khách* là danh từ trung tâm; *qua đường* là phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm.  - *lời chào hàng của em (* *lời* là danh từ trung tâm; *chào hàng của em* là phần phụ sau, miêu tả định danh cho danh từ trung tâm..  b. (nt)  **Bài tập 2 trang 66:** Tìm một cụm danh từ trong truyện cô bé bán diêm. Từ danh từ trung tâm đó hãy tạo ra ba cụm danh từ khác.  Một cụm danh từ trong truyện Cô bé bán diêm:  Cụm danh từ: *hai ngôi nhà;* Danh từ trung tâm: *ngôi nhà.*  Ba cụm danh từ khác:  *- những ngôi nhà ấy*  *- ngôi nhà xinh xắn kia*  *- ngôi nhà của chúng tôi...*  **Bài tập 3 trang 66:** So sánh những câu văn sau đây và rút ra nhận xét về tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần chính của câu.  Tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần chính của câu:  a. *- Em bé vẫn lang thang trên đường.*  *- Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn đang lang thang trên đường.*  Cụm danh từ có tác dụng làm rõ cảnh ngộ éo le, sự đáng thương, bất hạnh của cô bé.  b. *- Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.*  *- Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.*  Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp thông tin nhiều hơn chủ ngữ là danh từ.  Trong hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ, chủ ngữ không chỉ cung cấp thông tin về chủ thể của hành động *(em bé)* mà còn cho thấy ý nghĩa về số lượng *(một)* và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em bé *(đáng thương, bụng đói rét; nhỏ, đầu trần, chân đi đất).* Từ đó câu văn còn thấy rõ thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm.  **Bài tập 4 trang 66**  Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ:  *a. Gió /vẫn thổi rít vào trong nhà.*  *Một vài cơn gió/ vẫn thổi rít vào trong nhà, giấc ngủ trưa trôi qua trong tiếng gió.*  *b. Lửa/ tỏa ra hơi nóng dịu dàng.*  *Một vài đốm lửa/ tỏa ra hơi nóng dịu dàng, xoa dịu cơn giá lạnh, đôi bàn tay không còn co ro, lạnh buốt nữa.*  5. Bà dắt tay cô bé bán diêm về trời. Em đã gặp được tất cả các thiên thần bé xíu, xinh xinh. Mỗi thiên thần có một đôi cánh trắng toát, mượt mà đằng sau lưng. Trên tay họ là những chiếc kèn để thổi chào mừng em. Cô bé rất háo hức. Vừa đi, em vừa nhảy chân sáo. Có lẽ lâu lắm rồi, em mới được thực sự là một đứa trẻ như bây giờ. Cổng thiên đường rộng lớn, sáng lên một màu vàng lấp lánh. Nó mở ra một vùng đất rộng mênh mông, tươi đẹp, có biết bao nhiêu là hoa. Cô bé đứng sững lại. Chưa bao giờ em thấy nơi nào tràn ngập màu sắc như thế này. Nước mắt chảy dài trên khuôn mặt em, vì quá hạnh phúc, vì xúc động. Em tiến vào trong thiên đường. Ở đây có rất nhiều người, họ vui vẻ, thân thiện. Em cảm thấy hạnh phúc vô cùng. |

***Ngày 21 tháng 10 năm 2022***

***Kí duyệt***

Ngày soạn: 24/10/2022

Ngày dạy: /10/2022

**TIẾT 33, 34: Văn bản 2: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

**(Thạch Lam)**

**HOẠT ÐỘNG 1 : KHỞI ÐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS về người thân thiết, về một số tình huống trong cuộc sống từ đó tạo không khí và chuẩn bị tâm thế vào bài học mới. Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**GV đặt câu hỏi:**

1. Hãy kể một sự giúp đỡ mà em đã từng dành cho ai đó, hoặc em đã từng được đón nhận?

- Gọi HS trao đổi và bổ sung ý kiến.

**- GV tổng hợp, giới thiệu bài.**

Trong cuộc sống tình yêu thương và chia sẻ là điều vô cùng quý giá. Như cây cần ánh sáng, con người cần tình yêu thương để nuôi dưỡng tâm hồn. Điều kì diệu nhất của tình yêu thương là càng chia sẻ lại càng giàu có; là cùng mang đến niềm vui và hạnh phúc cho cả người đón nhận và người trao tặng.

Tiếp nối hành trình câu chuyện viết về tình yêu thương, tiết học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* của nhà văn Thạch Lam. Viết về cái lạnh giá của đất trời đầu mùa song tình yêu thương của những nhân vật trong tác phẩm liệu có ấm áp trái tim bạn đọc hay không? Chúng ta cùng khám phá nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, truyện Gió lạnh đầu mùa: nhân vật, sự việc, đề tài, chủ đề… )

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về tác giả, truyện Cô bé bán diêm .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**ND 1: I. Tìm hiểu chung về văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu HS đọc phần giới thiệu về tác giả Thạch Lam ở SGK trang 73. Từ đó, kết hợp với phần chuẩn bị bài, em hãy giới thiệu về nhà văn Thạch Lam?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **GV mở rộng thêm:** Giới thiệu chân dung nhà văn. Nhóm văn Tự lực văn đoàn, hình ảnh các tác phẩm tiêu biểu của nhà văn. Là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn ngòi bút của Thạch Lam có khuynh hướng đi gần với cuộc sống của những người dân bình thường nghèo khổ.  Nhận xét khái quát về sự nghiệp văn chương của ông, *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam*có đoạn viết:  *Thạch Lam là một cây bút thiên về tình cảm, hay ghi lại cảm xúc của mình trước số phận hẩm hiu của những người nghèo, nhất là những người phụ nữ trong xã hội cũ, sống vất vả, thầm lặng, chịu ðựng, giàu lòng hi sinh ("Cô hàng xén"). Có truyện miêu tả với lòng cảm thông sâu sắc một gia ðình đông con, sống cơ cực trong xóm chợ ("Nhà mẹ Lê"). Có truyện phân tích tỉ mỉ tâm lư phức tạp của con người ("Sợi tóc")... Văn Thạch Lam nhẹ nhàng, giàu chất thơ, sâu sắc, thâm trầm, thường để lại một ấn tượng ngậm ngùi, thương xót.*[[](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A1ch_Lam#cite_note-11)  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc rõ ràng, nhẹ nhàng, tình cảm, chú ý từ ngữ miêu tả thiên nhiên và cảm xúc của nhân vật.  **- HS đọc.**  **- Nhận xét cách đọc của HS.**  Em hãy giải nghĩa các từ: *vú già, đánh khăng, đánh đáo, vải buồm*?  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Hãy kể tóm tắt truyện từ 5-7 câu? ( xác định nhân vật chính, nhân vật phụ, chi tiết chính của truyện)  Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?  Truyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.  + Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì?  + Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần? nội dung từng phần?  + Tóm tắt ngắn gọn câu chuyện? Theo em nhan đề Gió lạnh đầu mùa gợi lên điều gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung về văn bản**  **1. Tác giả: Thạch Lam**  -Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh.-sinh năm 1910, mất năm 1942  -Quê gốc Hà Nội, thuở nhỏ sống ở quê ngoại Hải Dương  -Ông là nhà văn thành công với thể loại truyện ngắn; phong cách viết văn bình dị, giàu cảm xúc và đậm chất thơ.  - Tác phẩm tiêu biểu: Gió lạnh đầu mùa, Cô hàng xén, Nhà mẹ Lê, Quê mẹ, Hà Nội ba mươi sáu phố phường...Các tác phẩm của ông ẩn chứa niềm tin yêu, trân trọng đối với thiên nhiên và con người.  **2. Tác phẩm:**  - Xuất xứ: là truyện ngắn được in trong tập *Gió đầu mùa* năm 1937  **- Đọc**  **- Từ khó** ( Chú thích SGK (1), (2), (3) T75; (1), (2), (3),(4) T76.  **- Kể, tóm tắt**  + Mùa đông giá lạnh đã đến, hai chị em Sơn được mặc quần áo đẹp đẽ và ấm áp.  + Hai chị em Sơn ra xóm chợ chơi và thấy những người bạn nghèo mặc những bộ quần áo bạc màu, nhiều chỗ vá. Đặc biệt là em Hiên chỉ có mang áo rách tả tơi, co ro chịu rét.  + Chị Lan hăm hở về lấy áo cho Hiên, Sơn cảm thấy trong ḷòng ấm áp, vui vui.  + Chuyện cho áo đến tai người thân, lo sợ bị mẹ mắng, hai chị em đi tìm Hiên đòi áo.  + Mẹ Hiên sang nhà Sơn trả lại áo bông.  + Biết hoàn cảnh của gia đình Hiên, mẹ Sơn cho mẹ Hiên mượn tiền may áo mới cho con.  **- Kiểu văn bản:** Tự sự  **- Ngôi kể:** thứ ba  **- Bố cục**: 3 phần  + **Phần 1:** Từ đầu đến: *“mẹ hơi rơm rớm nước mắt* ”: Cảm xúc của Sơn về thiên nhiên, cảnh vật vào buổi sáng khi gió lạnh tràn về.  + **Phần 2:** Tiếp theo đến “*ấm áp, vui vui”:* Thái độ, cảm xúc của chị em Sơn với các bạn nhỏ, và quyết định của chị em Sơn.  + **Phần 3** (còn lại): Hành động và cách cư xử của  những người mẹ trước việc làm của các con.  - Nhan đề: gợi lên cái lạnh giá của thời tiết mùa đông, là nổi bật tình yêu thương ấm áp của tình người, đặc biệt là tình yêu thương trong sáng hồn nhiên của những đứa trẻ. |

**II. Đọc- hiểu văn bản.**

**Phiếu học tập 2**

**Câu 1:** Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?

**Câu 2**:Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự sẻ chia?

Hãy nhận xét về cách ứng xử của mẹ Sơn và mẹ Hiên trong đoạn cuối câu chuyện?

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **NV 1: Tìm hiểu về cảm xúc của Sơn vào buổi sáng chớm đông**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Tìm những chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên khi gió lạnh tràn về? Cảm xúc của Sơn như thế nào về thiên nhiên và cảnh vật?  - Sơn được mọi người trong gia đình săn sóc nhơ thế nào? Nhận xét về cuộc sống của gia đình Sơn lúc đó ? (gia đình Sơn thuộc tầng lớp trung lưu, khá giả)  - Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú trò chuyện về chiếc áo của Duyên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?  - Chi tiết cái áo bông cũ ở đầu truyện gợi lên điều gì? *(gợi nỗi đau, mất mát, tình mẹ con, tình anh em, tình thương của người vú già nhân hậu).*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **NV2: Tìm hiểu về thái độ của chị em Sơn với các bạn nhỏ:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Dưới sự quan sát, cảm nhận của Sơn, hình ảnh những người bạn xóm chợ của em hiện lên như thế nào khi mùa đông đến ( cách ăn mặc, bộ dạng, thái độ)? Đặc biệt, người bạn nhỏ nào được chú ý hơn cả, vì sao?  - Điều đó cho thấy sự khác biệt như thế nào giữa cuộc sống của chị em Sơn và các bạn của mình?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\* Tổ chức hoạt động nhóm**: Tổ chức lớp thành 4 nhóm.  Nhóm 1,2:  Câu 1: Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?  Nhóm 3,4  Câu 2: Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự sẻ chia?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn không? Vì sao.  **- GV giao nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu học tập số 2 **(cả 4 nhóm)**  **\* Một số gợi ý (nếu cần):**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Cặp đôi chia sẻ**  Hãy nhận xét về cách ứng xử của mẹ Sơn và mẹ Hiên trong đoạn cuối câu chuyện?  **- GV giao nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu học tập số 2 **(cả 4 nhóm)**  **\* Một số gợi ý (nếu cần):**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **II. Đọc- hiểu văn bản.**  **1. Nhân vật Sơn**  **a. Cảm xúc của Sơn vào buổi sáng chớm đông**  **-Về bức tranh thiên nhiên và cảnh vật**  Trời đang ấm, chỉ qua một đêm mưa rào, bỗng gió rét thổi về. Ai cũng tưởng như đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn *“tung chăn tỉnh dậy”.* Em nhìn ra ngoài sân, nghe *“gió vi vu…”,* âm thanh xào xạc của những chiếc lá khô. Những khóm lan *“lá rung động và hình như sắt lại vì rét”...*  **- Cuộc sống của gia đình Sơn:**  + Hành động săn sóc của mẹ  + Chị Lan lấy áo cho em áo ấm;  + Trang phục: áo dạ đỏ lẫn áo vệ sinh, áo vải thâm bân ngoài.  Sơn cảm nhận được sự biến đổi của thiên nhiên, cảnh vật khi bước vào mùa đông. Sơn còn cảm nhận được không khí ấm áp, tình yêu thương của mẹ, của vú già  **b. Cảm xúc của Sơn khi vú nhắc đến chuyện chiếc áo bông**  + Mẹ Sơn nhắc đến em Duyên, người em, đã mất nhớ em, Sơn cảm động và thương em quá. Sơn thấy mẹ rơm rớm nước mắt.  Sơn là cậu bé ngoan ngoãn, sống giàu tình cảm, tinh tế biết quan sát và cảm nhận được tâm trạng cảm xúc của người thân.  **2. Thái độ của chị em Sơn với các bạn nhỏ:**  **a. Hình ảnh những đứa trẻ xóm chợ :**  + Ăn mặc: *không khác gì mọi ngày, những bộ quần áo nâu đã vá nhiều chỗ.*  + Bộ dạng: *Môi chúng tím tái, da thịt thâm đi, người run lên, hàm răng va đập vào nhau.*  + Thái độ khi thấy chị em Sơn*: vui mừng, nhưng vẫn đứng xa, không dám vồ vập*.  **- Cái Hiên:** đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên “*co ro đứng bên cột quán”*, chỉ mặc có “*manh áo rách tả tơi hở cả lưng và tay”*  Sự đối lập hoàn toàn giữa chị em Sơn và bọn trẻ xóm chợ: trong khi chị em Sơn sống trong gia đình sung túc, được mặc ấm, mặc đẹp thì bọn trẻ con nhà nghèo ăn mặc rách rưới, thiếu thốn đáng thương.  **b. Thái độ, hành động của chị em Sơn**  - Với các bạn, Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn (thể hiện qua các chi tiết quan sát hình ảnh của các bạn khi trời rét, chơi đùa..)  - Với Hiên, chị Lan dơ tay vẫy một con bé từ nãy vẫn đứng dựa vào cột: Sao không lại đây Hiên, lại đây chơi với tôi.  **+** Chị Lan hỏi *“sao áo Hiên rách thế, áo lành đâu sao không mặc”*  **+** Nghe cái Hiên *“bịu xịu”* nói với chị Lan là “*hết áo rồi, chỉ còn cái áo này”,* *bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra* *“mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”.*  - Cảm xúc của Sơn đã *“động lòng thương”* bạn và một *“ý nghĩ tốt thoảng qua”… Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên mặc* khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về  **Sơn và chị đều là những đứa sống giàu t́nh thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.**  - Khi cùng chị Lan mang chiếc áo bông cũ cho Hiên, Sơn thấy lòng mình *“ấm áp vui vui”* khi đứng lặng yên chờ chị Lan chạy về lấy áo.  **-Ý nghĩ, hành động cho bạn áo ấm: là hành động thể hiện yêu thương vô tư, trong sáng của những đứa trẻ.**  **c. Thái độ và hành động của chị em Sơn sau khi vú già biết chuyện cho áo bạn:**  - Hai chị em đổ lỗi cho nhau, bỏ ra khỏi nhà, đi đến chiều mới về.  - Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ không làm giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn . Bởi vì đó là tâm lý và hành động bình thường của một đứa trẻ khi tự ý mang đồ dùng ở nhà đi cho người khác và sợ bị mẹ mắng.  Hành động hồn nhiên, ngây thơ của Sơn và chị. Sự trong sáng, đáng yêu của những đứa trẻ .  **3.Tấm lòng của những người mẹ**  **- Mẹ Hiên:** Cách ứng xử của mẹ Hiên không cho con lấy đồ của người khác, đó là đức tính "đói cho sạch, rách cho thơm". Mẹ Hiên tuy nghèo nhưng giàu lòng tự trọng.  - **Mẹ Sơn:**  **+** Cách ứng xử của mẹ Sơn: câu nói của mẹ Sơn "*Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng à?",* với cử *chỉ "âu yếm ôm con vào lòng"* chứa đựng biết bao tình thơm thảo.  + Cho mẹ Hiên vay tiền để mua áo ấm cho con là những nét tươi sáng, ấm áp chứa đựng tình nghĩa, sự chia sẻ, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau. Ðó là một việc làm đầy tình nghĩa, ấm áp tình người. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của truyện *“Gió lạnh đầu mùa”.*

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?  - Nếu ý nghĩa của truyện?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Cách kể chuyện nhẹ nhàng, tinh tế, theo dòng cảm xúc của nhân vật.  - Nhân vật được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua từng cảm xúc, tâm trạng về chuyển biến của thiên nhiên, cảnh vật, sự việc...  - Kết hợp kể và miêu tả cảnh thiên nhiên đặc sắc.  - Tình huống đặc sắc, có những chi tiết truyện giàu ý nghĩa.  **2. Nội dung**  - Ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người, đặc biệt tình yêu thương vô tư của trẻ thơ.  - Ẩn chứa niềm tin yêu, trân trọng của tác giả đối với con người. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Văn bản tóm tắt, nhận xét, đánh giá và bày tỏ quan điểm miệng của HS,

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Câu 1:** Kể diễn cảm truyện.

**Câu 2:** Đọc lại một số đoạn văn miêu tả lại cảm xúc thay đổi của đất trời khi mùa đông đến. Em có thích những đoạn văn này không. Vì sao?

**Câu 3.** Hãy chỉ ra một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm *(Cô bé bán diêm)* và Hiên *(Gió lạnh đầu mùa).*

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1:** Tóm tắt đảm bảo các sự việc chính (như phần đọc tóm tắt)

**Câu 2:** Câu chuyện bắt đầu với những chi tiết miêu tả đất trời từ sự chuyển đổi thời tiết. Trời đang ấm, chỉ qua một đêm mưa rào, bông gió rét thổi về. Ai cũng tưởng như đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn *“tung chăn tỉnh dậy”*. Em nhìn ra ngoài sân, nghe “*gió vi vu…”,* âm thanh xào xạc của những chiếc lá khô. Những khóm lan “*lá rung động và hình như sắt lại vì rét”.*.. Đây là những đoạn văn thể hiện ngòi bút quan sát tinh tế của tác giả về thiên nhiên. Miêu tả thiên nhiên vào đông, gió lạnh nhưng người đọc cũng cảm thấy tình người ấm áp qua sự quan tâm chăm sóc từ chiếc áo ấm mà mẹ dành cho Sơn.

**Câu 3:** Một vài điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật cô bé bán diêm (*Cô bé bán diêm)* và Hiên *(Gió lạnh đầu mùa*):

- Giống nhau: Đều là những cô bé có hoàn cảnh nghèo khó, thiếu thốn, không được hưởng một cuộc sống có "cơm ngon áo đẹp".

- Khác nhau:

+ Cô bé bán diêm: Có cuộc sống bất hạnh, không có sự yêu thương, bảo vệ của gia đình. Em phải tự mình kiếm tiền mang về cho bố, nếu không có tiền sẽ không được về nhà. Số phận của em là một số phận đầy bi kịch khi em đã không thể chông chọi được sự khắc nghiệt của cuộc sống, đã chết đi, về với vòng tay yêu thương của bà.

+ Hiên: Em vẫn có mẹ bên cạnh chăm sóc, vẫn có bạn bè, có hai chị em Sơn quan tâm, yêu thương và đùm bọc.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

.Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện Gió lạnh đầu mùa. Hãy viết một đọan văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.

**Hướng dẫn giải:**

Sơn là một em bé sống với bạn bè rất có tình người. Trong lúc mấy đứa em họ của Sơn thì *“kiêu kì và khinh khỉnh”* với các bạn, trái lại Sơn và chị Lan rất chan hòa với chúng. Vì thế mới thấy chị em Sơn đến, chúng nó *“lộ vẻ vui mừng”.* Gặp bạn, buổi sớm trong gió lạnh đầu mùa, cái nhìn của Sơn đối với bạn nhỏ, những thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc,… là cái nhìn yêu thương, cảm thông với cảnh nghèo của bạn. Trời lạnh mà chúng nó vẫn *“ăn mặc không khác ngày thường, vần những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ”,* và “*môi chúng nó tím lại*…”, chỗ áo quần rách “*da thịt thâm đi*”. Mỗi lần làn gió lạnh thổi qua, các bạn nhỏ của Sơn “*lại run lên”* và “*hai hàm răng đập vào nhau*”. Biết quan tâm tới mọi người, biết san sẻ, cảm thông với bạn bè chỉ có ở những trái tim nhân ái, những tấm lòng nhân hậu. Sơn đã chơi, đã sống với bạn bằng trái tim nhân ái, bằng tấm lòng nhân hậu như thế!

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**Bài tập về nhà**

Em hãy vẽ 1 bức tranh về một chi tiết mà em ấn tượng nhất trong tác phẩm.

Hoặc: Viết một đoạn văn ngắn 3-5 câu nêu ý nghĩa của tình yêu thương, sẻ chia trong cuộc sống?

Ngày soạn: 24/10/2023

Ngày dạy: /10/2023

**TIẾT 35, 36: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức**:

**-** Ôn tập, củng cố kiến thức: Phần đọc hiểu và thực hành tiếng Việt, phần làm văn (viết).

+ Phần đọc hiểu làm quen với các dạng đề phương thức biểu đạt, nêu ý nghĩa của truyện, chỉ ra được từ loại đã học…

+ Phần Viết: biết viết một bài văn tự sự có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.

**2. Về năng lực**:

- Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

- Đánh giá năng lực của học sinh về các nội dung đã được học. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để đọc hiểu và tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

1. Thiết bị: Máy chiếu, bảng phụ, PHT

2. Học liệu: SGK, SGV, tài liệu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ :**

**a. Mục tiêu:**  Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện trò chơi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn

+ GV sử dụng 3 phiếu học tập (được viết sẵn trên bảng phụ)

+ Chọn ra 3 đội mỗi đội 3 người lên bảng điền vào phiếu

+ Đội nào làm xong trước -> Thắng vòng 1

+ Đội nào làm đúng nhiều hơn -> Thắng vòng 2

- Thời gian chơi cho các đội là 3 phút.

Sử dụng chung cho ba bài.

|  |  |
| --- | --- |
| BÀI …. | |
| KĨ NĂNG | NỘI DUNG CỤ THỂ |
| Đọc – hiểu văn bản | Văn bản 1: ……………………………………………………………… |
| Văn bản 2: …………………………………………………………………… |
| Văn bản 3:  …………………………………………………………………… |
| Thực hành tiếng Việt: ………………………………………………………………….. |
| Viết | ………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Nói và nghe | ………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**B2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS chọn đội chơi

- Thảo luận cách chơi

- HS tham gia chơi theo đúng luật chơi

- HS chia đội cổ vũ, cử BGK

**B3. Báo cáo, thảo luận:**

- Hai đội hoàn thành phiếu học tập sau 3 phút chơi

- BGK theo dõi, chấm điểm công khai

- GV điều hành các hoạt động của HS và giải quyết các tình huống phát sinh

**B4. Kết luận, nhận định:**

- Công bố đội thắng cuộc,

- HS tự xác định nhiệm vụ ôn tập

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**

**I. Ôn tập kiến thức đã học**

**a. Mục tiêu:** - Khắc sâu nội dung kiến thức và kĩ năng đọc hiểu các văn bản đã học trong bài 1, 2, 3.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**NV 1: Kiến thức phần Văn học**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS hệ thống nội dung các văn bản đã học theo mẫu (Phiếu học tập)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | **Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ** | **Phương thức biểu đạt** | **Thể loại** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |

- Thời gian hoàn thành phiếu 7 phút

**B2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu

- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn (nếu cần)

**B3. Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày sản phẩm bằng cách dán phiếu lên bảng (5 nhóm nhanh nhất) và thuyết trình (01 nhóm bất kì trong 05 nhóm đã dán sản phẩm)

- Lắng nghe, đối chiếu đáp án của nhóm mình, đánh giá, nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu

- GV điều hành các hoạt động của HS và giải quyết các tình huống phát sinh

**B4. Kết luận, nhận định:**

Gv nhận xét, chốt kiến thức: trên máy chiếu

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | **Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ** | **Phương thức biểu đạt** | **Thể loại** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| 1 | Bài học đường đời đầu tiên  (Trích Dế Mèn phiêu lưu kí) | Tô Hoài | - Đoạn trích do người biên soạn SGK đặt  - Trích từ chương I của truyện “*Dế Mèn phiêu lưu ký*”  sáng tác 1941. | Tự sự + miêu tả | Truyện đồng thoại | + Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.  + Do bày trò trêu chị Cốc dẫn dến cái chết thảm thương của Dế Choắt  + Dế Mèn ân hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên | - Nghệ thuật miêu tả sinh động.  - Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.  - Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.  - Sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa. |
| 2 | Nếu bạn muốn có một người bạn | - Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri | Là chương XXI của tác phẩm “*Hoàng tử bé”* sáng tác 1941. | Tự sự, miêu tả, biểu cảm | Truyện đồng thoại | Truyện kể về hoàng tư bé và con cáo, qua đó gửi đến bạn đọc bài học về cách kết bạn: cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau, về cách nhìn nhận đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. | - Cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc.  - Nhân vật con cáo được nhân hóa như con người thể hiện đặc điểm của truyện đồng thoại.  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú. Truyện giàu chất tưởng tượng |
| 3 | Bắt nạt | Nguyễn Thế Hoàng Linh | In trong tập thơ: “*Ra vườn nhặt nắng*” sáng tác năm 2017 | Biểu cảm. | Thơ 5 chữ | Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. | Thể thơ 5 chữ.  - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện, bao dung |
| 4 | Truyện cổ tích về loài người | Xuân Quỳnh | In trong tập thơ: **Lời ru trên mặt đất**, 1978 | Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả; | Thơ 5 chữ | - Câu chuyện cổ tích về sự hình thành vạn vật trên thế gian dưới góc nhìn con trẻ, lấy trẻ em làm trung tâm.  - Tình yêu thương vô vàn của cha mẹ và những người thân yêu xung quanh dành cho những tâm hồn ngây thơ, trong sáng của trẻ em sẽ là những điều nâng đỡ các em trên hành trình khôn lớn. | - Thể thơ 5 chữ, với giọng thơ hồn nhiên trong sáng.  - sự hài hòa giữa hai yếu tố tự sự và miêu tả khiến bài thơ vừa cuốn hút, thú vị lại vừa sinh động, chân thực.  - Biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ tăng sức gợi hình, gợi cảm cho hình ảnh thơ. |
| 5 | Mây và Sóng | R. Ta-gor | in trong tập *Trăng non*. | Biểu cảm kết hợp tự sự, MT | Tự do (Thơ văn xuôi) | - Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  - Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. | - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;  - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. |
| 6 | *Bức tranh của em gái tôi* | Tạ Duy Anh | Đạt giải nhì trong cuộc thi viết *Tương lai vẫy gọi* của báo Thiếu niên Tiền phong 1998. | Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm | Truyện ngắn | - Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em  - Đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ. | - Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua cách kể ngôi thứ nhất 🡪 gần gũi, đáng tin vì đó như một trải nghiệm được kể lại. |
| 7 | Cô bé bán diêm | - Han C.An-đéc-xen | In trong tập *Truyện cổ An- đéc - xen.* | Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm | Truyện cổ tích (Truyện đồng thoại) | - Truyện kể về cô bé bán diêm trong đêm giao thừa với cái chết đau khổ của cuộc đời bất hạnh để lại cho ta lòng cảm thương sâu sắc.  -Hãy quan tâm,giúp đỡ nhau trong khó khăn, hãy dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất. | - Tương phản, đối lập  - Cách kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa thực tại và mộng ảo |

**NV2: Ôn tập phần Thực hành tiếng Việt**

**B1. Chuyến giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS tập trung ôn tập các nội dung cơ bản sau (Phiếu học tập)

+ Lập bản thống kê theo nội dung sau về cấu tạo từ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Từ đơn | Từ phức | |
|  | Từ ghép | Từ láy |
|  |  |

+ Lập bản thống kê theo nội dung sau về biện pháp tu từ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Biện pháp tu từ | Đặc điểm | Tác dụng | Ví dụ |
|  |  |  |  |  |

- Thời gian hoàn thành phiếu 5 phút

+ Nhắc lại cụm danh từ.

**B2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu

- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn (nếu cần)

**B3. Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày sản phẩm bằng cách dán phiếu lên bảng (5 nhóm nhanh nhất) và thuyết trình (01 nhóm bất kì trong 05 nhóm đã dán sản phẩm)

- Lắng nghe, đối chiếu đáp án của nhóm mình, đánh giá, nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu

- GV điều hành các hoạt động của HS và giải quyết các tình huống phát sinh

**B4. Kết luận, nhận định:**

Gv nhận xét, chốt kiến thức: trên máy chiếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** | |
| - Từ đơn do một tiếng tạo thành. | **Từ ghép** | **Từ láy** |
| + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau | Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **BPTT** | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | **Ví dụ** |
| 1. | Nhân hóa | - Là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người  - Các cách nhân hóa:  + Gọi vật như gọi người  + Tả vật như tả người  + Trò chuyện với vật như với người | - Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Làm cho thế giới đồ vật, con vật, cây cối được gần gũi với con người hơn | Ông trời  Mặc áo giáp đen  Ra trận  Muôn nghìn cây mía  Múa gươm  Kiến  Hành quân  Đầy đường.  (Trần Đăng Khoa) |
| 2 | Điệp ngữ | Là phép tu từ lặp đi, lặp lại một từ (đôi khi là một cụm từ, hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. | - Nhấn mạnh ý muốn diễn đạt  - Tạo nhịp điệu cho câu văn, câu thơ | Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. |
| 3 | So sánh | So sánh là đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng, để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt | - Tạo ra những hình ảnh cụ thể, sinh động,  - Giúp cho câu văn hàm súc gợi trí tưởng tượng của ta bay bổng... | “Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”. |
| 4 | Ẩn dụ | Là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng | - Làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh  - Mang tính hàm súc | Người Cha mái tóc bạc  Đốt lửa cho anh nằm |

**+ Cụm danh từ:** gồm ba phần: phần phụ trước, phần trung tâm, phần phụ sau.

**NV 3: Phần Tập làm văn**

**B1. Chuyến giao nhiệm vụ:**

- GV củng cố các bước làm 1 bài văn kể lại một trải nghiệm:

? Nêu các bước làm 1 bài văn kể lại một trải nghiệm? Dàn ý gồm mấy phần? Nội dung từng phần?

- Thời gian hoàn thành câu trả lời 7 phút

**B2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu

- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn (nếu cần)

**B3. Báo cáo, thảo luận:**

- HS cử đại diện trình bày câu trả lời

- Lắng nghe, đối chiếu đáp án của nhóm mình, đánh giá, nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu

- GV điều hành các hoạt động của HS và giải quyết các tình huống phát sinh

**B4. Kết luận, nhận định:**

Gv nhận xét, chốt kiến thức: trên máy chiếu

\*Các bước làm bài văn kể lại một trải nghiệm:

B1: Tìm ý. B2: Lập dàn ý. B3: Viết bài. B4: Sửa bài

\* Bố cục bài văn gồm 3 phần:

+ Mở bài: Giới thiệu câu chuyện

+ Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện:

- Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan

- Kể lại các sự việc trong câu chuyện

+ Kết bài: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào việc làm các bài tập cụ thể rèn kĩ năng đọc hiểu và kĩ năng viết

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bài 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Đội trưởng thổi còi báo xong buổi tập. Cả đội bơi vào bờ, rầm rập chạy lên cầu, vơ vội quần áo mặc vào người. Lúc này tất cả mới thấm lạnh. Đứa nào đứa nấy run cầm cập. Chúng nghiêng đầu nhảy cho nước trong tai chảy ra. Ván cầu kêu rầm rầm. Đội trưởng hô đội tập hợp ngay trên cầu, nhận xét buổi tập. Riêng thằng bé lạ hoắc chui bừa vào hàng ngũ đội, một mình đứng nép vào lề cầu bên kia. Nó cởi quần áo ướt sũng, vắt khô nước rồi giũ phơi lên thành cầu.* ( Trích “*Tuổi thơ dữ dội”* **–** Phùng Quán)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích?

Câu 2. Chỉ ra từ đơn và phức có trong đoạn trích?

Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn trích?

Câu 4. Suy nghĩ của em về kí ức tuổi thơ bằng đoạn văn 5-7 câu trong đó có sử dụng ít nhất 1 từ láy.

**Bài 2: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**Đi dọc lời ru**

*À ơi… đi suốt cuộc đời*

*Vẫn nghiêng cánh võng những lời mẹ ru.*

*Câu ca từ thuở ngày xưa,*

*Hắt hiu những nẻo nắng mưa cuộc đời.*

*Chông chênh hạnh phúc xa vời,*

*Lắt lay số phận những lời đắng cay.*

*Mẹ gom cả thế gian này,*

*Tình yêu hạnh phúc trao tay con cầm.*

*Nẻo xưa nước mắt âm thầm,*

*Đường gần trái ngọt con cầm trên tay.*

*À ơi… Bóng cả mây bay*

*Lời ru đi dọc tháng ngày trong con*

(Chu Thị Thơm, *Bờ sông vẫn gió*, NXB Giáo dục 1999, tr 41)

**Câu 1**. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên.

**Câu 2.** Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ láy trong đoạn thơ sau:

*Câu ca từ thuở ngày xưa…..Lắt lay số phận những lời đắng cay.*

**Câu 3.** Ngẫm về lời ru của mẹ, người con đã hiểu ra điều gì?

**Câu 4.** Từ nội dung của văn bản đọc hiểu, em hãy rút ra thông điệp ý nghĩa nhất với mình.

- GV chia nhóm theo bàn (nhóm đôi) giao nhiệm vụ cho các nhóm: Nhóm lẻ làm bài tập số 1, nhóm chẵn làm bài tập số 2

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV: + Hướng dẫn HS cách làm bài tập đọc hiểu

+ Quan sát HS thực hiện nhiệm vụ, phát hiện, hỗ trợ HS, nhóm HS kịp thời nếu cần (Chú ý nhắc nhở HS về khoảng cách khi trao đổi)

- HS làm việc nhóm đôi:

+ Tiếp nhận nhiệm vụ. Đọc yêu cầu của bài tập.

+ Thảo luận tìm đáp án, viết ra phiếu học tập tự chuẩn bị

**B3. Báo cáo thảo luận:**

- GV: + Yêu cầu 3 nhóm chẵn, 3 nhóm lẻ báo cáo sản phẩm trên lớp: dán phiếu học tập, trả lời câu hỏi,…

+ Tổ chức cho HS thảo luận thống nhất các câu trả lời

- HS:+ Trình bày sản phẩm của nhóm mình, thuyết trình đáp án...

+ Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

**B4. Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

- Chốt đáp án đúng

**Bài 1: Câu 1.** Phương thức biểu đạt của đoạn trích: Tự sự, miêu tả

**Câu 2.** Chỉ ra từ đơn và phức có trong đoạn trích?

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ đơn** | **Từ phức** |
| * Bơi, cầu, mặc, vào, người, lúc , này, mới, thấm, lạnh, đứa, nào, đứa, nấy, run, chúng, nhảy, cho, nước, kêu, hô, đội, tập, hợp, ngay, riêng, chui, bừa, vào, hàng, ngũ, đội, một mình, đứng, nép, vào, nó, cởi, nước, rồi, giũ, phơi, lên. | * Đội trưởng, thổi còi, buổi tập, cả đội, rầm rập, chạy lên, vơ vội, quần áo, tất cả, cầm cập, nghiêng đầu, chảy ra, ván cầu, rầm rầm, đội trưởng, nhận xét, buổi tập, thằng bé, lạ hoắc, lề cầu, ướt sũng, thành cầu... |

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của đoạn trích: Đoạn trích kể về việc cả đội sau khi tập bơi ai cũng thấm lạnh.

**Câu 4. Viết đoạn**

**\* Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề.

**Tham khảo câu mở đoạn**: Ký ức tuổi thơ có vai trò quan trọng đối với tinh thần mỗi người.

**\* Thân đoạn:** Đảm bảo các ý sau:

- Khi nhớ về những kỷ niệm hạnh phúc, chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc và trân trọng quãng thời gian tốt đẹp đã qua.

- Đồng thời, từ những kỷ niệm **đẹp đẽ** ấy, chúng ta sẽ hiểu bản thân mình trân quý điều gì mà cố gắng gặt hái trong tương lai.

- Mặt khác, khi nhớ về những kỷ niệm mà chúng ta mắc sai lầm trong quá khứ, bản thân sẽ thấy ăn năn hối hận về những sai lầm mình đã làm ra.

- Từ đó, bản thân sẽ biết soi sáng vào những ký ức ấy để mà ko mắc sai lầm như vậy nữa.

**\* Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề: Có thể nói, ký ức tuổi thơ dù đẹp hay chưa đẹp thì đều cũng sẽ là thứ mà khi chúng ta của hiện tại nhìn vào có thể định hướng được tương lai cho mình.

**Bài 2: Câu 1: -** Thể thơ: lục bát.- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm**.**

**Câu 2:** - Từ láy: *hắt hiu, chông chênh, lắt lay, âm thầm*

- Tác dụng:+ Làm cho lời thơ thêm sinh động, giàu nhịp điệu hơn

+ Những từ láy trên nhấn mạnh hơn số phận, cuộc đời đầy những đắng cay, vất cả, cực khổ của mẹ.

**Câu 3:** Ngẫm về lời ru của mẹ, người con đã thấu hiểu:

- Cuộc đời mẹ đầy những đắng cay, vất vả, cực khổ, chưa một giây hạnh phúc.

- Tình yêu bao la của mẹ dành hết cho con, để con được vững bước trên đường đời.

**Câu 4:** HS rút ra được thông điệp qua văn bản:

+ Cần phải trân trọng những lời ru trong cuộc sống;

+ Cần phải luôn khắc ghi công ơn to lớn của ẹm, phải có hiếu với mẹ cha.,…

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG- 5’**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Cho đề bài:

**Đề 1:** Từ văn bản “ Bài học đường đời đầu tiên”, em hãy kể lại một trải nghiệm khiến em thay đổi, tự hoàn thiện mình.

**Đề 2:** Hãy kể một trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc ( Một lần kết bạn, chuyến đi có ý nghĩa, một lần em giúp đỡ người khác)

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV: + Hướng dẫn HS cách làm bài văn kể lại một trải nghiệm

+ Quan sát HS thực hiện nhiệm vụ, phát hiện, hỗ trợ HS, kịp thời nếu cần

- HS làm việc cá nhân:

+ Tiếp nhận nhiệm vụ. Đọc yêu cầu của đề bài.

+ Lập dàn ý cho bài viết

**B3. Báo cáo thảo luận:**

- GV: + Yêu cầu HS nêu định hướng dàn ý trên lớp

+ về nhà luyện viết theo dàn ý

- HS: + Trả lời câu hỏi gợi ý của GV để xây dựng dàn bài...

**B4. Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.

- Chốt dàn ý chung

**Gợi ý đề 1:**

**1. Mở bài:** Giới thiệu về sự việc, tình huống người thân khiến em thay đổi, tự hoàn thiện mình.

**2. Thân bài**

a. Giới thiệu khái quát về câu chuyện

- Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện.

- Giới thiệu những nhân vật có liên quan đến câu chuyện.

b. Kể lại các sự việc trong câu chuyện

- Điều gì đã xảy ra?

- Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?

- Cảm xúc của người viết khi xảy ra câu chuyện, khi kể lại câu chuyện?

**3. Kết bài:** Nêu cảm xúc của người viết với câu chuyện đã xảy ra.

**Gợi ý đề 2:**

**1. Mở bài:**- Giới thiệu việc tốt mà em đã làm.- Cảm xúc của em khi làm được việc tốt

**2. Thân bài:**

- Khái quát về việc làm: Thời gian và địa điểm diễn ra công việc đó. Làm việc đó cùng ai hay chỉ một mình

- Kể cụ thể theo trình tự diễn biến của sự việc.

+ Kể về mình: Hành động, cử chỉ, lời nói, tâm trạng theo trình tự thời gian (trước, trong, sau khi giúp)…

+ Kể về người được giúp đỡ: thái độ, hành động, lời nói…

**3. Kết bài:** Cảm nghĩ của mình sau khi đã làm được một việc tốt

**\* Dặn dò**: Ôn tập tốt để kiểm tra giữa kì

***Ngày 28 tháng 10 năm 2022***

***Kí duyệt***

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 37: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động: Một trong các nội dung sau:**

- Qua hình ảnh GV trình chiếu, học sinh quan sát, tìm tính từ, động từ, rồi từ đó tạo cụm động từ, tính từ phù hợp.

Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu 1 số hình ảnh**.**

****

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**Bước 1:** Tìm tính từ, động từ được gợi ý từ các hình ảnh minh họa?

**Bước 2:** Từ các động từ, tính từ vừa tìm được, hãy thêm vào phía trước/ phía sau chúng những từ ngữ phụ thuộc để tạo thành cụm từ?

**Dự kiến:**

Tính từ: vui vẻ, đẹp, rét, ....

Cụm tính từ: rất vui vẻ, đẹp quá, quá rét...

Động từ: tặng, cảm ơn, nhìn, bước, cười....

Cụm động từ: đã tặng, cảm ơn lòng tốt của bạn, đang nhìn , sắp bước, cười rất tươi....

Khen thưởng, động viên HS và dẫn dắt vào bài thực hành tiếng Việt cụm động từ, cụm tính từ.

**HOẠT ĐỘNG 2 : KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: - HS nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ.

- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- HS biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về cụm động từ, cụm tính từ, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**ND I. Cụm động từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận theo cặp trong bàn:**  Phiếu thảo luận theo cặp:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Cấu tạo** | **Phần phụ trước** | **TP trung tâm:** .......... | **Phần phụ sau** | | **Ví dụ** |  |  |  | | **Ý nghĩa** |  |  |  |   **Gợi ý:**  - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại khái niệm động từ là gì? Cấu tạo của cụm từ?  - Tìm cụm động từ trong những câu sau?  - Xác định động từ trung tâm ở cụm động từ đó?  Với cụm động từ vừa tìm được, tìm động từ trung tâm, em hãy tạo ba cụm động từ khác?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV nhận xét, chốt kiến thức: Trong câu *Nó không mặc áo rét* có một cụm động từ *không mặc áo rét*. Từ *mặc* là động từ trung tâm, từ *không* là phần phụ trước có ý nghĩ phủ định, từ *áo rét* là phụ sau chỉ đối tượng của hành động **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS làm việc cá nhân**  Cụm động từ là gì? Cấu tạo đầy đủ của cụm động từ gồm mấy phần? Vai trò của từng phần?  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Tìm cụm động từ trong những câu sau:**  *Ví dụ: Nó không mặc áo rét.*  cụm động từ : *không mặc áo rét*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Cấu tạo** | **Phần phụ trước** | **TP trung tâm: động từ** | **Phần phụ sau** | | **VD** | *không* | *mặc* | *áo rét* | | **Ý nghĩa** | **phủ định** |  | **đối tượng của hành động** |   3 cụm động từ khác với động từ trung tâm *“mặc*”: *đã mặc áo bông, sẽ mặc áo mới khi đi học, mặc áo mưa.*  **2. Kết luận:**  - Khái niệm: Cụm động từ là một tổ hợp từ do một động từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm động từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.  - Các từ đứng trước động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ư nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn...  - Các từ đứng sau động từ trung tâm thường bổ sung cho động từ những ư nghĩa như: đối tượng, địa điểm, thời gian... |

**ND II. Cụm tính từ**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về cụm tính từ, tác dụng của của cụm tính từ trong câu, biết sử dụng cụm tính từ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **NV1: ví dụ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS làm việc cá nhân**  **Phiếu học tập :**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Cấu**  **tạo** | **Phần phụ trước** | **TP trung tâm:** .......... | **Phần phụ sau** | | **Ví dụ** |  |  |  | | **Ý nghĩa** |  |  |  |   **Gợi ý:**  - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại khái niệm tính từ là gì? Cấu tạo của cụm từ?  - Tìm cụm tính từ trong những câu sau?  - Xác định tính từ trung tâm ở cụm tính từ đó?  Với cụm tính từ vừa tìm được, từ tính từ trung tâm, em hãy tạo ba cụm tính từ khác ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV nhận xét, chốt kiến thức: Trong câu *Trời vẫn rét quá* có một cụm tính từ *vẫn rét quá*  . Từ *rét* là tính từ trung tâm, từ *vẫn* là phần phụ trước có ý nghĩa chỉ  *rét* đang tiếp diễn , từ *quá* là phụ sau chỉ mức độn của  *rét .*  **NV 2: Khái niệm cụm tính từ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS làm việc cá nhân**  Cụm tính từ là gì? Cấu tạo đầy đủ của cụm tính từ gồm mấy phần? Vai trò của từng phần?  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1.Tìm cụm tính từ trong những câu sau:**  *Ví dụ: Trời vẫn rét quá.*  cụm tính từ: *vẫn rét quá*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Cấu**  **tạo** | **Phần phụ trước** | **TP trung tâm: Tính từ** | **Phần phụ sau** | |  | vẫn | *rét* | *quá* | | **Ý nghĩa** | Ý đang tiếp diễn |  | mức độ của *rét* |   Ba cụm tính từ khác với tính từ trung tâm “rét”: *còn rét sâu, chưa rét quá, rét như cắt da cắt thịt.*    **2. Kết luận:**  - Khái niệm: Cụm tính từ là một tổ hợp từ do một động từ trung tâm và một sô từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.  - Cấu tạo đầy đủ của một cụm tính từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần tính từ trung tâm, phần phụ sau.  - Các từ đứng trước tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: mức độ, thời gian, sự tiếp diễn...  - Các từ đứng sau tính từ trung tâm thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa như: phạm vi ,mức độ... |

**III. Thực hành –Vận dụng**

**a**. **Mục tiêu**: HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về cụm động từ, cụm tính từ, biết sử dụng cụm từ trong ngữ cảnh cụ thể.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  thảo luận theo 3 nhóm trong 05 phút:  Nhóm 1: Bài tập 1/Tr 75  Nhóm 2: Bài tập 2/Tr 75  Nhóm 3: Bài tập 3/Tr 75  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thực hành phần cụm tính từ  **Làm việc cá nhân, thực hành làm bài tập 4, tr 75 . Thi ai nhanh hơn**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **Bài tập 5,6**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV phát phiếu học tập số bài 5, 6   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | câu | Cụm tính từ | tính từ Trung tâm | Ý nghĩa tính từ được bổ sung | | a | ................. | *.........* | ............ | | b | ................. | ......... | ............ |   Bài 6   |  |  | | --- | --- | | Câu có vị ngữ là một tính từ | Câu đã được mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ | | a. Gió rét. | . ............... | | b. Tòa nhà cao. | ................... | | c.Cô ấy đẹp. | ....................... |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **Bài 7\* B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy viết một đoạn văn khoảng (5-7 câu) nói về cảm xúc của em lúc giao mùa, trong đó có dùng ít nhất một cụm tính từ hoặc một cụm động từ làm thành phần chính của câu.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **Bài tập 1 trang 75.**  Tìm một cụm động từ trong văn bản Gió lạnh đầu mùa, từ động từ trung tâm đó tạo ra ba cụm động từ khác.  Câu “Hai *cô cậu đã về kia*” có cụm động từ  *đã về kia*  Tạo ba cụm động từ có động từ *về: chưa vê, về nhà rồi, không về nữa****.***  **Bài tập 2 trang 75.** Tìm trong văn bảnGió lạnh đầu mùa hai câu văn có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ, cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó.  - Sơn *sợ hãi*, *im lặng*, *nép vào lưng chị*.  - Khi bác Hiên *bước ra cửa*, mẹ Sơn *vẫy hai con lại gần, âu yếm ôm con vào lòng*.  Tác dụng: Làm cho câu không bị lặp chủ ngữ, điễn đầy đủ hơn các hành động trạng thái của chủ thê trong câu.  **Bài tập 3 trang 75**  Tìm cụm động từ trong câu và xác định động từ trung tâm, và những ý nghĩa mà động từ được bổ sung   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Câu | Cụm động từ | Động từ Trung tâm | Ý nghĩa được bổ sung | | a | *(1)Nhìn ra ngoài sân*  *(2)thấy đất khô và trắng* | *Nhìn*  *thấy* | Hướng, địa điểm  Đối tượng, đặc điểm | | b | *(1)lật cái vỉ buồm,*  *(2) lục đống quần áo* | *lật*  *lục* | Đối tượng | | c | *Hăm hở chạy về nhà lấy áo* | *Hăm hở* | hoạt động, địa điểm |   **Bài tập 4 trang 75**  Cụm tính từ trong văn bản *Gió lạnh đầu mùa*: *khổ lắm*  Ba cụm tính từ khác: *rất khổ, khổ một chút thôi, khổ ghê cơ.*  **Bài tập 5 trang 75**  Tìm cụm tính từ trong câu và xác định tính từ trung tâm, và những ý nghĩa mà tính từ được bổ sung   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | câu | Cụm tính từ | tính từ Trung tâm | Ý nghĩa tính từ được bổ sung | | a | *trong hơn mọi hôm* | *trong* | mức độ của *trong* so với mọi hôm | | b | rất nghèo | nghèo | mức độ của nghèo |   **Bài tập 6 trang 75: Mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ:**   |  |  | | --- | --- | | Câu có vị ngữ là một tính từ | Câu đã được mở rộng vị ngữ thành cụm tính từ | | a. Gió rét. | Gió vẫn rất rét. | | b. Tòa nhà cao. | Tòa nhà cao chọc trời . | | c.Cô ấy đẹp. | Cô ấy đẹp thật đấy. |   **Bài tập 7 trang 75:**  **Yêu câu kĩ năng:** viết tích cực, vận dụng kiến thức cụm tính từ, cụm động từ. Hình thức đoạn văn (giới hạn số câu: 5-7 câu)  **Yêu cầu nội dung:** nói về cảm xúc của em lúc giao mùa (biết kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự) để cảm nhận về thiển nhiên, cảnh vật xung quanh. |

Ngày soạn: /10/2022

Ngày dạy: /10/2022

**TIẾT 38, 39: ĐỌC VĂN BẢN: CON CHÀO MÀO**

***(****Mai Văn Phấn)*

**(Sử dụng phiếu học tập số 3)**

**Phiếu học tập số**

**Câu 1:** Nêu những ý nghĩ cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”*?*

*( gợi ý: Vì sao khi ngắm bộ lông rất đẹp và lắng nghe tiếng hát du dương của con chim chào mào, nhân vật “tôi” lại vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ?*

**Câu 2:** Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và *“hối hả đuổi theo”* con chim để làm gì? Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động**

- GV Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**GV hỏi HS** chia sẻ niềm yêu thích của em dành cho một con vật nuôi, một loài cây, loài hoa, chim chóc, muông thú...Tại sao em yêu thích con vật hay loài hoa đó. HS chia sẻ, bộc lộ. GV quan sát, lắng nghe.

**Giới thiệu vào bài:** Yêu thương và chia sẻ không chỉ là t́ình cảm đẹp đẽ, cao quý giữa con người với con người mà còn là tình yêu thương, sự trân trọng, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người. Bài thơ *Con chào mào* của nhà thơ Mai Văn Phấn là cảm xúc, tình cảm của nhà thơ trước thiên nhiên tuyệt đẹp các em ạ. Các con cùng cô khám phá vẻ đẹp của bài thơ!

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS nắm được kiến thức chính về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nhà thơ Mai Văn Phấn và bài thơ *Con chào mào*.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**I. Tìm hiểu chung về văn bản**

Trước khi đọc văn bản GV hướng dẫn HS tìm hiểu đôi nét về nhà thơ Mai Văn Phấn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy giới thiệu thiệu những hiểu biết của em về nhà thơ Mai Văn Phấn? Kể tên một số bài thơ của ông?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  Năm 1974, Mai Văn Phấn nhập ngũ, đến nãm 1981 ông xuất ngũ và theo học Ngôn ngữ học và Văn hóa Nga tại trường Ðại học Ngoại ngữ Hà Nội. Năm 1983, ông tiếp tục tu nghiệp tại Trường Ðại học Sư phạm Maxim Gorky, Minsk (Thủ đô của Byelorussian SSR).  Ở Việt Nam, Mai Văn Phấn đã xuất bản 16 cuốn thơ và một cuốn sách, phê bình - tiểu luận; 25 cuốn thơ xuất bản ở nước ngoài.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  (1) GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, giọng vui, thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng sung sướng của nhà thơ  **-** HS đọc.  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK: vô tăm tích  (2) Bài thơ được viết theo thể thơ gì. Nêu bố cục của bài thơ? Có thể chia theo cách khác?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung về văn bản**  **1. Tác giả.**  Mai Văn Phấn sinh năm 1955 tại [Kim Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_S%C6%A1n), [Ninh Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh)  Ông sáng tác thơ,viết tiểu luận phê bình.  Thơ ông phong phú về đề tài, có những cách tân về nội dung và nghệ thuật, một số bài được dịch ra nhiều thứ tiếng.  Tác phấm tiêu biểu: giọt nắng, giọt xanh, cầu nguyện cuối mùa,...  **2. Văn bản**  **a. Xuất xứ:** Trích trong tập thơ : *“Bầu trời không mái che"* (2010). Bài thơ được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp.  b. Đọc, từ khó  c. Thể thơ: tự do   1. Bố cục: 3 phần   - Khổ 1: Hình ảnh con chim chào mào  - Khổ 2: Cảm xúc, ý nghĩ của nhà thơ  - Khổ 3: Niềm vui sướng của nhà thơ. |

**II. Đọc- hiểu văn bản.**

**a. Mục tiêu:**

- Bổ sung và mở rộng chủ đề bài học: Yêu thương và chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, cao quý giữa con người với con người mà còn là tình yêu thương, sự trân trọng, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

- HS tiếp tục hình thành, phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm thơ (thể loại chính được học ở bài 2)

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy đọc to, rõ ràng và diễn cảm bài thơ  - Em có thể tưởng tượng, hình dung những hình ảnh gì khi đọc ba dòng thơ đầu? (Hình ảnh gì xuất hiện? ngoài hình ảnh còn có âm thanh gì? Em hình dung ra một khung cảnh như thế nào? Câu thơ “triu… uýt… huýt… tu hìu…”gợi điều gì?  Nhận xét về nghệ thuật của 3 câu thơ đầu?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  Câu thơ “triu… uýt… huýt… tu hìu…” không chỉ đơn thuần là tiếng hót huyền diệu của con chào mào, mà là tiếng vọng của thiên nhiên trong khoảng không kỳ vĩ, bí ẩn. Sự vang vọng của câu thơ thứ ba này được phát ra từ hình ảnh “đốm trắng mũ đỏ” và “cây cao chót vót” ở trên.Tác giả đã sử dụng lối tả chân, kiệm lời, tạo một bức tranh tối giản tràn đầy âm thanh, ánh sáng. Khổ thơ đầu đã mở ra và cũng khép lại bằng bút pháp tả thực, và, nó có quyền đứng độc lập như một bài thơ ba câu mà Mai Văn Phấn hay viết.  **\* Hoạt động thảo luận nhóm**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy hoàn thiện phiếu học tập .  Chia lớp làm 4 nhóm:  Nhóm 1,2 làm câu 1  Nhóm 3,4 làm câu 2  Thời gian thảo luận: 5 phút  **Câu 1:** Nêu những ý nghĩ cảm xúc của nhân vật “tôi” khi “vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”*?*  *( gợi ý: Vì sao khi ngắm bộ lông rất đẹp và lắng nghe tiếng hát du dương của con chim chào mào, nhân vật “tôi” lại vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ?*  **Câu 2:** Nhà thơ mang “khung nắng, khung gió” và *“hối hả đuổi theo”* con chim để làm gì? Tại sao khi không còn tăm tích của con chim chào mào nhà thơ lại hình dung về những con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch ?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **GV bình giảng:** Nỗi “sợ chim bay đi” chính là nỗi lo cái đẹp biến mất, vuột mất. Đây là một câu thơ kỳ lạ. Từ vựng trong câu thơ đều mang ý nghĩa ràng buộc, giữ lại, bắt, bó hẹp… nhưng ý nghĩa câu thơ lại mở ra, trải rộng, bay bổng… Câu thơ này cho thấy, tác giả khao khát mở rộng *“chiếc lồng”* của ông thành không gian bất tận, muốn để tâm hồn mình bao trùm cả thiên nhiên rộng lớn cho con chào mào khoe sắc và cất tiếng tự do.  **Tìm hiểu khổ cuối bài thơ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Mỗi bàn là cặp đôi chia sẻ  Vì sao lúc đầu, nhân vật "tôi" "sợ chim bay đi" nhưng kết thúc bài lại khẳng định: Chẳng cần chim lại bay về/Tiếng hót ấy giờ tôi đã nghe rất rõ.  Gợi ý:- tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe rất rõ đang vang lên từ đâu? ( từ cành cây cao, hay từ trong tâm hồn?)  -Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi”? (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ) Vì sao nhân vật “tôi” có thể cảm thấy như vậy?  Dòng thơ nào được lặp lại trong bài thơ? Theo em việc lặp lại như vậy có tác dụng gì? (liên hệ với phép điệp ngữ đã học ở bài 1)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  Hai dòng thơ cuối cho thấy “*con chào mào”* đã bay đi xa, trở về với thiên nhiên rộng lớn, với thế giới tự do và hồn nhiên của nó. Tác giả viết rằng “*chẳng cần chim lại bay về*” bởi ông đã cảm thấy đủ, thấy trọn vẹn một thiên nhiên tuyệt đẹp trong cõi hồn mình. Câu thơ đa nghĩa cho thấy, nhà thơ đang tràn đầy hạnh phúc, mong cho con chào mào bay xa, bay cao hơn, nhưng cũng gợn một chút tiếc nuối dù rất nhỏ. | **II. Đọc- hiểu văn bản.**  **1. Khổ 1: Hình ảnh con chim chào mào**  - Hình ảnh chú chim chào mào với những *chiếc lông có đốm trắng*, *cái mào màu đỏ rực* đang say sưa hót líu lo trên cành cao.  - Tác giả đồng thời đặt định vị trí “Hót trên cây cao chót vót” của “nhân vật” này.  Ba câu thơ đã mở ra một khung cảnh thanh bình, có thể đó là ban mai trong suốt hoặc hoàng hôn ráng vàng, thanh tịnh. Nó mang đến cho bạn đọc cảm giác yên bình về một khoảng không thiên nhiên thanh sạch, mướt xanh. Đến câu thơ thứ ba của khổ thơ này là một bản ký xướng âm giọng chim đầy thú vị: “triu… uýt… huýt… tu hìu…”.  - Nghệ thuật: hình ảnh thơ chân thực, sống động, ngôn từ cô đọng, hàm súc (bút pháp tả thực)  **2. Khổ 2:** **Những cảm xúc, ý nghĩ của nhà thơ**  - Những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật *"tôi*" khi nhìn thấy con chim chào mào: khi *"vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ":*  Nhà thơ đã nghĩ phải nhanh chóng vẽ chiếc lồng cho con chào mào, muốn “độc chiếm”, muốn sở hữu cái đẹp của thiên nhiên.  - Khi *“hối hả đuổi theo”* nhân *vật “tôi”* mang theo cả không gian đầy nắng gió, cây xanh mong níu giữ con chim chào mào và tiếng hót.  Các hình ảnh “khung nắng, khung gió” và cả “nhành cây xanh” kia chính là chiếc lồng mà nhà thơ đã vẽ ra trong ý nghĩ . Hành động *“đuổi theo”* con chim lúc này cho thấy vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ được cất cánh, thăng hoa.  - Khi không còn thấy tăm tích con chim chào mào, nhân vật “tôi” đã hình dung ra con chim chào mào đang mổ những “con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch” của tôi – những gì mà chim thường ăn. Đó chính là một cách “chuộc lỗi” khi con người hiểu ra rằng con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên.,...  Từ đó, nhà thơ bộc lộ tình yêu thiên nhiên thực sự và trọn vẹn của mình.  **3. Khổ 3: Niềm vui sướng trọn vẹn của nhà thơ**  - Hai câu thơ kết khẳng định sự thay đổi trong ý nghĩ, cảm xúc, trong tình yêu thiên nhiên của nhà thơ. Chẳng cần con chào mào bay về nữa, tiếng hót du dương của nó vẫn vang vọng trong tâm hồn ông. Bởi vì nhân vật “tôi” biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và tình yêu chứ không phải bằng mong muốn “độc chiếm”, ích kỉ, hẹp hòi. Tình yêu khiến cho tâm hồn người ta rộng mở, phong phú, tràn đầy niềm vui và sức sống...  - Dòng thơ  “triu… uýt… huýt… tu hìu…” được lặp lại 2 lần trong bài thơ. Tác giả đã cho những thanh âm của thiên nhiên điệp khúc, vang lên lần nữa ở cuối bài thơ. Chuỗi âm thanh được nhắc lại trọn vẹn như từng cất lên lần đầu, nhưng bạn đọc lại cảm nhận *“con chào mào*” đã đi qua một hành trình, từ đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lảnh lót, chói gắt đến phối bè, vang vọng. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** - HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ *Con chào mào.*

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  - Nếu ý nghĩa của truyện?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, có những câu thơ lặp lại hoàn toàn gợi âm thanh thiên nhiên với nhiều âm vực ngân vang  - Hình ảnh thơ chân thực, giàu sức gợi.  - Cấu tứ bài thơ lạ, kết thúc mở tạo nhiều dư âm trong lòng người đọc  **2. Nội dung**  - Bức tranh thiên nhiên trong sáng, khoáng đạt, thanh bình qua vẻ đẹp của con chim chào mào và tiếng chim trong trẻo.  - Tình yêu thiên nhiên của tác giả được thể hiện qua thái độ tôn trọng, qua cách ứng xử của con người với thiên nhiên. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS tham gia trò chơi: Ai trả lời nhanh hơn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đọc từng câu hỏi cho 2 dãy. Dãy này không trả lời được hoặc trả lời chưa đúng thì chuyển sang dãy kia. Bên nào trả lời đúng và nhanh thì sẽ thắng.

**Đọc bài thơ Con chào mào và trả lời câu hỏi sau:**

**Câu 1.**Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ ?

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính của bài thơ ?

**Câu 3.** Hãy liệt kê hình ảnh miêu tả con chim chào mào ở ba câu thơ đầu?

**Câu 4.** Em hiểu ý hai dòng thơ "Chẳng cần chim lại bay về/ Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ" như thế nào?

**Câu 5**.Qua bài thơ, em rút ra thông điệp gì ?

Đáp án : **Câu 1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ: nhân vật “tôi”- chính là tác giả.

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm

**Câu 3.** Hình ảnh miêu tả con chim chào mào ở ba câu thơ đầu:

Hình ảnh chú chim chào mào với những *chiếc lông có đốm trắng*, *cái mào màu đỏ rực* đang say sưa hót líu lo trên cành cao.

**Câu 4.**Hai câu thơ kết khẳng định sự thay đổi trong ý nghĩ, cảm xúc, trong tình yêu thiên nhiên của nhà thơ. Chẳng cần con chào mào bay về nữa, tiếng hót du dương của nó vẫn vang vọng trong tâm hồn ông. Bởi v́ nhân vật “tôi” biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và t́nh yêu chứ không phải bằng mong muốn “độc chiếm”, ích kỉ, hẹp hòi. Tình yêu khiến cho tâm hồn người ta rộng mở, phong phú, tràn đầy niềm vui và sức sống...

**Câu 5.**Những thông điệp HS có thể rút ra sau khi học văn bản Con chào mào:

-Tình yêu thiên nhiên không phải bằng những mong muốn ích kỉ, hẹp hòi, mà thể hiện bằng thái độ tôn trọng thiên nhiên.

-Tình yêu khiến tâm hồn người ta trở nên rộng mở, phong phú và tràn đầy niềm vui.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Câu 1.**Nêu cảm nghĩ của anh/chị sau khi đọc văn bản trên ? ( Bằng một đoạn văn ngắn 5 -9 dòng )  **- Câu 2.** HS đọc diễn cảm, hoặc ngâm thơ bài Con chào mào.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **Câu 1.** Đoạn văn ngắn.  Bài thơ *Con chào mào* của Mai Văn Phấn là một bài thơ hay, đề cập đến tình yêu thương của con người đối với thiên nhiên. Từ âm thanh vang vọng du dương của con chim chào mào giữa đất trời rộng lớn, từ vẻ đẹp rực rỡ của chú chào mào, nhà thơ từ ước muốn sở hữu, “độc chiếm”trở thành niềm vui hòa nhập lòng mình mình vào cái vô hạn của thiên nhiên. Bài thơ dạy cho ta cách đối xử với thiên nhiên. Chỉ cần có tình yêu chúng ta sẽ sống tràn đầy niềm vui, sẽ có tâm hồn phong phú rộng mở.  **Câu 2.** - HS thể hiện |

Ngày soạn: /10/2022

Ngày dạy: /10/2022

**TIẾT 40: VIẾT: Viết bài văn kể về một trải nghiệm của em**

**a. Mục tiêu:** - HS viết được bài văn kể về một trải nghiệm của bản thân, dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

-HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng viết bài văn tự sự ( tiếp nối ở bài 1).

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**-** GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm mà các em đã viết ở bài 1.

- GV dẫn dắt: Cuộc sống có những trải nghiệm đem lại cho em niềm vui, niềm tự hào, sung sướng, hạnh phúc, nhưng cũng có những trải nghiệm đem lại nỗi buồn, sự sợ hãi, nuối tiếc...Song dù thế nào thì sau mỗi trải nghiệm đó, chúng ta tự rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Hôm nay, trong tiết học này chúng ta tiếp tục rèn kĩ năng viết bài văn về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân nhưng với kĩ năng cao hơn. Tiết học này giúp các em củng cố và phát triển kĩ năng viết bài văn kể về một rải nghiệm đáng nhớ với yêu cầu cao hơn.

\* **HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Trong bài số 1, các em đã rèn kĩ năng viết bài văn kể về một trải nghiệm. Vậy theo em, một bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ theo ngôi thứ nhất cần có những yêu cầu gì?  + Yêu cầu mới cũng là yêu cầu cao hơn cho bài văn kể về một trải nghiệm ở tiết học này là gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **So với bài 1, kể về một trải nghiệm ở bài 3 cần đạt được yêu cầu** sắp xếp các sự việc, chi tiết theo một trình tự hợp lí, sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện, thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể, rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. | **1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm**  - Được kể từ ngôi thứ nhất  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo một trình tự hợp lí.  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện,  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể, rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. |

**\* HOẠT ĐỘNG 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý týởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đây là câu chuyện kể về một kỉ niệm buồn, một hiểu lầm trong tình bạn. Bài viết có cả bài học mà người viết rút ra từ câu chuyện đó.  GV yêu cầu 1 đến 2 HS đọc nối tiếp văn bản tham khảo.  GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu thể hiện của bài viết kể về một lần trải nghiệm.  -Vì sao em biết câu chuyện này được kể ở ngôi thứ nhất?  - Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện?  - Bài viết kể về trải nghiệm gì? Hãy tóm tắt câu chuyện.  - Từ ngữ nào trong bài văn cho thấy câu chuyện được kể theo **theo trình tự thời gian và quan hệ nhân quả?**  - Những c**hi tiết nào miêu tả cụ thể trong không gian và thời gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện?**  **-Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người kể trước sự việc được kể?**  **-Dòng nào, đoạn nào chỉ ra lí do trải nghiệm đó có ý nghĩa với người viết, giúp người viết thay đổi thái độ, và hành động?**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **2. Phân tích bài tham khảo: Câu chuyện buồn của tôi.**  **\* Bước 1: Đọc văn bản Trải nghiệm buồn của tôi**  - Đọc lại tác phẩm truyện cần kể lại.  - Xem xét các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ biểu cảm có thể thêm vào (trong đó có cách kết thúc truyện).  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu cụ thể:**  **- Ngôi kể: thứ nhất vì người kể chuyện xưng “tôi”: *Tôi có nhiều trải nghiệm...Nhưng tôi vẫn muốn kể lại*...**  **- Mở bài: Giới thiệu được một trải nghiệm buồn, có ý nghĩa với người viết**  **- Sự việc chính: trải nghiệm buồn: gồm chuỗi sự việc.**  **Sự việc 1: Bản tổng hợp đầu năm học mà “tôi” đã chẩn bị công phu lại bị ai đó vẽ nghuệch ngoạc vào.**  **Sự việc 2: “Tôi” nghĩ chắc chắn là thủ phạm là Duy nhưng Duy khọc, không nhận lỗi.**  **Sự việc 3: Tuấn đã đứng lên nhận lỗi trước cô giáo và cả lớp.**  **Sự việc 4: “Tôi” xấu hổ và ân hận về lỗi lầm của mình.**  **- Trình tự sắp xếp sự việc: theo trình tự thời gian và quan hệ nhân quả:**  **+ Trình tự thời gian: Sáng thứ Hai, đúng lúc đấy, lúc quay ra, khi cô chủ nhiệm vào lớp...**  **+ Quan hệ nhân quả: Thoáng nhìn thấy Duy nghĩ là Duy đã vẽ, hiểu Duy ân hận.**  **- Chi tiết miêu tả cụ thể trong không gian và thời gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện: *Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngơ ngác như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi nóng rực lên vì xấu hổ...***  **- Từ ngữ thể hiện cảm xúc của người kể trước sự việc: *xấu hổ, ân hận, buồn, sợ hãi...***  **- Ý nghĩa của trải nghiệm giúp người viết thay đổi thái độ và hành động: *tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời tự nhắc nhở bản thân...*** |

**Nội dung 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS thực hiện bước viết của mình

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình theo gợi ý ở bài 1 Tôi và các bạn; ngoài ra có thể liệt kê những sự việc quan trọng đã xảy ra với mình theo trình tự thời gian ( Lúc học tiểu học, lúc chia tay ngôi nhà cũ, lúc vào lớp học mới...).  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài văn của mình theo nhiều cách:hình dung, tưởng tượng, sử dụng kỉ vật, phỏng vấn...  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Viết bài: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.**  **Bước 1: Chọn lựa đề tài**  **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  **-** Đó là chuyện gì? Xảy ra ở đâu ? khi nào?  - Những ai đã tham gia vào câu chuyện? Họ như thế nào? Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì?  - Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? theo thứ tự như thế nào?  (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)  - Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại?  - Qua câu chuyện em rút ra bài học gì? Nó có ý nghĩa với em như thế nào?  **b. Lập dàn ý** bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:  **- Mở bài:** Giới thiệu câu chuyện  **- Thân bài:** Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình nhất định (tự thời gian, không gian...)  **- Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.  **\*Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình. |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  yêu cầu HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng) | **\* Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.**  **\* Kiểm tra lần thứ 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | **Mở bài** | - Giới thiệu được trải nghiệm |  | | **Thân bài** | -Từ ngữ xưng hô đã nhất quán |  | | - Tập trung vào sự việc xảy ra ( lược bớt thông tin thừa, hoặc thêm những thông tin cần) |  | | - Trình bày các sự việc xảy ra theo trình tự hợp lí chưa. Bổ sung từ ngữ liên kết. |  | | - Các chi tiết miêu không gian, nhân vật.. |  | | - Thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  | | **Kết bài** | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể. |  |   **\* Kiểm tra lần thứ 2 - điều chỉnh bài viết.**  - Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.  - Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có). |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **\* Bước 5: Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm** |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI CHO BẠN**

**Họ tên người chỉnh sửa:** ..............................

**Họ tên tác giả bài viết:** ..............................

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng**

**cách trả lời các câu hỏi sau:**

1.Bài viết đã giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ chưa? ………………………….

2.Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa?(Nếu chưa,

hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).: ………………………………………….

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?: ……………………………….

4.Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ

sung.): ………………………………………………………………………………

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu

hay đoạn cần lược bỏ.): .........................................................................................

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ

các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.): ……………………………….

***Ngày tháng năm 2022***

***Kí duyệt***

Ngày soạn: /11/2022

Ngày dạy: /11/2022

**TIẾT 41: NÓI VÀ NGHE KỂ: VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN**

**a**. **Mục tiêu**: HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân (tiếp nối bài 1 Tôi và các bạn).

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động chuẩn bị bài nói, trao đổi bài nói, trình bày bài nói.

**c. Sản phẩm:** Nội dung bài nói, phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

**d. Tổ chức thực hiện: KĨ NĂNG: NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**\* Khởi động**

**a. Mục tiêu:** tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS nghe một giọng kể chuyện trích you tobe .

**c. Sản phẩm:** Nhận xét của HS về giọng kể, cách sử dụng ngôn ngữ của người kể

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV cho HS nghe một đoạn video (có tiếng và hình) kể một câu chuyện ?

- GV giao nhiệm vụ: Em có nhận xét gì về giọng kể, ngôi kể?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- Vào bài (kĩ năng nói và nghe).

\* **Nói và nghe**

**1. Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói (trình bày).  Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.  Bước 3: Luyện tập và trình bày.  Bước 4:Trao đổi, đánh giá.  \* Bảng tự kiểm tra bài nói.   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | - Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra. |  | | - Các sự việc được kể theo trình tự thời gian. |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. |  | | - Người kể sử dụng các yếu tố miêu tả không gian, thời gian, nhân vật.. đã xuất hiện trong câu chuyện |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của câu chuyện được kể. |  | |

**2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gọi một số -HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **2. Trình bày bài nói** |

**3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung:** HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gọi một số -HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **2. Đánh giá bài nói** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | | |
| **NHÓM............................** | | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt (0 điểm) | Đạt (1 điểm) | Tốt (2 điểm) |
|  |  |  |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể | Có chuyện đểkể nhưng chưa hay | Câu chuyện hay và ấn tượng |
| 2. Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | | |

Ngày soạn: 11/2022

Ngày dạy: /11/2022

**TIẾT 42: ĐỌC MỞ RỘNG**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS quan sát tranh, nêu tên văn bản

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV cho HS quan sát tranh, nêu tên VB tương ứng

+ Các em yêu thích VB nào? Vì sao ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;

- GV nhận xét, đánh giá.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1. *Tôi và các bạn*, bài 2. *Gõ cửa Trái tim*, bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu: Mỗi HS chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc và lưu ý một số vấn đề .  - GV gợi ý:  + Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;  + Người kể chuyện trong VB là ai?  + Cốt truyện? (Nêu các sự kiện chính trong câu chuyện)  + Nhân vật (Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai?)  + Đối với VB truyện: Tìm lời người kể chuyện và lời nhân vật (Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật)  + Đối với VB thơ: tìm và nêu cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  + Cho HS xem vi deo truyện đọc, thơ và HS chia sẻ về một số nội dung trên  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao  **B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau  **B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | **1. Văn bản truyện**  - Ngôi kể: Thứ I, III  - Cốt truyện: (Sự kiện chính trong câu chuyện)  - Nhân vật: gồm  + Nhân vật chính:  + Nhân vật phụ:  +Phân biệt lời người kể chuyện với lời của nhân vật.  **2. Văn bản thơ**  - Thể thơ  - Từ ngữ  - Nhân vật trữ tình  - Hình ảnh  - Các biện pháp tu từ...  **3. Chia sẻ**  - Trao đổi về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học.  + Truyện : đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung.  + Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS chia sẻ về những điều thú vị trong những tác phẩm truyện, thơ đã học.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ. HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

+Tìm một số tục ngữ, ca dao nói về lòng nhân ái, khoan dung, tình cảm gia đình.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện theo nhiệm vụ được giao

**B3. Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi , nhận xét nhau

**B4. Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức.

**BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

**Ngày soạn: 7/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**Tiết 44: -GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**- VĂN BẢN 1: CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC.**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ÐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo tình huống/ vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung hoạt động:**

- Quan sát các bức tranh, ảnh về quê hương và nêu cảm nhận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Quan sát các bức tranh, ảnh và trả lời: 4 bức tranh, ảnh này giống nhau ở điểm gì? Nêu cảm nhận của bản thân.





 ***Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Đến với bài học hôm nay, chúng ta cùng thả hồn theo những vần thơ lục bát viết về quê hương để cùng lắng nghe và suy ngẫm.***

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**Tìm hiểu chung về thơ lục bát**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ (**HS nắm được những nét cơ bản về thơ lục bát).

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thơ lục bát: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu…

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về thơ lục bát.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***:  HS tự đọc phần giới thiệu bài học.  - Trình bày cách hiểu của em về phần bài học số 4: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là nội dung nào?  ***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận theo bàn. Trình bày trong nhóm bàn, rồi đứng lên trình bày trước lớp  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **GV:** chủ đề quê hương đất nước có thể được thể hiện trong nhều thể loại văn học khác nhau, từ truyện ngắn, tiểu thuyết đến kịch và đặc biệt được thể hiện qua những câu lục bát thiết tha sinh động, qua những vần thơ trữ tình hiện đại viết theo thể lục bát.  ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***  - Yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 89.  Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu HS tự chọn một vài bài thơ lục bát đã học hoặc đã đọc để chia sẻ kinh nghiệm.  - Khi đọc một bài thơ lục bát, em quan tâm đến điều gì nhất? ( gợi ý về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, thanh điệu, ngắt nhịp,...)  - Em biết gì về dạng thơ lục bát biến thể, hãy chia sẻ?  ***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ***  HS đọc thơ, trao đổi để nhận biết những yếu tố cơ bản của bài thơ lục bát.  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  Gv có thể đọc cho HS một vài bài thơ lục bát mà ở đó có sự phá vỡ niêm luật của thể lục bát thông thường. | **I. Giới thiệu bài học** - Chủ đề bài học hướng tới: Quê hương  + Quê hương là những gì gần gũi thân thuộc, thiêng liêng nhất của mỗi chúng ta.  + Tình yêu quê hương là một trong những tình cảm ấm áp và sâu bền nhất, luôn hiện diện trong sâu thắm trái tim ta và là hành trang giúp ta khôn lớn, trưởng thành.  - Thể thơ lục bát: qua những câu ca dao dân ca, thơ trữ tình hiện đại.  **II. Tìm hiểu chung về thơ lục bát**  **1. Số tiếng:** Thơ lục bát (6-8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng 8 tiếng.  + Câu lục: 6 tiếng  + Câu bát: 8 tiếng  - Cách gieo vần:  + Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng sáu của dòng tám.  + Tiếng cuối của dòng tám vần với tiếng sáu của dòng sáu.  **2. Thanh điệu**: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng dòng tám, mặc dù các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại.  **3. Ngắt nhịp**: Nhịp chẵn.  VD:  *Trăm năm /trong cõi /người* ***ta****.*  ***B T B***  *Chữ tài chữ mệnh/ khéo* ***là*** *ghét* ***nhau****.*  ***B T B B***  *Trải qua/ một cuộc bể* ***dâu****.*  ***B T B***  *Những điều trông thấy/ mà đau đớn*  ***B T B***  *lòng*.  **B**  (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)  **\* Thơ lục bát biến thể:**  **(sgk)**  **Ví dụ:**  *Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng mênh mông bát ngát.*  *Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng bát ngát mênh mông.*  - Số tiếng, thanh điệu, nhịp điệu có sự biến đổi. |

**Văn bản 1:**

***Chùm ca dao về quê hương đất nước***

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động**

- GV Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV đặt một số câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời

1. Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể, em hãy nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?

2. Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu thơ trong bài thơ đó?

Dự kiến:

1. GV tạo không khí thoải mái, để HS bày tỏ, chia sẻ nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương của mình như: phong cảnh thiên nhiên quê hương (nhắc đến vẻ đẹp cụ thể của quê hương mình qua tên núi, sông, chợ, món ăn, con người...gắn với quê hương của mỗi em).
2. HS có thể đọc một vài câu thơ yêu thích về bài thơ viết về quê hương.

GV dẫn dắt vào bài: **Quê hương hai tiếng thiêng liêng, cất lên trong sâu thẳm trái tim mỗi con người. Tình yêu quê hương là một mạch nguồn vô tận, chảy lặng lẽ trong suối nguồi tâm hồn chúng ta. Viết về quê hương, ca dao dùng những khúc hát chan chứa tình yêu, sâu lắng cảm xúc để ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người. Hôm nay, cô và các con sẽ khám phám chùm ca dao về tình yêu quê hương đất nước các con nhé!**

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**KĨ NĂNG: ĐỌC**

**Nội dung 1: Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài.

- HS nhận biết được đôi nét về ca dao.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**I. Đọc- tìm hiểu chung**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *NV 1: Tác giả*  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  *- GV* hướng dẫn HS cách đọc: cân đọc to, rõ ràng, chú ý giọng đọc phù hợp với nội dung của từng bài.  GV đọc mẫu, sau đó gọi một số HS đọc.  Yêu cầu HS theo dõi phần chú thích cuối trang, giải nghĩa một số từ khó  Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? Ở mỗi bài, địa danh được nhắc đến là ở đâu, em hãy giải nghĩa cụ thể địa danh đó?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS lắng nghe, theo phần đọc của cô và bạn.  HS thực hiện việc đọc VB (nếu được yêu cầu)  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  GV gọi HS nhận xét phần đọc của bạn.  -GV nhận xét chú ý kĩ năng đọc.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-Hình thức cặp đôi chia sẻ.**  **-Nhiệm vụ:**  Đọc các bài ca dao 1,2 và cho biết và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố các tiếng trong mỗi dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?  Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2?  So hai bài ca dao đầu, bài ca dao số 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, phối hợp thanh điệu.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS trình bày xuất xứ VB, đặc điểm về thể thơ lục bát. So sánh lục bát thường với lục bát biến thể.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Đọc văn bản**  **a. Đọc**  **b. Giải nghĩa từ**  **-** Bài 1: Đại danh ở kinh thành Thăng Long (Hà Nội): Thọ Xương, Yên Thái, chùa Trấn Võ  - Bài 2: Địa danh ở Lạng Sơn: xứ Lạng, sông Tam Cờ  - Bài 3: Địa danh ở Huế: chợ Đông Ba, Đập Đá, làng Vĩ Dạ, ngã ba Sình  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ: Ca dao**  + Là thơ trữ tình dân gian.  + Nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân.  + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, gắn liền với lời ăn tiếng nói của nhân dân lao động  **b. Thể loại:**  **\* Bài 1,2: lục bát**  - Bài ca dao 1:  + Cách gieo vần: tiếng "canh gà" vần với tiếng "la đà"; tiếng "ngàn sương" vần với tiếng "mặt gương".  + Thanh điệu: tiếng "đà", "Xương", "sương", "Hồ" là thanh bằng; tiếng "trúc", "Võ", "tỏa", "Thái" là thanh trắc.  + Nhịp thơ: 2/2/2  - Bài ca dao 2:  + Cách gieo vần: tiếng "bao xa" vần với tiếng "ba quãng đồng"; tiếng "mà trông" vần với "kìa sông".  + Nhịp thơ: 4/4.  + Thanh điệu: tiếng "xa", "đồng","trông", Cờ" là thanh bằng; tiếng "Lạng", "núi", "lại" là thanh trắc.  **\* Bài ca dao 3: Lục bát biến thể**  + Số tiếng trong mỗi dòng: Bài thơ có tất cả 4 dòng. Số tiếng trong mỗi dòng lần lượt là: 8/8/6/8.  + Cách gieo vần: tiếng "Ba" vần với tiếng "Đá"; tiếng "Dạ" vần với tiếng "ba".  + Cách phối hợp thanh điệu: Tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám: "qua", "Sình", "chênh". "tình" là thanh bằng; tiếng "Dạ", "ngả", "vọng" là thanh trắc, tuy nhiên tiếng "Ba" lại là thanh ngang.  **c. Chủ đề:**  - Tình yêu quê hương đất nước |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT**

- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài ca dao 1**  ***\* Bước 1: Giao nhiệm vụ cho HS***  ***- GV hướng dẫn cách đọc***: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  ***- HS đọc.***  ***- Nhận xét cách đọc của HS.***  ***- GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS thảo luận nhóm để khám phá nét đặc sắc của bài ca dao 1***  ***GV cho HS quan sát một số bức tranh cảnh Hồ Tây* (GV mở cho HS quan sát trực tiếp).**  **Sau đó giao nhiệm vụ:**  + Vẻ đẹp của kinh thành Thăng Longđược gợi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào? Chỉ ra nét đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ?  + Em hãy viết ra những vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của con người mà em tưởng tượng được về kinh thành Thăng Long?  ( Gợi ý: + Cụm từ “cành trúc la đà” gợi lên điều gì?  + Bức tranh không chỉ đẹp ở hình ảnh cụ thể mà còn gợi tả bằng những âm thanh gì? Em hình dung tưởng tượng ra vẻ đẹp nào ở Thăng Long?  + Cụm từ “mặt gương Tây Hồ”, tác giả đã sử dụng phép tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của phép tu từ đó?)  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  HS thảo luận, đưa ra nhận xét, cảm nhận về bài ca dao.  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  HS trình bày trước nhóm. HS khác nghe, nhận xét.  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  GV có thể mở rộng cho HS đọc một số câu ca dao viết về Thăng Long Hà Nội mà các em sưu tầm trước tiết học.  **Bài ca dao 2**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu 1 HS đọc bài ca dao số 2.  Dựa vào các từ ngữ chỉ địa danh, em hãy cho biết bài ca dao này nhắc về mảnh đất nào?  Dựa vào lời thơ, em có thể chia bài ca dao thành mấy ý? Nêu nội dung của từng ý?  - Hai chữ *“ai ơi”trong bài ca dao để làm gì? Điều đó cho thấy bài ca dao hướng đến ai, để nhắc nhở điều gì?*  - Tác giả chỉ dẫn con đường đến với xứ Lạng thế nào? Đó là con đường gần hay xa?  Vẻ đẹp được tác giả khắc họa về nơi đây là ở vẻ đẹp gì?  Nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao, tục ngữ có sử dụng từ ai hoặc có lời nhắn ai ơi.  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc . Suy nghĩ, trao đổi với các bạn trong bàn.  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  GV yêu cầu HS trả lời, khám phá vẻ đẹp của bài ca dao thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh cụ thể.  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  GV mở rộng liên hệ đến những bài ca dao có cách diễn đạt tương tự:  - Ai ơi đứng lại mà trông  Kìa vạc nấu dó, kìa sông đãi bìa  Kìa giấy Yên Thái như kia  Giếng sâu chín trượng nước thì trong xanh.  - Ai ơi bưng bát cơm đầy/ Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.  - Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang/ Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.  - Ai ơi giữ chí cho bền/ Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.  **Bài ca dao 3**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu 1 HS đọc bài ca dao số 2.  GV chiếu 1 số hình ảnh về cảnh sắc Huế (đặc biệt là sông Hương) cho HS giới thiệu hiểu biết về mảnh đất Huế.  Thảo luận nhóm (phiếu học tập số 1).  Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây.  Em hãy nhận xét về cách sử thể lục bát trong bài ca dao thứ 3? Tác dụng của cách dùng lục bát biến thể như thế nào? Cảm xúc, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài ca là gì?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc . Suy nghĩ, trao đổi với các bạn trong bàn.  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  GV yêu cầu HS trả lời, khám phá vẻ đẹp của bài ca dao thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh cụ thể.  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  + Chợ Đông Ba, nằm cạnh dòng sông Hương;  + Đập Đá con đập nổi tiếng chảy ngang qua một nhánh của sông Hương;  + Vĩ Dạ là một ngôi làng bên bờ sông Hương, phong cảnh thơ mộng, hữu tình;  + Ngã Ba Sình nơi giao giữa sông Hương với sông Bồ. | **II. Đọc, hiểu văn bản**  **1. Bài ca dao 1**  **\* Bức tranh thiên nhiên thơ mộng, yên bình**  + Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”* *“mịt mù khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ “Mặt gương Tây Hồ”*  *Nghệ thuật: chọn lựa hình ảnh, âm thanh*  *Từ láy “la đà”, “mịt mù”; hình ảnh ẩn dụ “mặt gương Tây Hồ”.* **Tác giả vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu vào buổi sáng sớm nơi kinh thành Thăng Long. Không gian buổi sáng sớm tinh mơ, cả kinh thành ẩn hiện trong màn sương mơ màng**.  + Nổi bật là cành trúc nhẹ nhàng, đung đưa, lay động theo làn gió nhẹ.  + Âm thanh: Xa xa văng vẳng tiếng chuông Trấn Vũ, tiếng gà tàn canh Thọ Xương vọng tới . Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy. Âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu.  **\* Cuộc sống lao động của nhân dân bắt đầu** *“nhịp chày Yên Thái”*ngân vang dồn dập, khẩn trương. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ của kinh đô.  + Vẻ đẹp nên thơ, huyền ảo của Hồ Tây qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”*  **Nhận xét:** Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình  **\* Cảm xúc của tác giả:** Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước:  **2. Bài ca dao 2:**  **\* Hai câu đầu:**  **Giới thiệu con đường lên xứ Lạng:** “bao xa*” “một trái núi”, “ba quãng đồng”* trữ tình cách dùng câu hỏi, và những cách tính độ dài đường đi cụ thể, vừa mộc mạc, dân dã đo đường *bằng cánh đồng, trái núi*. Qua đó, tác giả muốn thiết tha mời gọi mọi người đến với xứ Lạng, đó là con đường gần gũi, thơ mộng, không có gì cách trở.  **\* Hai câu sau: Lời mời gọi đến với xứ Lạng:**  - Lời mời gọi thiết tha:  **+** Hai chữ*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời, hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.  + Cụm từ*“đứng lại mà trông”* lời đề nghị tha thiết, ông cha ta muốn nhắc nhở về sự ghi nhớ cội nguồn, là tình yêu bao la đối với quê hương đất nước.  **- Vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng:**  +Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn.  + *“Kìa”* hai lần lặp lại trong một câu thơ, tạo ta phép điệp từ, mở ra liên tiếp khung cảnh kì vĩ của thiên nhiên xứ Lạng, đồng thời diễn tả niềm tự hào, ngỡ ngàng trước bức tranh thiên nhiên khoáng đạt, mênh mông của mảnh đất Lạng Sơn.  **Nhận xét:** Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mêng mông của xứ Lạng.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng   1. **Bài ca dao 3: Bức tranh tuyệt đẹp về Huế:**   **\*** Hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế: - Các địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương được liệt kê: chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sình gợi đến những chuyến đò xuôi ngược.  - Hình ảnh:  + Những chuyến đò nối liền các địa danh nổi tiếng mở ra một miền sông nước mênh mông, thơ mộng, trữ tình của Huế.  + Hình ảnh ánh trăng *“Lờ đờ”* từ láy đặt đầu câu thơ *“Lờ đờ bóng ngả trăng chênh”,* khắc họa bức tranh sông Hương trong không gian chìm ánh trăng thơ mộng, huyền ảo. Thiên nhiên hòa nhịp với cuộc sống của người dân lao động,  + Âm thanh tiếng hò trên sông: *“Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non”*. Đó là những làn điệu dân ca Huế tha thiết, ngọt ngào, vang vọng, lan tỏa trên mênh mang sông nước; tiếng hò chan chứa tình yêu đất nước.  **Nhận xét:** Với hình thức lục bát biến thể, bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, trầm mặc, với sông nước mênh mang, với điệu hò thiết tha lay động lòng người.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế |

**Nội dung 2: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của chùm ca dao về tình yêu quê hương đất nước.

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời:  + Nêu những đặc sắc nghệ thuật của những bài ca dao mà em được học trong VB?  + Nội dung, ý nghĩa chung của những bài ca dao ấy?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho bạn bạn.    **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Nhận xét kết quả hoạt động của HS và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động của HS.  - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần viết ngắn | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi  - Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.  **2. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.  - Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.  - Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu: Đ4, N1** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

Dự kiến sản phẩm:

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy hoàn thiện phiếu học tập sau:**

**(Phiếu học tập số 2)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |

**\*Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Tác dụng** |
| **1** | + Hình ảnh *“cành trúc la đà”, “khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ Ẩn dụ:“Mặt gương Tây Hồ”* | Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. Tình yêu, niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của Thăng Long. |
| **2** | + cách dùng câu hỏi, và những  cách tính độ dài đường đi cụ  thể, vừa mộc mạc *“ bao xa”,*  *“một trái núi, ba quãng đồng”*  +*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời  +: *“Núi thành Lạng”, “sông*  *Tam Cờ”* vẻ đẹp của cảnh sắc  núi sông*.*  *+“Kìa”* điệp từ | -Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, nên  thơ của xứ Lạng.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian |
| **3** | + Các địa danh liệt kê: chợ  Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ,  Ngã Ba Sình.  + Từ láy *“lờ đờ”*  + Âm thanh *“tiếng hò xa vọng”* | - Vẻ đẹp của xứ Huế mộng mơ, êm đềm, trầm mặc với sông nước mênh mang, điệu hò tha thiết lay động lòng người.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian. |

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG**

**VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế: viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Đề bài: V**iết một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nêu viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả.**  **\* Bước 4. Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Yêu cầu:**  - Nội dung : cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  - Đoạn văn: 5 - 7 câu  **Các bước tiến hành**  - Mở đoạn: giới thiệu về danh lam thắng cảnh nào em sẽ chọn: tên, địa điểm, giới thiệu vẻ đẹp khái quát nhất.  - Thân đoạn: Ấn tượng cảm xúc về danh lam thắng cảnh ấy là gì: về địa hình, cảnh sắc thiên nhiên, con người, nét đẹp văn hóa....như thế nào (yêu mến, tự hào, khao khát tìm hiểu, muốn quảng bá rộng rãi để mọi người biết ...)  - Kết đoạn: khẳng định vẻ đẹp của danh lam đó, ý thức muốn bảo về, giữ gìn danh lam. |

**Ngày soạn:14/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**Tiết 45: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

- HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

**2. Nội dung hoạt động:** HS suy nghĩ để nhận biết về các loại từ chia theo cấu tạo, nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ so sánh. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về hiện tượng đồng âm và hiện tượng từ đa nghĩa của tiếng Việt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đưa ra các ví dụ: Chia 2 dãy bàn, mỗi dãy thực hiện một nhiệm vụ

Dãy trong: câu a

Dãy ngoài: câu b

1. - Mẹ tôi ngâm ***đỗ*** (1) để nấu chè.

- Tôi sung sướng vì đã ***đỗ(***2) đầu kì thi học sinh giỏi.

b. - Bạn hãy suy nghĩ cho ***chín***(1) rồi hãy quyết định.

- Con chờ cơm ***chín***(2), rồi mới được đi chơi đấy nhé!

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trả lời câu hỏi:

Em hãy cho biết nghĩa của từ ***đỗ*** (1) và ***đỗ(***2) . Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?

Em hãy giải thích của từ ***chín*** (1) và ***chín(***2) . Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?

HS suy nghĩ, sau đó chia sẻ, trình bày:

**Câu a:**

***- đỗ*** (1) : tên một loại cây có quả dùng làm thức ăn. Có nhiều loại đỗ như đỗ xanh, đỗ đen.

- ***đỗ(***2) : là động từ dùng trong thi cử, nghĩa là bạn đã đạt được bằng hoặc trên mức điểm sàn đặt ra.

Các nghĩa của từ ***đỗ*** ở đây không liên quan với nhau, khác xa nhau.

Kết luận: Đây là từ đồng âm

**Câu b:**

**- *chín***(1) : suy nghĩ kĩ lưỡng, đủ mọi khía cạnh, có thể quyết định được.

- ***chín(***2) : (nấu cơm) cơm từ trạng thái sống chuyển sang chín, có thể ăn được.

Các nghĩa của từ ***chín*** ở đây có liên quan với nhau, gắn bó, từ một từ phát sinh ra nhiều nghĩa.

Kết luận: Đây là từ đa nghĩa

**- GV kết nối**: Như vậy, từ ví dụ a, b chúng ta nhận thấy, tiếng Việt ta có hiện tượng từ đồng âm và hiện tượng từ đa nghĩa. Vậy, làm thế nào để nhận biết và phân biệt được từ đồng âm và tư đa nghĩa. Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nhận biết, rồi phân biệt và sử dụng từ đồng âm và từ đa nghĩa nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm và từ đa nghĩa, cách dùng từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc điển hình.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Từ đồng âm**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu ví dụ a về từ đỗ là hiện tượng đồng âm cho HS quan sát kĩ.  Tương tự, em hãy cho biết nghĩa của từ ***chín***(1) và ***chín(***2) . Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi , xác định nghĩa của từ ***chín***, và tìm xem chúng có mối quan hệ về nghĩa không.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS dùng hình thức cặp đôi chia sẻ.**  Từ các ví dụ trên, em rút ra thế nào là từ đồng âm?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, chia sẻ với bạn về từ đồng âm là gì.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | 1. **Ví dụ**   a. - Mẹ tôi ngâm ***đỗ*** (1) đê nấu chè.  - Tôi sung sướng vì đã ***đỗ(***2) đầu kì thi học sinh giỏi.  Giải nghĩa từ:  ***- đỗ*** (1) : tên một loại cây có quả dùng làm thức ăn. Có nhiều loại đỗ như đỗ xanh, đỗ đen.  - ***đỗ(***2) : là động từ dùng trong thi cử, nghĩa là bạn đã đạt được bằng hoặc trên mức điểm sàn đặt ra.  Các nghĩa của từ ***đỗ*** ở đây không liên quan với nhau, khác xa nhau.  b. Một nghề cho ***chín***(1) còn hơn ***chín(***2) nghề.  Giải nghĩa từ:  ***- chín***(1): chỉ tính chất ( giỏi, hoặc thành thạo)  - ***chín(***2) : chỉ số lượng (1,2,3,4...9)  Các hiện tượng trên gọi là hiện tượng từ đồng âm.  **2. Kết luận:**  **Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.** |

**II. Từ đa nghĩa**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV cho HS làm việc cá nhân**  **GV chiếu ví dụ. HS đọc, theo dõi, chú ý từ in đậm.**  Em hãy giải thích nghĩa của từ ***ăn*** ở hai câu trên? Hai nghĩa của từ ***ăn*** trong câu trên có liên quan đến nhau không?  Căn cứ vào đâu mà người đọc có thể nhận biết được nghĩa của từ**?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS rút ra khái niệm từ đa nghĩa:**  **Khác với từ đồng âm, từ đa nghĩa là gì?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá giúp HS phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa.  Từ đồng âm: bản chất là những từ khác nhau, có vỏ âm thanh giống nhau, do đó nghĩa của chúng khác xa nhau, chẳng có mối liên hệ nào.  Từ đa nghĩa: bản chất là một từ, có nhiều nghĩa, các nghĩa có mối liên quan, nghĩa chuyển bao giờ cũng sinh ra trên cơ sở nghĩa gốc. | **1. Ví dụ**:  (1) Tôi ***ăn*** cơm.  (2) Xe này ***ăn*** xăng nhiều.  Giải nghĩa từ:  - Từ ***ăn*** trong câu (1) nghĩa là “tự cho vào cơ thể thức nuôi sống”.  - Từ ***ăn*** trong câu (2) có nghĩa là “tiếp nhận cái cần thiết cho hoạt động”.  Nhận xét:  Hai nghĩa này có liên quan đến nhau. Ở đây có một từ ***ăn*** được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp từ đa nghĩa với những từ khác trong câu, người đọc (người nghe) mới có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng.  **2. Kết luận:**  **Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đồng âm và từ đa nghĩa

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài 1**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thi ai nhanh hơn, thời gian 5 phút**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tấp số 1  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1:  Trong ba trường hợp sau ta có một từ ***bóng*** đa nghĩa hay có các từ bóng đồng âm với nhau? Giải thích nghĩa của từ đó trong từng trường hợp.  GV phát cho HS mỗi em 2 tấm thẻ.  tấm màu đỏ, tấm màu xanh:  Nếu em nào chọn một từ bóng đa nghĩa thì chọn thẻ đỏ.  Nếu em nào chọn các từ bóng đồng âm với nhau thì chọn thẻ xanh.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **HS suy nghĩ, đưa ra lựa chọn cho mình**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  GV ra hiệu lệnh lựa chọn. HS giơ thẻ theo quy ước.  Sau đó cho HS giải nghĩa từ ***bóng*** ở 3 câu a,b,c  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:Thảo luận nhóm: chia lớp thành 4 nhóm. Thời gian 7 phút.**  **Nhóm 1: làm bài 2**  **Nhóm 2: làm bài 3**  **Nhóm 3: làm bài 4**  **Nhóm 4: làm bài 5**  **Bài 2:**  Phân biệt nghĩa của từ in đậm trong các câu sau. Theo em, đó có phải là từ đồng âm hay không. Vì sao?  a. - Đường lên xứ Lạng bao xa.      - Những cây mía óng ả này chính là những nguyên liệu để làm đường.  b. - Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát.      - Tôi mua bút này với giá hai mươi nghìn đồng.  Bài 3: Nghĩa của từ trái trong những trường hợp sau đây có liên quan gì với nhau không? Vì sao?  Bài 4: Xác định từ đồng âm và từ đa nghĩa trong các câu  a.*Con cò có cái* ***cổ*** *cao.*  b. **Cổ** tay em trắng như ngà  Con mắt em liếc như là dao cau.  c. Phố **cổ** tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội.  Bài 5: Hãy giải thích nghĩa của từ nặng trong câu ca dao: Tiếng hò xa vọng, **nặng** tình nước non.  Tìm thêm một số từ ngữ có từ nặng được dùng với nghĩa khác  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thực hiện bài của nhóm mình, thảo luận, thống nhất phương án trả lời.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả. Nhóm khác cử đại diện nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **IV. Luyện tập**   |  | | --- | | **Bài 1 SGK trang 92** | | 1. Giải thích các từ "bóng" trong ba câu được cho:  a. *Lờ đờ* ***bóng*** *ngả trăng chênh* : ***bóng*** là “hình ảnh của vật do phản chiếu mà có”.  b. ***Bóng*** *đã lăn ra khỏi đường biên dọc:* ***bóng*** là “quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nẩy, dùng làm đồ chơi thể thao”.  c. *Mặt bàn được đánh véc - ni thật* ***bóng: bóng*** là “nhẫn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương”.  Kết luận: Đây là hiện tượng các từ ***bóng*** có âm thanh khác nhau, không có liên quan gì với nhau. Hiện tượng **từ đồng âm.** | | **Bài 2 SGK trang 92**  \* Phân biệt nghĩa của các từ in đậm trong các câu được cho:  a. Từ *đường* trong câu “*Đường lên xứ Lạng bao xa?*” là chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này tới một địa điểm khác.      Từ đường trong câu *“Những cây mía óng ả này chính là những nguyên liệu để làm đường”* là chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm.  b. Từ *đồng*  trong câu *“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát”* là chỉ khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cầy cấy, trồng trọt.  Từ *đồng*  trong câu *“Tôi mua bút này với giá hai mươi nghìn đồng*” là đơn vị tiền tệ.   \* Nhận xét: Đây là các **từ đồng âm** : nghĩa của các từ khác nhau, không liên quan đên nhau, vỏ âm thanh chúng giống nhau. | | **Bài 3. SGK trang 93** |   . Nghĩa của từ ***trái*** trong ba trường hợp: *“Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều****trái”, “****Bố vừa mua cho em một****trái****bóng”, “Cách một****trái****núi với ba quãng đồng”* có liên quan đến nhau vì đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu.  Từ ***trái*** trong ba trường hợp trên là **từ đa nghĩa** (một từ có nhiều nghĩa khác nhau, các nghĩa có liên quan đến nhau)  **Bài 4 SGK trang 93**  **Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa:**  **- Từ đa nghĩa:** Từ **cổ** trong câu a và b; vì nghĩa của từ ***cổ*** trong hai trường hợp này **có liên quan đến nhau**.  + Câu a, ***cổ*** là bộ phận cơ thể, nối từ đầu xuống đến thân;  + Câu b, ***cổ*** là chỗ eo lại ở phần đầu của một đồ vật, giống như hình cái cổ.  **- Từ đồng âm:** Từ **cổ** trong câu cvà*câu a,b*  + Câu c, ***cổ***có nghĩa là *cổ kính,* ***không liên quan***đến nghĩa của từ *cổ* trong hai câu trên.  **Bài 5 SGK trang 93:**  Nghĩa của từ nặng trong câu ca dao: Tiếng hò xa vọng, **nặng** tình nước non: tình cảm yêu thương đong đầy, sâu nặng, chất chứa từ lâu.  - Một số ví dụ có từ ***nặng*** được dùng với nghĩa khác:  + Túi hoa quả này nặng quá ;  + Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng. |

**Ngày soạn: 14/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**Tiết 46,47: Đọc hiểu văn bản 2: Chuyện cổ nước mình.**

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi trí nhớ về kiến thức nền để hiểu bài thơ tốt hơn.

**b. Nội dung:** tham gia trò chơi *Ai nhanh hơn*?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn cho câu 1?**

**- Phổ biến luật chơi:** Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.

- GV đọc câu hỏi:

**Câu 1.** Em biết những câu chuyện cổ nào của nước ta?

**Gợi ý**

Em biết những câu chuyện cổ nào của nước ta như: Tấm Cám, Sọ Dừa, Con rồng cháu tiên, Sơn Tinh Thủy Tinh, Sự tích Hồ Gươm, Thạch Sanh, Thánh Gióng,...

**\* GV gợi mở, HS chia sẻ lí do thích các nhân vật trong truyện dân gian**

**Câu 2.** Em thích những nhân vật nào trong những câu chuyện đó? Vì sao?

**Gợi ý**

Em thích những nhân vật như: cô Tấm, Sọ Dừa, Sơn Tinh, Thạch Sanh,.. Những câu chuyện này ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của những con người lao động hiền lành, chân thật, sống với lòng hiếu thảo, tình yêu tha thiết, mạnh mẽ đứng lên chống lại cái ác, cái xấu và sự chung thuỷ qua các kiểu nhân vật.  Nhân vật được đặt trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ và vô vàn thách thức khắc nghiệt để từ đó khẳng định phẩm chất, tính cách đáng quý của mình.

**\*HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Đánh giá sản phẩm, khen ngợi người thắng cuộc**

**\*Chuẩn kiến thức**

GV dẫn dắt vào bài thơ: Với mỗi con người Việt Nam, những câu chuyện cổ dân gian trở thành một phần trong tiềm thức. Gợi đến tên truyện, đến nhân vật...là tâm hồn mỗi người lại rạo rực, lại trăn trở bao câu chuyện, bao vui buồn. Ấy là bởi vì chuyện cổ dân gian có một vị trí quan trọng trong tâm hồn người Việt, là văn hóa, là giá trị tinh thần của dân tộc ta. Hiểu được điều đó, Lâm Thị Mỹ Dạ, một nhà thơ hiện đại nổi tiếng đã gửi tình yêu và suy ngẫm về những câu chuyện cổ nước mình. Giờ học này, chúng ta sẽ khám phá tâm tình của nhà thơ khi nghĩ về chuyện cổ nhé.  
**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của bài thơ như xuất xứ, thể thơ lục bát, giọng điệu và những nét khái quát về bài thơ.

- HS hiểu đôi nét về tác giả.

- Biết cách đọc một bài thơ lục bát

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**I. Đọc-tìm hiểu chung**

**Trước khi hướng dẫn HS đọc tác phẩm, GV cùng HS tìm hiểu đôi nét về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Hoạt động cá nhân.**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Em giới thiệu những hiểu biết của em về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ?  - Em biết những bài thơ nào của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ?  GV hướng dẫn HS cách đọc VB: đọc một cách diễn cảm, lưu loát, ngắt, nghỉ đúng, phù hợp với âm điệu của bài thơ lục bát. Giọng đọc tình cảm, thiết tha, trầm lắng.  GV gọi một số HS đọc VB.  Giải nghĩa của các từ: Độ trì, độ lượng, đa tình, đa mang.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HSgiới thiệu về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ.  - một số HS đọc VB, HS khác nghe, cảm nhận.  - HS giải nghĩa của các từ: Độ trì, độ lượng, đa tình, đa mang  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**  HS nhận xét về từng nội dung:  - Nhận xét cách đọc, giọng đọc cho bạn, góp ý cách đọc (nếu cần).  - Bổ sung thêm các ý về giải nghĩa từ (nếu cần)  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**  **I. Tìm hiểu chung.**  **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Bài thơ được viết theo thể thơ nào, dấu hiệu nào giúp em nhận ra thể thơ đó?  - Bài thơ có thể chia thành mấy phần, nêu nội dung từng phần?  **\* Bước 4. Nhận xét phần đọc của HS.** | **Tác giả.**  - Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở huyện [Lệ Thủy](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%87_Th%E1%BB%A7y,_Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh), tỉnh [Quảng Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh)  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.  - Tập thơ tiêu biểu của nhà thơ: Hái tuổi em đầy tay (thơ, 1989); *Mẹ và con* (thơ, 1994); *Hồn đầy hoa cúc dại* (thơ, 2007)...  **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc, từ khó**  **a. Đọc**  **b. Giải thích từ:**  - Độ trì  - Độ lượng  - Đa tình  - Đa mang  **2. Tìm hiểu chung.**  **a. Xuất xứ**:  - Tác giả : Lâm Thị Mĩ Dạ  - Sáng tác năm 1979  **b. Thể thơ**: lục bát  + Gieo vần: *“ta- xa”, “hiền- tiên”...*  + Ngắt nhịp câu sáu: 2/2/2; câu tám: 4/4  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **c. Bố cục: 2 phần**  - Phần 1: Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.  - Phần 2: Ý nghĩa chuyện cổ nước mình. |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, NA**

- HS nhận biết được đặc điểm của thể loại lục bát thể hiện qua bài thơ.

- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm.

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động. (Sử dụng phiếu học tập số 3)**

**Phiếu học tập:**

**Nhóm 1:** *Tôi nghe chuyện cổ thì thầm*

*Lời cha ông dậy cũng vì đời sau*

Hai dòng thơ gợi cho em những suy nghĩ gì?

**Nhóm 2:**

Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ lại “Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”

- Em hiểu thế nào là điều *“mới mẻ”, “rạng ngời lương tâm”?*

**Nhóm 3:** Vì sao trong cảm nhận của tác giả, những câu chuyện cổ không chỉ là bài học trong quá khứ mà còn vẹn nguyên ý nghĩa trong hiện tại?

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động cá nhân.**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Qua bài thơ, em nhận ra bóng dáng của những câu chuyện cổ nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh gợi liên tưởng đến những câu chuyện đó?  - Chuyện cổ đã kể với nhà thơ những điều gì về vẻ đẹp của tình người?  - Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình thể hiện ở những nội dung nào? Những câu thơ nào thể hiện điều đó?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**      **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Tình cảm của nhà thơ với chuyện cổ được bộc lộ qua câu thơ nào?  **-** Em hiểu như nào về các câu thơ: *“Đời cha ông với đời tôi/Như con sông với chân trời đã xa/Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”?*  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Qua câu thơ: “Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời cha ông dạy cũng vì đời sau”, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS trao đổi, cắt nghĩa, lí giải dựa trên nền kiến thức về chuyện cổ  **\*Bước 3. Nhận xét**  HS chia sẻ cách hiểu, nhận xét đánh giá, bổ sung  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **2. Tìm hiểu ý nghĩa của chuyện cổ nước mình**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  *GV yêu cầu HS thảo luận phiếu số 3*  *Thời gian: 5 phút – Chia lớp làm 3 nhóm*  Nhóm 1: Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời cha ông dậy cũng vì đời sau  Hai dòng thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì.  Nhóm 2: Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ *"Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm"?*  - Em hiểu thế nào là điều*“mới mẻ”, “rạng ngời lương tâm”?*  Nhóm 3:  *Vì sao trong cảm nhận của tác giả, những câu chuyện cổ không chỉ là bài học trong quá khứ mà còn vẹn nguyên ý nghĩa trong hiện tại?*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Đại diện các nhóm trình bày  Nhóm còn lại nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả** | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.**  \* Những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ đã giúp em liên tưởng đến những câu chuyện cổ quen thuộc, đó là:  - Tấm Cám: *"Thị thơm thị giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà"*  - Đẽo cày giữa đường *"Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì”*  - Sự tích trầu cau *“ Đậm đã cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người”*  \* Giá trị nhân văn của những câu chuyện cổ:  - Chuyện cổ nước mình phản ánh nét đẹp tình người như lòng nhân hậu, vị tha, bao dung, độ lượng...  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm những bài học cuộc sống về công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành":  *- Ở hiền thì lại gặp hiền*  *Người ngay thì gặp người tiên độ trì*  *- Rất công bằng, rất công minh*  *Vừa độ lượng, lại vừa đa tình, đa mang.*  *Thị thơm thì dấu người thơm*  *Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*  Chuyện cổ nước mình phản ánh ý nghĩa cuộc sống một cách sâu xa, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông.  Chuyện cổ nước mình là một kho tàng chuyện phong phú, đa dạng.  \* Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ :  - Tình yêu chuyện cổ được bộc lộ trực tiếp: *“Tôi yêu chuyện cố nước mình”* Những giá trị mà chuyện cổ chính là lí do cắt nghĩa cho tình yêu mà tác giả dành cho chuyện cổ.  -Tình cảm của nhà thơ với câu chuyện cổ còn được bộc lộ:  *“Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  *Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”*  *+“Chỉ còn chuyện cổ thiết tha”* đó là những tình cảm sâu lắng thiết tha mà ông cha ta gửi gắm qua những câu chuyện cổ đồng thời còn là chính tình cảm thiết tha của nhà thơ dành cho câu chuyện cổ nước mình.  *+ “Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”*Nhà thơ nhận ra, thấu hiểu được thế giới tinh thần của ông cha vẫn còn in dấu trong những câu chuyện ngàn xưa. Đó là những giá trị tinh thần, giá trị văn hóa còn in dấu qua những câu chuyện cổ. Chính những câu chuyện xa xưa được lưu truyền qua nhiều thế hệ đã giúp người đọc ngày nay nhận ra “gương mặt” cha ông ngày xưa. Hiểu được **đời sống tinh thần, vật chất, tâm hồn, tính cách, phong tục tập quán và các quan niệm đạo đức, triết lí nhân sinh...của cha ông**  **2. Ý nghĩa chuyện cổ nước mình.**   1. Hành trang tinh thần.   - Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần: sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, đi tới mọi miền quê xa xôi…  **-** *Mang theo chuyện cổ tôi đi*  *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa.*  *Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa.*  *Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*  b. Phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại.  *-* Đọc chuyện cổ nước mình như được gặp lại ông cha, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình.  **-** Giúp thế hệ đời sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng tình nhân ái bao la…  - Truyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ: *đời cha ông với đời tôi*  - Hai câu cuối nhấn mạnh lời răn dạy của ông cha ta về lẽ sống, về tình thương, về nhân cách, về đức độ, sự cần cù, lòng nhân ái,…  Đó là bài học cho con cháu đời sau. |

**III. Tổng kết.**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ *Chuyện cổ nước mình*.

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Nêu ý nghĩa của bài thơ?  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **1. Nội dung**  - Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.  - Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau.  **2. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình  - Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)…. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS tham gia trò chơi: ***Ngôi sao may mắn***

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Trò chơi gồm có 6 câu hỏi có đáp án và một câu may mắn, mỗi câu tương ứng với một ngôi sao.

- HS lựa chọn một lụa chọn một ngôi sao may mắn, trả lời câu hỏi tương ứng.

- HS trả lời đúng nhận được một phần quà. Không trả lời đúng nhường quyền trả lời cho HS khác.

- Nếu học sinh lựa chọn đúng ngôi sao may mắn không cần trả lời câu hỏi vẫn nhận được phần quà hấp dẫn.

**Câu 1.**Vì sao tác giả yêu chuyện cổ nước ta?

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính của bài thơ Chuyện cổ nước mình là gì?

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của bài thơ?

**Câu 4.** Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong bài thơ.

**Câu 5. Ngôi sao may mắn**

HS lựa chọn câu này không cần trả lời vẫn nhận được 1 phần quà.

**Câu 6.** Em hiểu ý hai dòng thơ "Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời ông cha dạy cũng vì đời sau" như thế nào?

**Câu 7**.Anh/ chị có đồng tình với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ: Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/Cho tôi nhận mặt ông cha của mình? Vì sao ?

Đáp án

**Câu 1.** Tác giả yêu chuyện cổ nước ta vì:

- Vì chuyện cổ nước mình vừa nhân hậu vừa tuyệt vời sâu xa.

- Vì chuyện cổ nước mình có nhiều nội dung tốt đẹp, chứa đựng nhiều bài học làm người quý báu đối với nhiều thế hệ,..

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm

**Câu 3.** Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với chuyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những chuyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.

**Câu 4.**Gợi ý về hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong bài thơ: [*ở hiền gặp lành*](https://doctailieu.com/ban-luan-ve-tuc-ngu-o-hien-gap-lanh)*,*[*thương người như thể thương thân*](https://doctailieu.com/giai-thich-cau-tuc-ngu-thuong-nguoi-nhu-the-thuong-than-2)*, Yêu nhau mấy núi cũng leo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.*

**Câu 6.**Ý nghĩa hai dòng thơ *"Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời ông cha dạy cũng vì đời sau."* là: những lời răn dạy của cha ông đối với đời sau . Qua những câu chuyện ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ .

**Câu 7.**  - Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ.

- Vì chuyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa.

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG**

**VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế: viết một đoạn văn ngắn trình bày trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) cảm nhận của em về đoạn thơ sau:  Đời cha ông với đời tôiNhư cong sông với chân trời đã xaChỉ còn chuyện cổ thiết thaCho tôi nhận mặt ông cha của mình  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **Yêu cầu:**  - Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.  - Đoạn văn phải sử dụng 5-7 câu  **Gợi ý:**  - Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với những câu chuyện cổ?  - Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ đó đã đem lại đã đem lại hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?  - Vì sao tác giả khẳng định những câu chuyện cổ giúp chúng ta gặp lại cha ông, thấy được diện mạo tinh thần của những thế hệ đi trước.  - Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ? |

Ngày soạn: 14/11/2022

Ngày dạy: /11/2022

**Tiết 48,49 - Văn bản 3: *CÂY TRE VIỆT NAM***

*( Thép Mới)*

**HOẠT ÐỘNG 1 : KHỞI ÐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: N1, GQVĐ, kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS chia sẻ trải nghiệm tạo để tạo không khí lớp học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**GV đặt câu hỏi, HS lắng nghe, suy nghĩ chia sẻ:**

- Hãy kể tên những vật dụng bằng tre mà em biết?

Các em ạ! Không biết từ bao giờ, cây tre đã trở nên thân thuộc và gắn bó với người Việt Nam ta. Bất cứ đâu trên đất nước, chúng ta đều dễ dàng gặp hình ảnh cây tre mộc mạc, thân thương. Cây tre đi vào đời sống, gắn bó với con người trong sinh hoạt và trong các cuộc chiến đấu bảo về tổ quốc. Với VB “Cây tre Việt Nam” nhà văn Thép Mới đưa ta nhìn lại những giá trị mà cây tre mang lại. Đó cũng là cách khám phá vẻ đẹp của con người, dân tộc Việt Nam.

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

- HS hiểu đôi nét về tác giả, và đặc điểm nổi bật, khái quát của VB Cây tre Việt Nam.

**b. Nội dung hoạt động:**Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, xuất xứ, bố cục VB

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả Thép Mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tác giả**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Giới thiệu những hiểu biết của em về nhà văn Thép Mới  - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** GV chiếu một số hình ảnh về nhà văn. GV nói rõ chất trữ tình trong văn.  **NV2: Đọc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm:  Đọc:  - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc to, rành mạch, ngắt nhịp đúng dấu câu thể hiện nhịp điệu của câu văn. Chú ý đọc bằng cảm xúc tự hào, vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.  - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp.  Giải thích nghĩa các cụm từ: *cho mai lấy trúc, đánh chắt, Thành đồng Tổ quốc,...*  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó.  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **NV3: Tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **Tác giả:**  - Thép Mới (1925 - 1991) tên khai sinh là Hà Văn Lộc.  - Quê ở quận Tây Hồ, Hà Nội, sinh ra tại Nam Định.  - Là một nhà báo, nhà văn nổi tiếng. Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là ca ngợi tình thần yêu nước của nhân dân ta.  - Một số tác phẩm như: *Cây tre Việt Nam, Hiên ngang Cu-ba, Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin, Điện Biên Phủ - một danh từ Việt Nam*  **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc, từ khó**  **Giải nghĩa các cụm từ:**  *+ cho mai lấy trúc*  *+ đánh chắt*  *+ Thành đồng Tổ quốc*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ:**  Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.  **b. Thể loại:** bút ký chính luận trữ tình  Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.  **c. Bố cục**  Gồm 4 phần:  - Phần 1. Từ đầu đến *“chí khí như người ”*: Cây tre có mặt ở mọi nơi trên đất nước ta và có những phẩm chất đáng quý.  - Phần 2. Tiếp theo đến *“ chung thủy* ”: Tre gắn bó với con người trong cuộc sống hàng ngày và trong lao động.  - Phần 3. Tiếp theo đến *“ Tre, anh hùng chiến đấu ”:* Tre sát cánh trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.  - Phần 4. Còn lại: Tre là người bạn của dân tộc ta. |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được vẻ đẹp, sự gắn bó của cây tre đối với con người, đất nước Việt Nam từ xưa đến nay. Đồng thời cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Kinh nghiệm, hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: *Vẻ đẹp của cây tre***  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi chia sẻ, thời gian 7 phút  - Nội dung cần thảo luận:   * Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả cụ thể qua những chi tiết, hình ảnh nào? (gợi ý cụ thể:   + Cây tre được giới thiệu như thể nào về hình dáng phẩm chất?  + Những từ ngữ nào trong văn bản biểu đạt rõ nhất hình ảnh của cây tre?  + Chỉ ra phép tu từ chủ yếu và tác dụng của phép tu từ khi tác giả viết về vẻ đẹp của cây tre ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .  **NV2:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Vòng chuyên sâu: (8 phút)**    **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 6 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm.**  **- Giao nhiệm vụ cho các nhóm**  GV đặt câu hỏi:  **Nhóm 1,2:** Tre có vai trò gì trong cuộc sống lao dộng và hàng ngày? Dưới bóng tre xanh, khung cảnh, cuộc sống, văn hóa của người Việt Nam hiện ra như thế nào?  - Em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố nghệ thuật đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn?  **Nhóm 3,4:**  **-** Trong chiến đấu, tre hiện lên với vẻ đẹp, phẩm chất gì? Tìm chi tiết nhà văn khắc họa vai trò của tre?  - Chỉ ra những câu văn dùng điệp ngữ và tác dụng của cách viết ấy?  **Nhóm 5,6**  **-** Em đang sống ở thời điểm ngày mai mà tác giả nói đến trong văn bản, *khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc đối với đất nước và con người Việt Nam?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Vòng mảnh ghép:(8 phút)**  **- Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+ Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu**.  + Trả lời câu hỏi  Vì sao tác giả có thể khẳng định "Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam?.  **\*Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  -Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.    **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chốt lại kiến thức cho từng phần 2:  Tác giả khẳng định "Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam. Vẻ đẹp mộc mạc, giản dị của cây tre Việt Nam, sự gắn bó với thế hệ người Việt Nam từ khi kháng chiến đến hòa bình chính là sự kiên cường, bất khuất, gan dạ. Đó cũng chính là tính cách, nét đẹp cao quý của người dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  ***1. Vẻ đẹp của cây tre***  ***\* Hình ảnh cây tre được khắc họa chân thực:***  - Hình dáng:  + *Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi*  + D*áng vươn mộc mạc và thanh cao*  + *Mầm măng non mọc thẳng*  *+ Màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn.*  - Phẩm chất:  *+ Tre cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.*  *+ Luôn gắn bó, làm bạn với con người trong mọi hoàn cảnh.*  *+ Thẳng thắn, bất khuất*, cùng con người chiến đấu*, giữ làng, giữ nước.*  - Nghệ thuật thể hiện:  - Từ ngữ miêu tả đặc sắc, gợi hình gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai...*  - Nhân hóa cây tre: *giản dị, thanh cao, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, bất khuất...*  - Cảm xúc của tác giả:  + Ca ngợi vẻ đẹp của cây tre từ hình dáng đến đặc tính của loài cây thân thuộc nhưng lại gợi đến tính cách, phẩm chất của con người của con người Việt Nam.  + Bộc lộ niềm tự hào, tình yêu mãnh liệt của mình với cây tre, và con người Việt Nam.  ***2.* Tre gắn bó với con người Việt Nam**  **a. Trong lao động và cuộc sống hàng ngày.**  - Tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm, thôn.  - Dưới bóng tre, toàn bộ đời sống của con người được hiện ra:  + Những mái đình, mái chùa cổ kính  + Người dân cày Việt Nam *dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang...*  + Tre thành nôi ru êm những giấc ngủ trưa hè, là nguồn vui tuổi thơ: *chiếc thuyền lá tre, que chuyền que chắt*.  + Tre là nhịp bắc cho tình yêu đôi lứa  với tuổi già hút thuốc làm vui thì có chiếc diếu cày...  + Sự gắn bó suốt đời*: từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay.*  - Nghệ thuật :  + Hình ảnh gần gũi: mái đình, mái chùa, cối xay tre, giang lạt, nôi tre, giường tre...  + Câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê, nhân hóa, so sánh.  - Ý nghĩa:  + Khẳng định mối quan hệ gắn bó của cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam.  + Ca ngợi nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc với thái độ tự hào, trân trọng.  **b. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc**  **- Hoàn cảnh***:* Khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc: *Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay*  **- Vai trò, sức mạnh***: tre là tất cả, tre là vũ khí*:  +Vị thế của tre: *vũ khí, đồng chí chiến đấu, cái chông tre sông Hồng*  + Hành động dũng cảm quên mình của tre: *chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; tre hi sinh để bảo vệ con người;*  + Đánh giá vẻ đẹp: *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*.  - Nghệ thuật :  + So sánh: *tre* vật liệu tự nhiên, thô sơ với *sắt thép* những vật liệu để làm vũ khí cao cấp hơn).  + Câu văn giàu nhịp điệu, điệp ngữ, liệt kê...tạo nên nhịp điệu; nhân hóa, ẩn dụ.  + Sử dụng các từ ngữ giàu tính biểu cảm: “tất cả”. “Tất cả”.  - Ý nghĩa: Tình yêu, biết ơn của con người với tre; bày tỏ tình yêu nước, niềm tự hào về sức mạnh dân tộc trong kháng chiến vĩ đại.  **c. Trong tương lai**  - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: *Tre vẫn là bóng mát, Tre vẫn mang khúc tâm tình,*...  + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau. Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.  + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;  + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa văn bản *Cây tre Việt Nam.*

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **+** Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB cây tre Việt Nam  + Từ đó, em cảm nhận được vẻ đẹp, vai trò của tre với dân tộc ta như nào? Nhà văn muốn gửi gắm tình cảm gì?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu thấm đẫm chất trữ tình.  - Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...  **2. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp, sự gắn bó của cây tre đối với con người, đất nước Việt Nam từ xưa đến nay.  - Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản:

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

GV tổ chức cho HS thi ***“Tiếp sức”***

Chia lớp làm 2 đội, xếp 2 hàng để thi tiếp sức.

Lần lượt từng thành viên trong đội lên bảng viết đáp án.

Đội nào viết được nhiều, đội ấy chiến thắng.

**Em hãy tìm một số câu tục ngữ, ca dao, thơ, chuyện cổ Việt Nam có nói đến cây tre.**

(Dưới đây là một số câu tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích Việt Nam có nói đến cây tre:

- *Khi đi trúc chửa mọc măng,*

*Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.*

*- Tre già măng mọc.*

- *Con mèo, con chó có lông,*

*Cây tre có mắt, xanh đồng có quai.*

*(Xanh đồng* là một loại chảo sâu lòng dùng để xào nấu).

- Truyện *Cây tre trăm đốt* là truyện cổ tích trong đó cây tre có một vị trí rất quan trọng.

- Truyền thuyết *Thánh Gióng* kể rằng khi roi sắt gãy, Gióng đã nhổ tre ven đường quật vào quân giặc làm cho chúng thua chạy tan tác và do ngựa sắt phun lửa nên cho đến giờ ở làng Cháy vẫn còn giống tre thân có màu vàng óng gọi là tre đằng ngà)

- Sọ Dừa: chi tiết về tiếng sáo của chàng.

**Ngày 18 tháng 11 năm 2022**

**Kí duyệt**

**Ngày soạn: 21/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**Tiết 50: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này.

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng

**2. Nội dung hoạt động:** HS suy nghĩ để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về phép tu từ hoán dụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đưa ra một ví dụ có sử dụng hoán dụ, hướng dẫn HS tìm hiểu hình ảnh hoán dụ để dẫn dắt vào bài:

*Bàn tay ta làm nên tất cả*

*Có sức người sỏi đá cùng thành cơm.*

(Hoàng Trung Thông, *Bài ca vỡ đất*)

Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động; ở đây nhà thơ đã lấy cái bộ phận để thay thế cho cái toàn thể. Đó chính là một trong những dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ.

**- GV kết nối**: Phép tu từ hoán dụ có nét gì đặc biệt so với các phép tu từ đã học như ẩn dụ, so sánh...Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nhận biết phép tu từ hoán dụ.

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này.

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hiểu khái niệm, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Từ đồng âm**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu ví dụ cho HS theo dõi, trả lời câu hỏi.  Từ “bàn tay” trong câu thơ trên là chỉ người lao động. Vậy “bàn tay” và người lao động có mối quan hệ như thế nào? Tác dụng của cách diễn đạt ấy?  **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi để hiểu được phép hoán dụ và tác dụng của hoán dụ trong câu thơ.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS dùng hình thức cặp đôi chia sẻ.**  Từ các ví dụ trên, em rút ra thế nào là hoán dụ? Việc sử dụng trong lời nói hằng ngày, trong văn chương có tác dụng gì?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, chia sẻ với bạn về hoán dụ và tác dụng của hoán dụ  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV cung cấp cho HS các kiểu hoán dụ thường gặp. | **1. Ví dụ**  *Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cùng thành cơm.*  - Hoán dụ: Từ “bàn tay” trong câu thơ trên là chỉ người lao động.  + Nhà thơ đã dùng cái bộ phận để chỉ toàn thể dựa trên mối quan hệ tương cận, gần gũi với nhau. Đôi bàn tay gợi liên tưởng đến những người lao động cần cù...  + Tác dụng: làm cho việc diễn đạt trở nên gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn.  + Tác giả muốn ngợi ca tầm quan người lao động trong xã hội, khích lệ mọi người biết trân trọng người lao động, và cùng nỗ lực lao động làm giàu cho tổ quốc.  .  **2. Kết luận:**  - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:  + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;  + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;  + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. |

**II. Thành ngữ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc câu văn sau.  Em hãy tìm một thành ngữ được dùng trong câu văn ? Giải thích ý nghĩa ngắn gọn của từ ngữ đó.  **GV cho HS làm việc cá nhân**  GV chiếu ví dụ. HS đọc, theo dõi, phát hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS rút ra khái niệm từ thành ngữ:  Khác với từ ngữ thông thường, thành ngữ có cấu tạo như thế nào? Muốn giải nghĩa thành ngữ cần căn cứ vào đâu?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá giúp HS hiểu được thành ngữ. | **1. Ví dụ**:  *Đã vậy, tính nết lại ăn xổi ở thì (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.* (Tô Hoài, *Dế mèn phiêu lưu kí)*  Thành ngữ: *ăn xổi ở thì*  Giải nghĩa: cách sống tạm bợ cho qua ngày, không tính đến chuyện ổn định lâu dài (*xổi*: tạm bợ, chóng vánh; *ăn xổi*: ăn ngay, có ngày nào, ăn ngày ấy; *ở thì*: sống tạm bợ)  **2. Kết luận:**  - Thành ngữ là cụm từ cố định, biểu thị một ý tương đối hoàn chỉnh.  - Muốn giải nghĩa của thành ngữ cần căn cứ vào ngữ cảnh sử dụng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt các biện pháp tu từ, đặc biệt là hoán dụ; nhận diện thành ngữ và hiểu nghĩa của thành ngữ trong những trường hợp điển hình.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài 1**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tấp số 1  GV yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1:  Giải thích nghĩa của các hình ảnh hoán dụ: *Nhắm mắt xuôi tay, Mái nhà tranh, đồng lúa chín; Áo cơm cửa nhà.*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, đưa ra lựa chọn cho mình  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  HS đứng lên giải nghĩa từng hình ảnh hoán dụ.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 2**: HS xác định yêu cầu của bài 2. So sánh mức độ yêu cầu với bài 1; Sau đó tiếp nhận nhiệm vụ**.**  **Chỉ ra** các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu sau và **nêu tác dụng** của chúng:  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 3,4**: HS xác định yêu cầu của bài 3,4.  GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn, ở cả hai bài. Thời gian 5 phút.  **Bài 3:**  Những dòng thơ: *“Đẽo cày theo ý người ta/Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì”* gợi ý cho em liên tưởng đến thành ngữ nào? Giải thích ý nghĩa ngắn gọn của từ ngữ đó.  **Bài 4:**  *Tre già măng mọc* là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài Cây tre Việt Nam, hãy nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.  HS tiếp nhận nhiệm vụ**.**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thực hiện bài của nhóm mình, thảo luận, thống nhất phương án trả lời.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả. Nhóm khác cử đại diện nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **III. Luyện tập**   |  | | --- | | **Bài 1 SGK trang 99** | | Giải thích nghĩa của các hình ảnh hoán dụ  a. *Nhắm mắt xuôi tay:* nói đến cái chết.  b. *Mái nhà tranh, đồng lúa chín*: thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.  c. *Áo cơm cửa nhà*: nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. | | **Bài 2 SGK trang 100**  a. Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa *Đời cha ông với đời tôi* cũng xa như *con sông với chân trời*.  - Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: Từ xa xưa đến nay, từ thế hệ cha ông đến thế hệ chúng ta, từ quá khứ đến hiện tại là một khoảng cách xa vời vợi. Thế nhưng khoảng cách đó đã được nối liền bằng những chuyện cổ dân gian giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách.  b.- Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre ***chống lại*** sắt thép quân thù; Tre ***xung phong*** vào xe tăng đại bác.  Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người.   |  | | --- | | **Bài 3. SGK trang 100**  *Đẽo cày theo ý người ta*  *Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*  - Liên tưởng đến thành ngữ: **Đẽo cày giữa đường**  - Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả. |   **Bài 4 SGK trang 100**  Nói đến sự nối tiếp giữa các thế hệ, thế hệ trước già đi, sẽ có thế hệ sau thay thế; thế hệ trước sẽ truyền lại những kinh nghiệm, tri thức, phẩm chất. | |

**Ngày soạn: 21/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**Tiết 51 :Tập làm một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu:**

- HS lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ lục bát;

- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: viết một bài thơ lục bát theo chủ đề lựa chọn.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**GV đưa ra câu hỏi gợi mở, để dẫn dắt vào bài:**

**Em hãy đọc cho các bạn nghe một bài thơ lục bát mà em yêu thích.**

**Vậy em đã từng làm thơ lục bát chưa? Có thể chia sẻ với cả lớp bài thơ của em được không?**

+ GV dẫn dắt: Có thể trong chúng ta đã có người làm cho mình những bài thơ. Song cũng có bạn lại có tâm lí e dè, ngại ngần khi cầm bút viết lên cảm xúc của mình. Giờ học tập làm một bài thơ lục bát hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu và tiến hành viết cho mình một bài thơ lục bát nhé. Vậy các bước tiến hành như thế nào?

\* **Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tìm hiểu các yêu cầu với một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NHIỆM VỤ 1**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS:  - Em hiểu thế nào là một bài thơ? Thơ khác văn xuôi ở điểm nào ?  - Khi nào người ta làm thơ? Khi sáng tác thơ cần đảm bảo những yêu cầu gì?  Theo em, một bài thơ lục bát cần đảm bảo những yêu cầu gì?  - GV gợi ý:  + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không?  + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **\* Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:**  **GV :** *Tình cảm, cảm xúc là một trong những phẩm chất quan trọng hàng đầu của thơ. Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, các nhà thơ đã chọn nhiều cách khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp.* | **1. Yêu cầu đối với một bài thơ lục bát.**  **a. Thơ và yêu cầu khi sáng tác thơ.**  \* Thơ: là khái niệm chỉ các loại sáng tác văn học có vần điệu, có đặc điểm ngắn gọn, súc tích, nhiều ý cô đọng...  \* Sáng tác thơ**.**  - Nội dung: Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị…về cuộc sống.  - Về nghệ thuật:  + Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình gợi cảm.  + Sử dụng các biện pháp tu từ để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị (nhân hóa, so sánh, ẩn dụ…).  + Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  **b. Yêu cầu đối với một bài thơ lục bát** (phần tri thức ngữ văn) |

**Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Qua một bài thơ cụ thể, HS nhìn nhận và chỉ ra được đặc điểm của thể thơ lục bát cần có để định hướng cách viết thơ cho bản thân.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức và

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu 1 HS đọc văn bản tham khảo, cả bàn nghe, thảo luận.  - GV hướng dẫn HS thảo luận  1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?  2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra cách hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng/  Dòng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | Bát |  |  |  |  |  |  |  |  | | Lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |   3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?  4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?  5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?  6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +HS trả lời câu hỏi  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **\*Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | **1. Bài thơ :** “*Chăn trâu đốt lửa”*  *Chăn trâu đốt lửa trên đồng*  *Rạ rơm thì ít gió đông thì nhiều*  *Mải mê đuổi một con diều*  *Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.*  *(Đồng Đức Bốn)*  **2. Phân tích kiểu văn bản.**  **a**. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: "Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro" khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc bâng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.  **b.** Gieo vần, phối thanh  + Sự hiệp vần: *đồng – đông, nhiều – diều – chiều.*  + Bảng phối thanh:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng/  Dòng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục | B | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | B | T | T | **B** | B | B | | Lục | T | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | T | T | T | **B** | B | B |   c. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến. Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.  **d**.Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nướng khoai, qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông. Tất cả đã hoà quyện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.  **e**. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng phép đối giữa ít-nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là sự liên tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.  **f.** Cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu: bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ, tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai. |

**Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết (sáng tác được một bài thơ lục bát); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**PHIẾU TÌM Ý**

**Nhiệm vụ:** Tìm ý cho việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc một bài thơ có yêu tố tự sự và miêu tả.

Gợi ý: Trả lời câu hỏi vào cột trái:

|  |  |
| --- | --- |
| **+** Bài thơ gợi lên câu chuyện gì? |  |
| + Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật? |  |
| + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? |  |
| + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao? |  |

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Hãy tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng thích hợp để đặt vào chỗ trống trong đoạn thơ sau đây. (SGK)  - Lựa chọn đề tài: Có thể chọn bất cứ đề tài nào khơi gợi cho em nhiều cảm xúc:  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình bằngkĩ thuật công não.  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết và người đọc, người nghe.  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các bước  Dựa vào lí thuyết đã học về thơ lục bát, em hãy tự sáng tác một bài hoặc một cặp câu lục bát (chủ đề tùy chọn).  -Hướng dẫn HS viết nháp.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **\* Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Viết một bài thơ lục bát**  **Bước 1: Khởi động viết**  **- Tập gieo vần:** *gần, đa, là*  **- Xác định đề tài:** Gia đình, quê hương, bố mẹ, mái trường, thầy cô, bạn bè…..  **Bước 2: Thực hành viết:**  **- Tìm ý tưởng cho bài thơ.**  + Ý tưởng có thể đến bất chợt, cũng có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc đã diễn ra mà mình ấn tượng sâu sắc.  + Suy nghĩ vể ý tưởng mà mình muốn viết (thể hiện).  + Chọn một ý tưởng (sự việc, con người…) mà mình tâm đắc nhất.  **- Làm bài thơ lục bát.**  + Thể hiện ý tưởng ra bằng từng dòng thơ.  + Lần lượt điền các tiếng của từng dòng thơ vào bảng quy định thanh điệu và hiệp vần của thơ lục bát.(Bảng bên dưới)  + Cần sử dụng các biện pháp tu từ để tăng hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ (ẩn dụ, so sánh, nhân hóa…)  + Chú ý giọng điệu phù hợp với nội dung, cảm xúc mình muốn thể hiện. |

**Chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với một sáng tác thơ lục bát  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với một sáng tác thơ lục bát  + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng) | **Bước 3: Chỉnh sửa và chia sẻ**  - Kiểm tra xem tiếng nào, dòng nào chưa chuẩn thì sửa lại.  - Tuy nhiên, thơ không chỉ đúng về luật mà còn cảm xúc. Câu nào chưa thể hiện cảm xúc cũng cần phải sửa (thay đổi).  - Đọc diễn cảm bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng (bên dưới) để điều chỉnh nội dung và hình thức bài thơ.  - Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình hoặc bạn bè để mọi người góp ý giúp. Sau đó lại tiếp tục điều chỉnh cho đến lúc bản thân thấy thật ưng ý. |

**Bảng tự đánh giá hình thức và nội dung bài thơ (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Bài thơ gồm các dòng lục (6 tiếng) và các dòng bát (8 tiếng). |  |
|  | Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn. |  |
|  | Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát kế nó. |  |
| **Hình thức** | Tiếng thứ 8 của câu bát đó lại vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp. |  |
|  | Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ… |  |
| **Nội dung** | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống. |  |

**Ngày soạn: 21/11/2022**

**Ngày dạy: /12/2022**

**Tiết 52,53,54: VIẾT ĐOẠN VĂN**

**GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Kết nối** (HS hào hứng tiếp cận, khám phá kiến thức).

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát đac học hoặc đã đọc.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát mà em yêu thích?

HS chia sẻ

GV dẫn dắt vào bài: Những bài thơ lục bát đã học, đã đọc gây cho em cảm xúc gì? Hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu của chúng khiến em rung động như thế nào? Hãy ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ em yêu thích!

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu:**

HS biết cách viết một đoạn văn nói chung và viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát nói riêng.

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để tạo lập một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d.Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV đặt câu hỏi cho HS:  + Trong những tiết học trước, chúng ta đã học viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.  + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? Có gì giống và khác giữa thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả với thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát?  - GV gợi ý:  + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không?  + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **I. Tìm hiểu yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có).  - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ.  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, …) |

**HOẠT ĐỘNG 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 102 và trả lời các câu hỏi trang 103.  - Đoạn văn đã giới thiệu được bài ca dao Anh đi anh nhớ quê nhà chưa? Em hãy đọc câu văn ấy.  - Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về nội dung chính nào của bài ca dao ?  - Người viết đã nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật nào của bài ca dao?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.*** | **II. Phân tích bài viết tham khảo: nét đẹp trong bài ca dao Anh đi anh nhớ quê nhà.**  - Đoạn văn đã giới thiệu được bài ca dao *Anh đi anh nhớ quê nhà*: trích bài ca dao và dẫn dắt.  - Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về nội dung chính của bài ca dao: Là nỗi nhớ của người con hướng về quê nhà: nhớ hương vị món ăn, nhớ con người...thể hiện nỗi nhớ da diết của người đi xa với quê nhà.  - Người viết đã nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao: lặp từ *nhớ*, hình ảnh ..., nhịp thơ lục bát êm dịu...  **- Nội dung từng phần:**  **+ Mở đoạn:** Nêu cảm xúc sâu lắng của bản thân khi đọc bài ca dao.  **+ Thân đoạn:** Gồm 5 câu văn (từ câu 2 đến câu 6) trình bày cảm xúc về vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của bài ca dao, nêu cảm xúc khi đọc bài ca dao này.  **+ Kết đoạn:** Nêu ý nghĩa, bài học rút ra từ bài ca dao. |

**HOẠT ĐỘNG 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, HS biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Có mấy bước để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  1- Xác định đề tài bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  - Chọn bài thơ nào? Cần tìm những thông tin nào? Tìm thông tin ấy ở đâu?  2. Tìm ý: Đọc bài thơ nhiều lần, khi bài thơ vang lên, hãy lắng nghe cảm xúc suy nghĩ của em và ghi lại điều đó?  - Cảm nhận chung khi đọc bài thơ là gì? Bài thơ biểu hiện những điều gì? Bài thơ có những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ...nào nổi bật?  \* Lập dàn ý: Sắp xếp các thông tin vừa tìm được theo dàn ý:  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3: Nhận xét.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  Bước này, GV chủ động hướng dẫn lí thuyết để HS biết cách tìm ý.    **Viết đoạn văn:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** Em hãy dựa vào dàn ý đã lập để tiến hành viết đoạn văn (từ 150 từ đến 200 từ).  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** | **III. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.**  **\* 4 bước**  **-** Lựa chọn bài thơ  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Viết đoạn văn.  - Chỉnh sửa đoạn văn  **\* Cụ thể:**  **1. Lựa chọn bài thơ**  - Xác định bài thơ.  - Thu thập tư liệu.  **2. Tìm ý và lập dàn ý.**  a.Tìm ý  - Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.  - Xác định chủ đề của bài thơ.  - Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.  - Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.  b. Lập dàn ý.  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  \*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  \* Thân đoạn:  Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **3. Viết đoạn văn.**  **4. Chỉnh sửa đoạn văn** (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)  - Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.  - Tự đánh giá và rút kinh nghiệm. |

**Bảng kiểm tra đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của đoạn văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng |  |
| **Mở đoạn** | Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. |  |
|  | Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ. |  |
| **Thân đoạn** | Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. |  |
|  | Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ. |  |
| **Kết đoạn** | Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa bài thơ với bản thân. |  |
|  | Kết đoạn bằng một dấu câu dùng để ngắt đoạn. |  |

**Ngày soạn: 21/11/2022**

**Ngày dạy: /11/2022**

**TIẾT 55: NÓI VÀ NGHE**

**Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương**

**1**. **Mục tiêu**:

- Với tư cách là người nói, HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương sao cho hấp dẫn và thuyết phục.

-Với tư cách là người nghe, HS biết cách lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tư tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Nội dung hoạt động:** HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động chuẩn bị bài nói, trao đổi bài nói, trình bày bài nói.

**3. Sản phẩm:** Nội dung bài nói, phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân*

**Dự kiến câu trả lời: HS có thể ấn tượng với:**

* Phong cảnh thiên nhiên quê hương
* Món ăn truyền thống của quê hương
* Lời ăn tiếng nói của con người quê hương
* ....

GV dẫn dắt vào bài: Tình cảm của mỗi con người với quê hương- nơi chôn nhau cắt dốn là tình cảm thiêng liêng. Nhưng để cất lên thành lời để bày tỏ cho mọi người thì không phải ai cũng làm được. Có người dấu nẹm trong tim, để đôi lúc rưng rưng thổn thức...Tình yêu quê hương là tình cảm tha thiết, sâu lắng và luôn tràn đầy trong tim mỗi người. Hôm nay, chúng ta sẽ tập nói và nghe những suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

**Trước khi nói: Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ.** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?    Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình:  - Em sẽ lựa chọn đề tài nào trong các đề tài sau:  ……………….  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày ý kiến về một vấn đề  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói** (trình bày).  **Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**  **- Xác định đề tài:**  **- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**  + Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người)  *+ Các biểu hiện cụ thể* *của tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...)  + Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...)  **Bước 3: Luyện tập và trình bày.**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân).  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **Bước 4: Trao đổi, đánh giá.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói.**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa. |  | | - Mớ bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ. |  | | - Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề |  | | - Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn. |  | | - Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói. |  | |

**2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số  - HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - Giới thiệu rõ vấn đề định nói.  - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những ý chính cần trình bày trong bài như: Biểu hiện, tác dụng, mong muốn của bản thân về vấn đề được nói.  - Lấy những dẫn chứng về biểu hiện của tình cảm với quê hương làm minh chứng điều mình nói.  - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói).  - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc.  - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày).  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp.  - Tương tác cùng người nghe. | **2. Trình bày bài nói** |

**3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi**.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số  - HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **3. Đánh giá bài nói**  - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm; giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn; trao đổi với bạn về những ý kiến khác biệt.  - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.  - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình. (Bảng dưới) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
| 1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa | Chưa có vấn đề để nói | Có vấn đề để nói nhưng chưa hay | Có vấn đề để nói ấn tượng |
| 2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề. | Nội dung vấn đề hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố được kiến thức trong bài học ở các văn bản *Chùm ca dao về quê hương đất nước, Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam.*

**-** HS biết mở rộng phạm vi đọc và tìm hiểu các VB ngoài sách có cùng chủ đề, thể loại.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ**

- GV chiếu lên màn hình phiếu học tập hoặc phát phiếu học tập cho HS.

1. Em hãy điền thông tin ngắn gọn theo mẫu.

- HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

2. Tìm và đọc diễn cảm một số bài thơ lục bát.

**\* HS thực hiện nhiệm vụ**

**\* Báo cáo sản phẩm.**

**\* Nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**\* Phiếu học tập:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản**  **Đặc điểm** | *Chùm ca dao về quê hương đất nước* | *Chuyện cổ nước mình* | *Chuyện cổ nước mình* |
| ***Biện pháp tu từ nổi bật*** |  |  |  |
| ***Tình cảm, cảm xúc của tác giả*** |  |  |  |

***Ngày 25 tháng 11 năm 2022***

***Kí duyệt***

**THỰC HÀNH ĐỌC**

*Hành trình của bầy ong*

*(Nguyễn Đức Mậu)*



**a.Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

- Giúp HS củng cố và khắc sâu những hiểu biết về đặc điểm của thể thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương, đất nước

- Hiểu ý nghĩa được gợi lên từ “hành trình của bầy ong”.

**b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.**

**c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Thực hành đọc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tác giả, tác phẩm:**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Hãy nêu ngắn gọn những hiểu biết của em về nhà thơ Nguyễn Đức Mậu ?  GV hướng dẫn HS cách đọc, sau đó đọc mẫu một đoạn. Gọi một vài HS đọc bài thơ.  Sau đó chia lới thành 4 nhóm. Hướng dẫn HS luyện đọc theo nhóm  Gv hướng dẫn HS tự tìm hiểu những kiến thức cơ bản để tìm hiểu về bài thơ gồm: Bố cục, yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Nhận xét.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức một cách ngắn gọn.**  - Chú ý giọng đọc toàn bài với giọng rành mạch, nhẹ nhàng, vừa đọc vừa hình dung tưởng tượng. Ngắt nhịp phù hợp: Nhịp: 2/2/2, 2/4, 4/4  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp làm 3 nhóm, khám hành trình của bầy ong của bài thơ.  Thời gian 8 phút:  Nhóm 1: Tìm những hình ảnh, từ ngữ diễn tả những hành trình vô tận của bầy ong? Trên hành trình ấy, tác giả đã vẽ ra một không gian như thế nào? Qua đó, bầy ong hiện lên với vẻ đẹp gì?  Nhóm 2: Đọc phần 2, trả lời câu hỏi:  Những nẻo đường, miền đất bầy ong đi đến như thế nào? Tìm những hình ảnh nhà thơ miêu tả cảnh vật thiên nhiên? Hình ảnh nào ấn tượng với em nhất. Lí giải?  Nhóm 3: Đọc phần 3 bài thơ:  - Giá trị của những sản phẩm mà bầy ong đem lại là gì?  - Hành trình của bầy ong có ý nghĩa gì với em?  - Em rút ra những đặc sắc nghệ thuật, nội dung của bài thơ?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.**  - Học sinh: suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ của mình  - Giáo viên: quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: Đại diện nhóm báo cáo kết quả. HS nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Tác giả:**  **- Nguyễn Đức Mậu** (sinh năm 1948) là một nhà thơ, nhà văn quân đội.  + Quê: [Nam Trực](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_Tr%E1%BB%B1c), tỉnh [Nam Định](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh)  + Ông từng nhận được [Giải thưởng Nhà nước](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_Nh%C3%A0_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_(Vi%E1%BB%87t_Nam)) về văn học nghệ thuật năm 2001; Giải thưởng văn học Asean năm 2001.  - Một số tập thơ tiêu biểu: *Trường ca Côn , Người đi tìm chân trời , Khi bé Hoa ra đời , Cánh rừng nhiều đom đóm bay*  **2. Tác phẩm:**  **a. Đọc, chú thích**  **b.Thể thơ: lục bát**  **c. Bố cục: 3 phần**  + Phần 1. Từ đầu đến “Thời gian vô tận mở ra sắc màu”: Sự kiên nhẫn của bầy ong trong hành trình vô tận.  + Phần 2. Tiếp theo đến “Thì bầy ong cũng mang vào mật thơm”: Những nẻo đường và miền đất trong cuộc hành trình tìm hoa, hút nhụy của bầy ong.  + Phần 3. Còn lại: Giá trị của sản phẩm mà bầy ong đem đến cho con người trong cuộc hành trình gian khổ của mình.  **3. Đọc- hiểu văn bản:**  **a. Sự kiên nhẫn của bầy ong trong hành trình vô tận**   * Không gian: nẻo đường xa * Thời gian: vô tận * Mục đích: tìm hoa * Hành trình của bầy ong: với đôi cánh đẫm nắng trời, bay đến trọn đời.   => Phẩm chất của bầy ong là cần cù, chăm chỉ.  **b. Những nẻo đường và miền đất trong cuộc hành trình tìm hoa, hút nhụy của bầy ong**   * Bầy ong tìm hoa nơi thăm thẳm rừng sâu, nơi có hoa chuối, hoa ban. * Tìm nơi bờ biển sóng tràn có hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa. * Ong còn tìm mật nơi quần đảo khơi xa có loài hoa nở như là không tên.   => Bầy ong chăm chỉ, siêng năng, bay khắp nơi tìm mật. Bất cứ nơi đâu mà bầy ong bay đến cũng tìm được mật hoa, đem lại hương vị ngọt ngào cho đời.  **c. Giá trị của sản phẩm mà bầy ong đem đến cho con người trong cuộc hành trình gian khổ của mình**   * Bầy ong đã giữ hộ cho người những mùa hoa đã tàn, ong chắt được mật từ trong những cánh hoa ấy, đem lại cho con người mật ngọt. * Những giọt mật tinh túy ấy như giữ lại những mùa hoa đã tàn phai giúp ích cho đời.   => Nhà thơ muốn ca ngợi công lao của bầy ong.  **Tổng kết**  **\* Nghệ thuật:**  - Thể thơ lục bát với cách gieo vần, nhịp tài tình tạo giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng dư ba.  - Hình ảnh thơ tươi đẹp, ngôn ngữ trong sáng, sử dụng phép tu từ nhân hóa, điệp ngữ...đặc sắc.  **\* Nội dung:**  - Ca ngợi những phẩm chất đáng quý của loài ong là cần cù làm việc có ích cho đời.  - Đồng thời bài thơ mở ra vẻ đẹp giản dị, gần gũi của quê hương, đất nước  - Từ “hành trình của bầy ong” giúp mọi người nhận ra ý nghĩa lao động siêng năng, sự cống hiến cho cuộc đời. |

**BÀI 5: NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

**\* Năng lực chung:** Giao tiếp và hợp tác, Giải quết vấn đề

- Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra

- Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân).

\* Năng lực đặc thù:

**Đọc**

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của kí.

- Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt).

- Chỉ ra được tác dụng của một số yếu tố nghệ thuật như hình thức ghi chép, ngôi kể, cách kể; hình ảnh biểu tượng, phép tu từ,...

**Viết:** Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**Nói - Nghe**:

- Biết chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến.

- Biết chia sẻ, trình bày ý kiến của mình về một vấn đề thảo luận trong nhóm

**2. Phẩm chất**

- Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thể kí, thơ trữ tình.

- Yêu thiên nhiên quê hương, đất nước; có ý thức bảo về thiên nhiên.

- Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập:**

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

Ngày soạn: /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**TIẾT 56 ,57: - GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**- VĂN BẢN1 : CÔ TÔ**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ÐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo tình huống/ vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung hoạt động:**

- GV phát phiếu, HS điền tên địa danh mình muốn trải nghiệm, khám phá

**c. Sản phẩm:** phiếu đã được HS điền tên địa danh mình muốn trải nghiệm, khám phá cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV phát cho mỗi HS một tờ giấy nhỏ (nhiều màu càng tốt)và yêu cầu:

Em hãy viết ra tờ giấy này tên một địa danh (một vùng quê, một vùng đất, một hòn đảo, hoặc bất cứ một nơi nào) em muốn đến, muốn tìm hiểu, khám phá.

Sau đó, cho các em gấp thành hình máy bay.

GV đếm 1,2,3. Đến số thứ 3 thì tất cả lớp cùng phi chiếc máy bay của mình đến bất cứ chỗ bạn nào mà em muốn nói điều đó, hoặc phi tự do trong lớp.

GV yêu cầu mỗi em nhặt chiếc máy bay gần mình nhất, và đọc tên vùng đất bạn em muốn đến.

GV yêu cầu 5-7 HS được đọc, còn lại, GV sẽ thu lại về đọc sau (không để giấy ra lớp học)

Từ những địa danh HS đọc lên, GV kết nối vào bài học: Thế giới thật rộng lớn nhưng những bước chân của con người lại nhỏ bé. Nhưng con người lại luôn có ước mơ khám phá, tìm hiểu những nẻo đường, những chân trời mới, và không phải ai cũng thực hiện ngay được. Văn học sẽ giúp chúng ta khám phá những chân trời mới, mở rộng tầm nhìn, để mỗi con người được hòa nhập mình với thế giới rộng lớn. Cô hi vọng với các VB ở bài 5, các em sẽ được đến, khám phá những nẻo đường mới mẻ của đất nước, để các em biết rằng đất nước Việt Nam của chúng ta rộng lớn và xinh đẹp như thế nào nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**A. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**:

**-** HS nắm được chủ đề, nội dung của bài học.

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thể kí, du kí.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về kí

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***:  HS tự đọc phần giới thiệu bài học.  Trình bày cách hiểu của em về phần bài học số 5: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là nội dung nào?  - Qua phần đọc các VB trong bài, em hiểu được **những nẻo đường xứ sở** nhằm hướng tới nội dung gì?  ***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận theo bàn. Trình bày trong nhóm bàn, rồi đứng lên trình bày trước lớp  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***  yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 104  - Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng điều gì?  Các tác phẩm kí thường viết để làm gì?  - Trong kí, người kể chuyện thường ở ngôi thứ mấy? Người kể chuyện có vai trò gì?  - Trình tự kể của các VB kí thường sắp xếp các sự việc theo trình tự nào?  - Vậy em đã từng viết một Vb nào thuộc thể kí chưa, hãy chia sẻ .  ***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ***  HS đọc thơ, trao đổi để nhận biết những yếu tố cơ bản của thể kí  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  GV có thể gợi mở những hình thức quen thuộc của thể kí: như nhật kí | **I. Giới thiệu bài học** - Chủ đề bài học hướng tới: Những nẻo đường xứ sở  + Nội dung chủ đề gồm các VB viết về những nẻo đường, những xứ sở mới . Từ đó, bài học giúp chúng ta tạo niềm hứng khởi khám phá những nẻo đường xứ sở, tìm hiểu những chân trời mới qua các tác phẩm văn học.  - Thể kí văn học: là thể loại chính được học trong bài. Chúng ta sẽ được du ngoạn, khám phá vẻ đẹp của những miền đất mới nhờ vào những trang ghi chép của các tác giả.  **II. Tìm hiểu chung về kí**  **1. Kí**  - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực.  - Trong kí có  + kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết.  + Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;  - Ngôi kể thư nhất: với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.  - Trình tự kể: theo trình tự thời gian.  - Kí có nhiều loại: kí sự, phóng sự, du kí, hồi kí...  **2. Du kí**  - Du kí là thể loại ghi chép vể những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình. |

**B. ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản 1: Cô Tô**

(Nguyễn Tuân)

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

GV chiếu bản đồ Việt Nam. HS quan sát và trả lời câu hỏi, chia sẻ trải nghiệm.

+ Quan sát bản đồ và chỉ ra những hòn đảo của đất nước ta?

+ Nếu có dịp đến thăm một trong những hòn đảo của tổ quốc, em sẽ làm cách nào để lưu giữ những giây phút ý nghĩa ấy

**HS chỉ tên đảo, vị trí trên bản đồ.**

**HS chia sẻ:** nếu được đến với một hòn đảo, hay một miền đất nào mới lạ, các em hãy quan sát, tìm hiểu về thiên nhiên, con người, cuộc sống... nơi đây. Và lưu giữ những khoảnh khắc ấy. Có nhiều cách lưu giữ, có bạn chọn chụp ảnh, quay vi deo, phát trực tiếp trên facebook...

Và có một cách để con người ta lưu giữ khoảnh khắc ấy đó là ghi chép lại.

Hôm nay, cô sẽ đưa các con đến thăm hòn đào Cô Tô, một hòn đảo xinh đẹp, nằm ở phía đông Bắc của tổ quốc. Đảo Cô Tô hiện lên như thế nào dưới ngòi bút tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân? Chúng ta cùng tìm hiểu.

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. HS nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Tuân

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tác giả**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Giới thiệu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Tuân ?  - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** GV chiếu một số hình ảnh về nhà văn. GV nói rõ chất trữ tình trong văn.  **NV2: văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB(VB do ai viết, thể loại gì, phương thức biểu đạt của văn bản? VB dùng ngôi kể thứ mấy? )  - Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ những vị trí nào?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  HS cần căn cứ vào đặc điểm của thể kí.Ngôi kể thứ nhất: tôi- đồng thời là tác giả  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3: Đọc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm:  Đọc:  - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch; giọng đọc cần có sự khác biệt đoạn tả cảnh bão biển với đoạn tả cảnh sau bão; chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.  - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp.  - GV lưu ý một số từ khó: *vua thủy, đá tổ sư, đường bệ, lễ phẩm, ang, cong...*  - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu nội dung chính của từng phần?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó: **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nhà văn Nguyễn Tuân sinh năm 1910, năm mất 1987  - Quê quán: Hà Nội.  - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc.  - Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống.  - Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút),…  **2. văn bản**  **a. Xuất xứ:**  - Tác giả: Nguyễn Tuân  - *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. VB được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.  **b. Thể loại**: kí  **- Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **- Ngôi kể thứ nhất**: “Tôi” (chúng tôi) là tác giả  **- Trình tự kể:**  + Vị trí quan sát của người kể: trên nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo.  **+ Thời gian**: Ngày thứ tư, thư năm, thứ sáu; lúc trước, trong, sau cơn bão; lúc mặt trời chưa mọc, mọc, cao bằng con sào...Trình tự thơi gian của kí.  **3. Đọc,bố cục**  **c. Bố cục**: 4 phần chính  + Phần 1: Từ đầu đến “*quỷ khốc thần linh”*: **Cơn bão biển Cô Tô**;  + Phần 2: “*Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô*… *lớn lên theo mùa sóng ở đây”*: **Cảnh Cô Tô một ngày sau bão** (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);  + Phần 3: “*Mặt trời*… *nhịp cánh”*: **Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô** (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo);  + Phần 4: Còn lại: **Buổi sớm trên đảo Thanh Luân** (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo). |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**Đọc- hiểu văn bản**

**1. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt.

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,…

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận bằng kĩ thuật mảnh ghép

- HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***NV 1:***  \* **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Kĩ thuật mảnh ghép**  **Vòng chuyên sâu: (8 phút)**    **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 3 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm.**  **- Phát phiếu học tập**  **- Giao nhiệm vụ cho các nhóm**  **Nhóm 1:**  - Em hãy tìm những từ ngữ miêu tả sự dữ dội của trận bão.  - Những từ ngữ nào cho thấy rõ nhất việc tác giả có chủ ý miêu tả trận bão giống như một trận chiến? Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong bão?  **Nhóm 2:**  - Biển sau bão hiện lên như thế nào ( Vị trí quan sát của tác giả, qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,…)? Nhận xét về bức tranh Cô Tô sau bão?  - Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô…theo mùa sóng ở đây*.  **Nhóm 3:**  - Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển?  - Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy?  - Từ đây em có thấy hình ảnh trong kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?  **\* Vòng mảnh ghép:(8 phút)**  **-Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu**.  - Thiên nhiên Cô Tô mang vẻ đẹp như thế nào? Tình cảm, cảm xúc của nhà văn với Cô Tô?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt.  - Tình yêu, niềm tự hào của nhà văn về biển đảo quê hương.  - Thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,… | **II. Đọc- hiểu văn bản.**  **1. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô**  **a. Cảnh Cô Tô trong trận bão biển:**  Trận bão biển được miêu tả giống như một trận chiến:  - Gió: *“lọt vào trận địa cánh cung bãi cát”, “tăng thêm hỏa lực*”. Gió ngừng được ví “*đạn thay băng”,* rồi gió “*liên thanh lia lịa”...,* gió thổi ví như “*quỷ khốc thần linh*”.  - Cát: “*bắn vào má...buốt như viên đạn mũi kim*”.  - Sóng: *“thúc lẫn nhau vào bờ âm ầm rền rền”* như vua thủy triều...  - Gác đảo uy: bị gió *“vây, dồn, bung hết*”.  - Từ ngữ miêu tả độc đáo: tác giả dung từ ngữ vốn tả trận chiến để tả bão, dùng nhiều hình ảnh so sánh; sử dụng từ Hán Việt làm tăng thêm màu sắc kì quái cho cơn bão.  - Nguyễn Tuân có cái nhìn độc đáo về trận bão biển. Điều đó cho thấy trí tưởng phong phú, ngòi bút tài hoa của tác giả. Trận bão biển dữ dội, có sức mạnh hủy diệt, đe dọa con người.  **b. Vẻ đẹp của Cô Tô sau khi trận bão đi qua :**  **Hình ảnh miêu tả đặc sắc:**  *+ Một ngày trong trẻo, sáng sủa*  *+ Cây thêm xanh mượt*  *+ Nước biển lam biếc đậm đà hơn*  *+ Cát lại vàng giòn hơn*  *+ Lưới nặng mẻ cá giã đôi*  - **Ngôn ngữ miêu tả** màu sắc, ánh sáng: trong trẻo, xanh mượt, lam biếc, vàng giòn. Đó là ngôn từ **chọn lựa tinh tế, gợi cảm**, **chau truốt** làm chi tiết miêu tả chân thực, sống động.  - **Cảnh Cô Tô hiện lên trong không gian rộng lớn**: bầu trời, nước biển, cây trên núi đảo, bãi cát. **Khung cảnh Cô Tô hiện lên bao la, kì vĩ, trong sáng, yên ả, tinh khôi**  **c. Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô**  tác giả thể hiện qua từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc và hình ảnh so sánh:  *+ Chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây bụi*  *+ Mặt trời nhú lên dần dần*  *+ Tròn trĩnh, phúc hậu như một quả trứng thiên nhiên đầy đặn*  *+ Qủa trứng hồng hào... nước biển ửng hồng*  *+ Y như một mâm lễ phẩm*  - Tác giả sử dụng từ ngữ chính xác, tinh tế, quan sát các hình ảnh vận động theo trình tự thơi gian, lối so sánh thật rực rỡ, tráng lệ.  Hình ảnh mặt trời trên biển huy hoàng, rực rỡ với tài quan sát tinh tế, cảnh mặt trời mọc ở Cô Tô được thể hiện trong sự giao thoa hân hoan giữa con người với thế giới. |

**2. Vẻ đẹp của con người Cô Tô**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ mà lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất để giữ gìn biển đảo quê hương.

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,…

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- Gv sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS đọc tìm hiểu phần 4 của VB.**  Hình thức cặp đôi chia sẻ.  + Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?  + Tìm các miêu tả qua các chi tiết, hình ảnh cảnh người dân sinh hoạt là lao động trên đảo? Đó là cảnh tượng đó có ý nghĩa như thế nào?  + Kết thúc bài Kí Cô Tô là suy nghĩ của tác giả về hình ảnh chị Châu Hòa Mãn: *"Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành*". Cách kết thúc này cho thấy tình cảm của tác giả với biển và những con người bình dị trên đảo như thê nào?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận trong phạm vi cặp đôi để cảm nhận cảnh lao động của người dân trên đảo  **\*Bước 3. Nhận xét**  Chia sẻ của HS, GV cho HS nhận xét đánh giá, bổ sung.  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **2. Vẻ đẹp của con người Cô Tô**  **\* Cảnh người dân sinh hoạt và lao động trên đảo** được miêu tả qua các chi tiết, hình ảnh:  - Hình ảnh giếng nước ngọt  + là dấu hiệu sự sống của con người đảo. Nó vừa là nguồn sống của con người trên đảo, vừa ghi dấu sự sống của họ.  +Những chiếc lá cam, lá quýt vương lại trong lòng giếng sau bão cho thấy họ đã bám trụ trên đảo nhiều năm, đã trồng những cây lâu năm.  - Hoạt động của con người:  + hối hả lấy nước sinh hoạt, dự trữ nước cho tàu thuyền.  + Chỗ bãi đá: bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp...  **Cảnh lao động của người dân trên đảo khẩn trương, sôi động,** tấp nập, yên bình trên đảo.  **\* Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn:**  *“Trông chị Châu Hòa Mãn địu con... lũ con hiền lành”* so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh   * Ý nghĩa:   + Ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp của con người lao đông Cô Tô, chính họ là những người lao động mới đang từng ngày cống hiến cho đất nước.  + Tạo cho người đọc ấn tượng sâu sắc khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô.  + Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt. |

**III. Tổng kết.**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB Cô Tô

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Cách viết kí của Nguyễn Tuân hấp dẫn ở những điểm nào?  - Qua VB, Hình ảnh Cô Tô hiện lên như thế nào? Cảm xúc của nhà văn đỗi với vũng biển đảo quê hương ?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **1. Nghệ thuật.**  - Lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian; ghi chép bằng hình ảnh để tạo ấn tượng, ngôi kể thứ nhất.  - Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu sức gợi, mang dấu ấn riêng.  - Sử dụng phép nhân hóa, so sánh với trí tưởng tượng bay bổng, tạo ra hình ảnh vừa kì vĩ, vừa gần gũi.  **2. Nội dung**  **+ V**ẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt.  **+** Ca ngợi vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ mà lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất để giữ gìn biển đảo quê hương.  + Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

# d. Tổ chức thực hiện:

**\* Bước 1: Giao nhiệm vụ:** GV yêu câu HS thực hiện một số câu hỏi.

# Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây, hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kỳ hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

Câu 2: Chỉ ra phép tu từ nổi bật trong đoạn văn?

Câu 3: Tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 4: Tình cảm, cảm xúc của nhà văn với Cô Tô được bộc lộ bằng hình thức nào?

Câu 5: Thông điệp nào có ý nghĩa nhất với em qua đoạn văn trên? Vì sao?

**\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**\* Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Bước 4: Đánh giá kết quả**

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn : Miêu tả.

Câu 2: Phép tu từ nổi bật trong đoạn văn: so sánh.

+ “*mặt trời*” được so sánh “ *như lòng đổ trứng thiên nhiên đẩy đặn, hồng hào thăm thẳm”*

*+ bầu trời: “mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng”; “mầm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh*”

Câu 3: Tác dụng của biện pháp tu từ:

- Làm cho câu văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển trở nên sinh động, hấp dẫn.

- Bức tranh rực rỡ, lộng lẫy, tráng lệ, kĩ vĩ về cảnh mặt trời mọc trên biển;

- Ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.

Câu 4: Tình cảm, cảm xúc của nhà văn với Cô Tô được bộc lộ bằng hình thức gián tiếp: qua cảnh vật.

Câu 5: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em: Hãy yêu và quan tâm giữ gìn biển đảo quê hương.

Vì

+ Biển đảo là một phần lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.

+ Biến và đảo có vai trò quan trọng đối với đất nước.

+ Bao thế hệ cha ông đã nỗ lực giữ gìn, xây dựng, bám biển, làm giàu cho đất nước.

Ngày soạn: 1 /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 58,59 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**:

- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;

- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

**2. Nội dung hoạt động:**

HS suy nghĩ để nhận biết về các loại từ chia theo cấu tạo, nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ so sánh. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về hiện tượng đồng âm và hiện tượng từ đa nghĩa của tiếng Việt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Ở tiết học trước, trong phần thực hành tiếng Việt, em đã được học các biện pháp tu từ nào? Hãy kể tên.

- Hãy nối các từ ở cột A với các khái niệm ở cột B ở cho phù hợp.

|  |
| --- |
| **B** |
| Đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng,đề làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diện đạt. |
| Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng. |
| Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng. |
| là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt |

|  |
| --- |
| **A** |
| Ẩn dụ |
| Hoán dụ |
| So sánh |
| Nhân hóa |

**- HS trả lời.**

**- GV kết nối**: Như vậy ở các tiết thực hành tiếng Việt trước, các em đã làm quen các biện pháp tu từ. Hôm nay, tiết thực hành tiếng việt này, chúng ta sẽ tiếp tục củng cố và ôn luyện các kiến thức về phép tu từ nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP CỦNG CỐ KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: - HS củng cố và ôn luyện các kiến thức về phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, hoán dụ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS ôn lại nội dung đã học bằng hình thúc cặp đôi chia sẻ.**  GV gợi nhắc cho HS nhớ lại kiến thức đã học về biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ  GV nêu câu hỏi. Yêu cầu HS trả lời.  - Thế nào là so sánh? Lấy ví dụ minh họa.  - Nhân hóa là gì? Đọc một câu thơ, câu ca dao...mà em biết sử dụng nhân hóa.  **- Ẩn dụ và hoán dụ có điểm gì giống và khác nhau.**  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ ,trình bày cá nhân vào nháp.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Nhắc lại lí thuyết.**  1. So sánh.  2. Nhân hóa  3. Ẩn dụ.  4. Hoán dụ.  Phân biệt giữ ẩn dụ và hoán dụ:  - Điểm giống: gọi tên sự vật hiện tượng này (A) bằng tên sự vật hiện tượng khác (B)  - Điểm khác:     |  |  | | --- | --- | | **Ẩn dụ.** | **Hoán dụ** | | Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương đồng (điểm giống nhau) | Mối quan hệ giữa A và B là quan hệ tương cận (điểm gần gũi, đi liền với nhau) | |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG- LUYỆN TẬP**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về biện pháp tu từ thể hiện cụ thể trong VB Cô Tô.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài 1**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 1  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài .  a. Những từ ngữ in đậm trên các câu trên ngầm chỉ những sự vật nào?  b. Trong những câu trên tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.  GV tổ chức cho HS trò chơi điền từ ngữ vào cột bên phải tương ứng với từ ngữ ở cột bên trái để chỉ ra về ẩn của biện pháp tu từ ẩn dụ  .   |  |  | | --- | --- | | ***Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ*** | ................  ................ | | ***mâm bạc*** | ................ | | ***Mâm bể*** | ................ | | ***Cái chất nén bạc*** | ................. |   **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời ra phiếu, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở.  **NV2: Bài 2**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 2  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài :  - Chỉ ra biện pháp tu từ  - Tác dụng:  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở.  **NV3: Bài 3**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập số 3.  **Yêu cầu 1:**. Trong Cô Tô, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động. Hãy tìm những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong văn bản .  GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn.  GV yêu cầu viết câu văn có sủ dụng so sánh ra phiếu. Ai viết được nhiều, chính xác sẽ là người chiến thắng.  **Yêu cầu 2:** Nêu tác dụng của phép so sánh trong mỗi trường hợp cụ thể.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở.  **NV4: Bài 4** (nếu không còn thời gian GV hướng dẫn cho HS về nhà làm)  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh,  ẩn dụ.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời các yêu cầu cần đạt cho đoạn văn (hình thức, nội dung)  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  - HS viết  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  -Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên hướng dẫn HS điều chỉnh, bổ sung vào vở. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 SGK trang 114**  **a.**   |  |  | | --- | --- | | *Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ* | mặt trời | | *mâm bạc* | bầu trời sáng và lấp lánh | | *Mâm bể* | mặt biển | | *Cái chất nén bạc* | độ sáng và sự lấp lánh |   **b. Phép tu từ ẩn dụ**  **Tác dụng:**  - Làm cho câu văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển trở nên sinh động, hấp dẫn.  - cảnh mặt trời mọc trên biển tuyệt đẹp. Mặt trời mang vẻ đẹp ấm áp, tráng lệ, kĩ vĩ. Mặt biển bao la trong trẻo, với ánh ban mai tinh khôi.  - Ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.  **Bài 2 SGK trang 114**  a.  - Biện pháp tu từ: so sánh.  - So sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào  - Tác dụng:  + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Hình ảnh so sánh giúp ta hình dung ra cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.  b.  - Biện pháp tu từ : ẩn dụ  *“trận địa cánh cung”:* sự nguy hiểm của bão biển, cát bay mạnh, rất nguy hiểm.  *“gió tăng thêm hỏa lực”:* gió tăng tốc độ, rất mạnh   * *Tác dụng*:   *+* Ngầm ví trận bão biển dữ dội như một trận chiến đấu thực sự. Nhấn mạnh tính chất ghê gớm, sự tàn phá của bão biển.  + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  **Bài 3 SGK trang 114**  . Những câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB Cô Tô:  - *Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.*  - *Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn*.  - *Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông*.  \* Tác dụng:  + Khắc họa vẻ đẹp của biển Cô Tô sau trận bão.  + Tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương của tác giả.  + Câu văn sinh động, gợi hình, gợi cảm.  - *Trông chị Châu Hoà Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.*  **Bài 4 SGK trang 114**  \* Yêu cầu nội dung :  + Thể loại: Miêu tả  + Đối tượng: một cảnh đẹp thiên nhiên (dòng sông, cánh đồng, thắng cảnh mà em biết...)  - Mở đoạn: Em đã giới thiệu đó là cảnh gì, ấn tượng của em về cảnh đó như thế nào  - Thân đoạn: 3- 5 câu văn:  + Miêu tả cảnh thiên nhiên: Có những gì nổi bật?  + Hình ảnh nào hiện lên trong cảnh thiên nhiên đó. Hình ảnh đó như thế nào? (Màu sắc, đường nét, âm thanh...). Em dùng từ ngữ nào để tái hiện cảnh đẹp này?  + Trình tự tả như thế nào?  - Kết đoạn: Cảm nghĩ về cảnh thiên nhiên được tả  \*Hình thức đoạn văn: có dùng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ. |

Ngày soạn: 1 /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 60 Đọc hiểu văn bản 2**

***Hang Én***

(Hà My)

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

GV cho HS xem một khu bảo tồn thiên nhiên – nên lấy ở địa phương mình dạy nếu có (3 phút). Em có cảm xúc gì khi xem những hình ảnh ấy (khơi gợi cảm xúc với thiên nhiên: yêu thích, ngỡ ngàng...)

Em thử tưởng tượng mình là nhà thám hiểm đi khám phá các khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa từng đặt chân tới? Làm cách nào

Trong hoàn cảnh ấy, các em có nhiều cách khám phá thiên nhiên hoang sơ như :lên mạng tìm kiếm vi deo, sưu tầm kiến thức... và một trong những cách thám hiểm mà hôm nay cô bật mí cho cả lớp đó là du lịch qua cách VB kí. Vb Hang Én sẽ đưa chúng ta đến với vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng ở Quảng Bình. Hang Én có điểm gì hấp dẫn. Du lịch khám phá hang Én đem lại cho chúng ta những gì thú vị nào? (Chiếu vài hình ảnh về hang Én)

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong bài kí Hang Én.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Đọc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm:  Đọc:  - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức của người kể, chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.  - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp.  - GV lưu ý một số từ khó: *Tờ- réc- kinh, hồ điệp, ra ràng, thương hải tang điền...*  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **NV2: Tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB(VB do ai viết, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB  - Đối chiếu với đặc điểm thể kí ở phần tri thức ngữ văn thì VB Hang Én có được xếp vào thể du kí không? Vì sao?  - Nhân vật tôi đã kể về hành trình khám phá Hang Én theo trình tự nào?  - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần?  - Đọc thầm nhan đề bài VB, nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì ? Em có biết những thông tin về lịch sử, khoa học liên quan đến hang Én không, hãy chia sẻ?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  HS cần căn cứ vào đặc điểm của thể du kí.Ngôi kể thứ nhất: tôi- đồng thời là tác giả  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  GV dùng bổ sung một số thông tin lịch sử, khoa học về hang Én cho HS quan sát. | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc, từ khó**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ:**  - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020  - Tác giả: Hà My.  **b. Thể loại**: du kí  **- Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **- Ngôi kể thứ nhất**: “Tôi”là tác giả  **- Trình tự kể:**  + **Không gian**: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc **Ba Giàn**, đến thung lũng **Rào Thương** để đến với **Hang Én**.  **+ Thời gian**: **từ sáng** khi hành trình bắt đầu, đến khi **bóng tối** chùm xuống Hang Én.  **c. Bố cục**: 2 phần chính:  - Phần 1: Từ đầu đến “*lòng hang chính”*: **Hành trình đi đến hang Én**.  - Phần 2: Còn lại: **Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én:**   * + Tiếp theo đến “*trần hang cao vài trăm mét”*: Kích thước của hang Én. * + Tiếp theo đến “*đôi cánh ấy sẽ lành hẳn”*: Cuộc sống của bầy én trong hang. * + Tiếp theo đến “*tạo tác của tự nhiên”*: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én. * + Tiếp theo đến “*tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”*: Hang Én khi trời tối.   + Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau.  **d. Nhan đề**:  - Hang có nhiều én sinh sống.  - Ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của tác giả.

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm.

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

**NV1:** **Hành trình đến hang Én**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân**  - Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt?  - Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/ Hấp dẫn?  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS làm việc theo hình thức cặp đôi chia sẻ.  - Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én.  - Em chỉ ra nét đặc sắc trong các chi tiết miêu tả thiên nhiên của rừng nguyên sinh (từ ngữ, biện pháp tu từ, cách bộc lộ cảm xúc của tác giả...)  - Những chi tiết miêu tả thiên nhiên gợi cho em cảm giác gì về rừng nguyên sinh. Xúc cảm của tác giả được bộc lộ như thế nào trong hành trình khám phá hang Én?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về hành trình đến hang Én như thế nào? Gian khổ/ Hấp dẫn?  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Hành trình đến hang Én**  - Cách thức di chuyển vào hang Én *“Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông”.* Đây làmột thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục.  - Cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh: *một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai*;  + *cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc*;  *+ con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quấn quýt cả vào chân người*;  + Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rạm, liêu xiêu, ...” tạo ta các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn.  \* **Cảnh rừng nguyên sinh** hiện lên **sống động**. Thiên nhiên mang vẻ đẹp **hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức,** mà cũng **gần gũi, bao dung** và **mê hoặc**.  - Tác giả gửi gắm cảm xúc **háo hức, mê say, ngặc nhiên, bất ngờ** của người lần đầu đặt chân tới nơi đây. |

**NV2:**  **Vẻ đẹp của hang Én**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Kĩ thuật mảnh ghép**  **Vòng chuyên sâu: (8 phút)**  **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 3 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm.**  **- Phát phiếu học tập**  **- Giao nhiệm vụ cho các nhóm**  **Nhóm 1**: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì?  **Nhóm 2:** Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá ?  **Nhóm 3**: Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người?  **\* Vòng mảnh ghép:(8 phút)**  **-Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu**.  Tại sao tác giá lại ví Hang Én như cái tổ...không khí và ánh sáng?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.    **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần 3 | **2. Vẻ đẹp của hang Én**  ***a.* Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên**  - **Số liệu cụ thể**: rộng nhất là 110m2, cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;  - **Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung**: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng.  Hang Én rất cao, rộng, dài (thứ 3 thế giới). **Con người trở nên nhỏ bé** trước **thiên nhiên rộng lớn**  **b. Sự “sống” của đá:**  *+ Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ.*  *+ Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang…*  *+ Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên.*  Hang Én tuyệt đẹp, **đá** vốn là vật **vô tri** nhưng đều **có sự sống, sinh thành, biến hóa** qua chiều dài của lịch sử địa chất .Qua cách miêu tả, thiên nhiên trở nên có **hồn, thân thiết, gần gũi** với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh  **c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người:**  + *Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người.*  *+ Bốn bên dày đặc én.*  *+ Én bố mẹ tấp nập đi, về, mải mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng.*  *+ Én xuống kiếm ăn, gãy cánh: ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...*  - **Nhân hóa**, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, ...  - **Loài én** ở đây còn nguyên sự **nguyên sơ**, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá;  + Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên.  ***\* Cách gọi hang Én: c****ái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng.* Tác giả muốn bày tỏ thái độ **ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên.** |

**NV3:** **Con người với hang Én**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Trong lịch sử, bằng chứng nào đã chứng minh hang Én có dấu tích của con người?  - Tâm trạng của du khách khi sống trong không gian hang Én, thiếu thốn các tiện nghi thông thường được miêu tả qua những chi tiết nào?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **3. Con người với hang Én**  - Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thế hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt.  - Đoàn người hiện tại:  + Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị.  + Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh....  + Ai nấy nhoài khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết.  => **Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.** |

**III. Tổng kết.**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB Hang Én **b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài kí Hang Én?  - Qua bài kí, Hang Én mang vẻ đẹp gì, em nhận thấy cách tác giả cảm nhận cuộc sống thiên nhiên hoang dã như thế nào?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **1. Nghệ thuật.**  - Lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc  - VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm.  **2. Nội dung**  - Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng.  - Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tình tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu câu HS thực hiện một số câu hỏi.**  **Câu 1:**Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ không? Vì sao.  **Câu 2:**Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người.  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả** | **III. Luyện tập**  **Câu 1:**- Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã không làm cho người đọc khiếp sợ.  Nguyên nhân: Cuộc sống hoang dã được tác giả khắc họa vừa thanh bình, lại thơ mộng.Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tình tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.  **Câu 2:**  **- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người**  **-** Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã. |

Ngày soạn: 1 /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 62 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**: - HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

**2. Nội dung hoạt động:** HS suy nghĩ để nhận biết công dụng của các loại dấu câu, biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV hướng dẫn, gợi mở về công dụng của dấu ngoặc kép.

**Yêu cầu:**

Câu văn: *Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*

1- Dấu ngoặc kép đánh dấu từ nào?

2- Từ “ngược dòng” hiểu theo nghĩa thông thường là gì? Trong câu văn này, nghĩa của từ “ngược dòng” có được hiểu như vậy không? Vậy hiểu là gì?

3- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng gì?

**Dự kiến câu trả lời của HS**

1. Dấu ngoặc kép đánh dấu *ngược dòng*
2. Nghĩa thông thường của từ “*ngược dòng”* là bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.

- Trong câu văn trên “*ngược dòng”* được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.

3- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng **đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.**

**- GV kết nối**: Như vậy, mỗi một loại dấu câu được dùng khi viết đem lại hiệu quả rất lớn cho việc diễn đạt. Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nắm được công dụng của các loại dấu câu quen thuộc như dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấy phẩy và cùng ôn lại các biện pháp tu từ đã học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. DẤU CÂU**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Dấu ngoặc kép**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu ví dụ: a,b,c,d  Đọc các ví dụ, và cho biết dấu ngoặc kép trong mỗi câu văn trên dùng để làm gì?  GV cho HS chọn đáp án để nối với công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép :   1. Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật. 2. Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt. 3. Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyến sách, chương trình.   Từ những ví dụ đó,em rút ra dấu ngoặc kép có công dụng gì?  **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi , xác định công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **NV: Dấu phẩy**  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV chia lớp thành 2 nhóm:** Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, em hãy nêu công dụng của dấu phẩy, dấu gạch ngang. Lấy một vài ví dụ minh họa  Nhóm 1: Nêu công dụng của dấu phẩy.  Nhóm 2: Nêu công dụng của dấu gạch ngang.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi , xác định công dụng thích hợp của dấu dấu phẩy, dấu gạch ngang.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Dấu câu**  **1. Dấu ngoặc kép.**  **Ví dụ:**  a. *Cộng đồng loài én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mảy may nghĩ đến sự hiện diện của nhóm du khách*.  b. *Văn bản “Hang Én” trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020.*  c. *Người xưa có câu: “Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”.*  *a.2 b.3 c.1*  **b. Công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép**:  - Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.  - Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.  - Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyến sách, chương trình.  **2. Dấu phẩy**  -  Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ.  - Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.  - Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.   - Ngăn cách các vế của một câu ghép.  **3. Dấu gạch ngang**  **-** Dấu gạch ngang dùng trước trích dẫn lời nói của nhân vật  - Dấu gạch ngang dùng để liệt kê  - Dấu gạch ngang để nối các từ |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về dáu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang.

- HS nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài 1**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm  Thực hiện các yêu cầu ở các bài tập 1,2,3  GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của mỗi bài:  Nhóm 1 – Bài 1: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì?  Nhóm 2 – Bài 2a: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì?  Nhóm 3 – Bài 2b: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì?  Nhóm 4 – Bài 3: tìm thêm những câu văn sử dụng dấu ngoặc kép trong VB Hang Én và giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong tuengf trường hợp?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **HS suy nghĩ, thảo luận**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận  Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS tự ôn tập: Nhân hóa là gì? Tác dụng của phép nhân hóa. Sau đó chia sẻ với bạn.  Làm BT số 4,5 :  Yêu cầu:  Bài 4: Chỉ ra biện pháp nhân hóa trong các câu văn  - tác dụng của phép nhân hóa.  Bài 5: Chỉ ra biện pháp nhân hóa, so sánh trong các câu văn  - tác dụng của phép nhân hóa, so sánh.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **HS suy nghĩ, thảo luận**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận  Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **II. Luyện tập**  **1. Dấu câu**   |  | | --- | | **Bài 1 SGK trang 119**  **Dấu ngoặc kép trong câu a,b đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.**  a. (nt) | | b.  - Nghĩa thông thường của *“sảnh chờ”:* phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.  - Trong câu văn: không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ  **Bài tập 2 SGK trang 118**  a. Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1):  Ngăn cách thành phần phụ của câu với bộ phận chính. + Dấu phẩy (2) (3) Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.  - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt.  - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”  b. Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1)(3): ngăn cách thành phần chú thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ, vị ngữ của câu).  + Dấu phẩy (2): ngăn cách thành phần 2 chú thích của câu.  + Dấu phẩy (4) (5): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.  - Dấu ngoặc kép:  + “Sống” được để trong ngoặc kép trong .Dấu ngoặc kép đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.   * Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài.   **Bài tập 3 SGK trang 118**  Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB *Cô Tô*, *Hang Én*:  - VB *Cô Tô*:  + Anh quẩy 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, ...bằng nước biển thôi”  - tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp.  - Vb *Hang Én*:  + “thương hải tang điền” Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.  - Tác dụng khi sử dụng ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.  **2. Biện pháp tu từ**  **Bài 4 SGK trang 118**  a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”.  b. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”.  🡪 Tác dụng : làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động, quen thuộc như những người bạn.  **Bài tập 5 SGK trang 118**  a.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.  🡪 Tác dụng: làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động  b. - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.  🡪 Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.  c. - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ.  - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo | |

Ngày soạn: 1 /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 63,64 Đọc hiểu văn bản 3**

***Cửu Long Giang ta ơi!***

(Nguyên Hồng)

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về sông Mê Kông cuộc sống của nhân dân Nam Bộ gắn bó với con sông.

Quan sát bức tranh, bức tranh gợi cho em liên tưởng đến vùng đất, tên sông nào của đất nước ta?









Hướng HS đến vùng đất Nam Bộ và dòng sông Mê Kông.

Em hãy giới thiệu về dòng sông ấy: Dòng sông bắt nguồn từ đâu? Tên Cửu Long có nghĩa là gì?

[Sông](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng) **Mê Kông** là một trong những con sông lớn nhất trên thế giới [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), qua các nước [Lào](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o), [Myanma](https://vi.wikipedia.org/wiki/Myanma), [Thái Lan](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan), [Campuchia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia) và đổ ra [Biển Đông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%90%C3%B4ng) ở [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Tính theo độ dài đứng thứ 12 (thứ 7 tại [châu Á](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C3%81))

Bắt đầu từ [Phnom Penh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phn%C3%B4m_P%C3%AAnh), sông Mê Kông chia thành hai nhánh theo dòng chảy từ Bắc xuống Nam. Tại Việt Nam, sông Mê Kông còn có tên gọi **sông Cửu Long**. Vai trò chuyên chở rất nhiều [phù sa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B9_sa) bồi đắp [đồng bằng Nam Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long).

(GV dùng bản đồ để chỉ cho HS quan sát về vị trí, giới thiệu đôi nét về sông Cửu Long).

Giờ học trước, chúng ta được tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của vùng biển đảo Cô Tô, phía đông Bắc của tổ quốc, rồi vẻ đẹp nguyên sơ của Hang Én ở Phong Nha- Kẻ Bàng, ở Quảng Bình. Nếu như 2 VB bản ấy là dòng bút kí đặc sắc, thì VB hôm nay là một áng thơ. Bài thơ “Cửu Long Giang ta ơi” sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long ở Nam Bộ. Thiên nhiên và con người Nam Bộ mang vẻ đẹp gì dưới ngòi bút của nhà thơ Nguyên Hồng. Cô trò ta cùng khám phá!

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của bài thơ như xuất xứ, thể thơ lục bát, giọng điệu và những nét khái quát về bài thơ.

- HS hiểu đôi nét về tác giả.

- Biết cách đọc một bài thơ tự do.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả Nguyên Hồng

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tác giả**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Giới thiệu những hiểu biết của em về tác giả Nguyên Hồng?  - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** GV chiếu một số hình ảnh về nhà văn. GV nói rõ chất trữ tình trong văn.  **NV2: Đọc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm:  Đọc:  - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức ở phần đầu, Chú ý đọc bằng cảm xúc tự hào, xúc động; vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.  - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp.  Giải thích nghĩa các cụm từ:  *+ Gậy thần tiên, đạo sĩ, phù sa*  *+ Các từ chỉ địa danh: Mê Công, Trường Sơn, Thác Khôn, Thủ Biên...* **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **NV3: Tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB  - Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?  - Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần?  - Đọc thầm nhan đề bài thơ, nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  GV nói rõ cho HS hình dung được mạch cảm xúc của bài thơ: Trình từ thời gian: từ hiện tại hồi tưởng về quá khứ. Nhà thơ hóa thân vào người học trò đã trưởng thành để hồi tưởng lại kỉ niệm về giờ học của thầy gắn liền với tấm bản đồ có hình ảnh sông Mê Công; đến lúc trưởng thành, cảm nhận về vẻ đẹp, sự gắn bó của con sông...và gửi những suy ngẫm của mình | **1.Tác giả:**  - Tên: Nguyên Hồng;  - Năm sinh – năm mất: 1918 – 1982;  - Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng;  - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v… Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.  **2. Đọc, tìm hiểu chung**  Giải nghĩa các từ, cụm từ:  *+ Gậy thần tiên, đạo sĩ, phù sa*  *+ Các từ chỉ địa danh: Mê Công, Trường Sơn, Thác Khôn, Thủ Biên...*  **2. văn bản**  **a. Xuất xứ:**  - Tác giả: Nguyên Hồng  - Bài thơ được sáng tác 1960, in trong tập thơ “Trời xanh”.  **b. Thể loại:**  - Thể thơ: Tự do.  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.  - Chủ thể trữ tình: nhân vật “ta”  **c. Bố cục**  Bố cục:  + Phần 1: Từ đầu đến “ *hai ngàn cây số mênh mông”*: Hình ảnh sông Mê Kông trong kí ức của cậu học trò.  + Phần 2: Tiếp theo đến *“Suối mát dội trong lòng dừa trĩu quả”* Vẻ đẹp của dòng ảnh sông Mê Kông .  + Phần 3: Tiếp theo đến “*không bao giờ chia cắt*”: Sự gắn bó của dòng ảnh sông Mê Kông với con người Nam Bộ.  + Phần 4: Còn lại: Suy ngẫm của nhà thơ.  **d. Nhan đề**: *Cửu Long Giang ta* *ơi!*  - Lấy đoạn sông Mê Công chảy trên lãnh thổ của nước Việt Nam- *Cửu Lon*g- như một cách để giới hạn phần lãnh thổ Việt Nam  - Từ *“ta”:* gợi sư thân thiết, ý muốn sở hữu.  Nhan đề: như một tiếng gọi, một tiếng hát, gợi lên tình yêu, niềm tự hào của tác giả về quê hương đất nước. |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**II. Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm.

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***NV 1: Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công***  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS đọc tìm hiểu phần 1 của VB.**  Hình thức cặp đôi chia sẻ.  Phần đầu bài thơ cho ta hình dung ra cảnh tượng lớp học, đưa ta về kí ức của chủ thể trữ tình. Đó là không gian nào? Những hình ảnh nào dần hiện lên trong tâm trí tác giả ?  - Em hình dung thế nào về *“tấm bản đồ rực rỡ”*? Nhân vật “ta” trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tấm bản đồ ấy.  - Hình ảnh người thầy hiện lên qua câu thơ nào? Cảm xúc của của cậu học sinh với thầy thế nào?  - Từ tấm bản đồ và lời người thầy, cậu học trò có ấn tượng gì về dòng sông Mê Công?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận trong phạm vi cặp đôi để cảm nhận hình ảnh lớp học ở đầu cuối bài thơ, hình ảnh tấm bản đồ, người thầy, cảm xúc của chủ thể trữ tình.  **\*Bước 3. Nhận xét**  Chia sẻ của HS, GV cho HS nhận xét đánh giá, bổ sung.  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**    **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **GV hướng dẫn HS đọc tìm hiểu phần cuối của VB.**  Đọc đoạn cuối bài thơ.  Ở đoạn cuối, nhà thơ đã diễn tả những đổi thay nào? Những đổi thay ấy đã đem đến cho nhân vật “ta” những nhận thức và xúc cảm gì của mình về dòng sông Mê Công và truyền thống văn hóa của đất nước?  Ngôn ngữ thơ có gì đặc biệt?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS có thể so sánh với khổ đầu, để cảm để cảm nhận những đổi thay trong cảm xúc, nhận thức của chủ thể trữ tình.  **`\*Bước 3. Nhận xét**  Chia sẻ của HS, GV cho HS nhận xét đánh giá, bổ sung.  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công**  **a. Tuổi ấu thơ- đoạn thơ đầu**  - Là một học sinh, 10 tuổi.  + Không gian lớp học vào buổi sáng mùa thu.  - Hình ảnh tấm bản đồ với hình ảnh dòng sông Mê Công: *“rực rỡ”được so sánh với “đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ”gợi nhiều ý nghĩa:*  *+* Tấm bản đồ hiện lên trong lời giảng của thầy đẹp đẽ lạ thường, bởi nó tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng*.*  *+* mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê *say* , mong muốn được khám phá của học trò.  - Hình ảnh thầy giáo:  + lớn lao, vĩ đại*“lớn sao”,*  *+* như có phép lạ “*Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”*  + nâng cánh ước mơ cho học trò*.“Đưa ta đi sông núi tuyệt vời”*  - Hình ảnh dòng sông Mê Công rộng lớn *Mê Công sông dài hơn hai ngàn cây số mênh mông”.* Cảm xúc choáng ngợp, háo hức muốn tìm hiểu, khám phá của cậu học trò.  ***Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công được bắt đầu ở giờ học, trên tâm bản đồ và lời giảng của người thầy.***  **b. Tuổi trưởng thành- đoạn thơ cuối**  Sự thay đổi về thời gian được diễn tả qua hình ảnh:  - “ta”: đã lớn, tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần, đằm sâu.  - Người thầy : đã khuất,  - Nhận thức tình cảm của tác gỉả lớn dần: *“thước bảng to nay thành cán cờ sao”*: những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc, là sự hy sinh cho nền độc lập của dân tộc; khẳng định giá trị vĩnh cửu (“bất tử”) của những người đã cống hiến vì Tổ quốc.  ***- Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông trong tác giả lớn dần theo tháng năm, càng ngày càng đằm sâu, tha thiết***. |

**NV2: Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thời gian 8 phút.**  **Phiếu học tập:**  - Tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông? Từ đó cho thấy dòng Mê Kông mang vẻ đẹp gì?  - Chỉ ra nét đặc sắc trong ngôn ngữ miêu tả của nhà thơ?  - Cảm xúc của tác giả khi miêu tả dòng sông Mê Công?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .  **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  Đoạn thơ diễn tả lại những trải nghiệm nào của nhân vật “ta”? Qua đó tác giả diễn tả cảm xúc gì của mình với dòng sông Mê Công?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông \* Vẻ đẹp dữ dội, hùng vĩ, hoang sơ ở thượng nguồn dòng sông**:  - Thời gian: trưa hè ngun ngút.  - Cảnh vật quanh sông: *cây lao đá đổ*, bao bọc bởi các loại cây như lan *hoang, dứa mật, thông nhựa*.  + Dòng chảy: Chảy qua dãy Trường Sơn, thác Khôn.  **\* Vẻ đẹp êm đềm, trù phú, tràn trề nhựa sống của chín nhánh Mê Công:**  - Thời gian: sáng mùa thu  - Vẻ đẹp thiên nhiên trên sông:  + Liệt kê: *bướm với trời xanh, chim khuyên rỉa cành, sương đọng long lanh...*  *+ Đối, nhân hóa: rừng núi lùi xa, đất phẳng thở chan hòa, sóng tỏa chân trời buồm trắng, Mê Công cũng hát.*  -Vẻ đẹp trù phú của vùng đồng bằng sông Cửu Long: Liệt kê hàng loạt hình ảnh “*phù sa nổi váng”, “ruộng bãi...không hết lúa”, “bến nước tôm cá ngợp thuyền”, “sầu siêng thơm dậy, dừa trĩu quả...”*  ➩ Những bức tranh cảnh vật sinh động, tràn đầy màu sắc và âm thanh. Sông Mê Công hiền hòa, trù phú.  - Sự giàu có hào phóng mà dòng sông ban tặng cho vùng đất Nam Bộ: .  **\* Nhân vật ta:**  + Ta đi... bản đồ không nhìn nữa... → Dường như hòa nhập tưởng tượng với cuộc sống thật. Khám phá dòng sông.  + Ta cởi áo lội dòng sông ta hát. → Giao hòa với thiên nhiên, hứng thú, say mê  *- Những trải nghiệm phong phú của nhà thơ về địa hình, thiên nhiên gắn với dòng sông Mê Công.*  - Tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ trước vẻ đẹp của dòng sông Mê Công, tình yêu quê hương đất nước tha thiết. |

**NV 3:** **Hình ảnh người nông dân Nam Bộ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  **Đọc đoạn thơ:** *“Mê Công quặn đẻ...không bao giờ chia cắt”*  - Hình ảnh người nông dân Nam Bộ hiện lên như thế nào trong bài thơ? Em có nhận xét gì về cách viết của tác giả? Qua đó tác giả gửi cảm xúc gì về con người Nam Bộ?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ**  - Hình ảnh con người Nam Bộ:  + Cực nhọc cùng bùn để xây dựng quê hương: *gối đất nằm sương, mồ hôi và bãi lầy thành đồng lúa.*  + Họ gắn bó với từng mảnh đất: *Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa... Cà Mau.*  + Là những con người yêu quê, luôn đoàn kết giữ gìn đất đai sông núi; ông cha hy sinh để giữ đất giữ nước cho con cháu: *Những mặt đất… chia cắt.*  => Sông Mê Kông gắn bó, đóng góp to lớn cho cuộc sống của con người.  - Ngôn ngữ thơ giản dị, dùng thành ngữ *gối đất nằm sương...; tu tư liệt kê, biểu cảm gián tiếp*  - Những trải nghiệm phong phú của nhà thơ về cuộc sống con người gắn với dòng sông Mê Công.  - Niềm yêu mến, tự hào, cảm phục của nhà thơ với con người Nam Bộ*..* |

**III. Tổng kết.**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi!*

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Nêu ý nghĩa của bài thơ?  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **1. Nghệ thuật.**  - Thể thơ tự do, hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi, giọng thơ tha thiết xúc động.  - sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, so sánh, liệt kê, ẩn dụ...  - Kết hợp yếu tố miêu tả, tự sự để bộc lộ cảm xúc.  **2. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông Mê Công và con người Nam Bộ.  - Thể hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ với dòng sông Mê Công chảy qua Nam Bộ, và cũng là tình yêu quê hương đất nước. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu câu HS thực hiện một số câu hỏi.**

1. Đọc diễn cảm bài thơ?

2. Em hình dung thế nào về "tấm bản đồ rực rỡ"? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tấm bản đồ ấy?

3. Tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông.

**\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**\* Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS báo cáo kết quả;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Bước 4: Đánh giá kết quả**

Câu 1: HS đọc thơ.

Câu 2: Tác giả đã biến tấm  bản đồ  địa lí thành cánh đồng hoa gặp trong một  đêm mơ. Trong niềm hứng thú của cậu học trò ngẩng lên cõi mộng, bài địa lí bỗng có một chiều sâu không ngờ. Có con sông không chỉ chảy từ đỉnh núi mà còn bắt nguồn từ các bộ tiểu thuyết du kí, võ hiệp danh tác, từ các kì quan thế giới, từ thăm thẳm một miền văn hóa Đông phương.

**3.** Những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông:

- Mê Kôngchảy, Mê Kông cũng hát.

- Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi váng.

- Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa.

- Bến nước Mê Kông tôm cá ngợp thuyền.

- Mê Kông quặn đẻ, chín nhánh sông vàng.

**4.** Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc họa qua chi tiết: Nông dân Nam Bộ gối đất nằm sương/Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa.

Nông dân Nam Bộ là những con người cần cù, vất vả, chịu thương chịu khó, "một nắng hai sương".

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế: viết một đoạn văn ngắn

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) cảm nhận của em về đoạn thơ sau:  *Ta đã lớn*  *Thầy giáo già đã khuất*  *Thước bản to nay thành cán cờ sao*  *Những tên làm man mác tuổi thơ xưa*  *Ðã thấm máu của bao hồn bất tử.*  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **Yêu cầu:**  - Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.  - Đoạn văn phải sử dụng 5-7 câu  **Gợi ý:**  - Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với dòng sông Mê Kông, đất nước quê hương  - Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã diễn tả thời gian trôi chảy như thế nào?  - Biện pháp tu từ nào trong câu thơ thứ ba, hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?  - Vì sao tác giả khẳng định “Thước bản to nay thành cán cờ sao”    - Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ? ( man mác, trầm lắng)  Nội dung: Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông trong tác giả lớn dần theo tháng năm, càng ngày càng đằm sâu, tha thiết. |

Ngày soạn: /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 64,65,66**

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt

**1**. **Mục tiêu**:

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.

- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

**2. Nội dung hoạt động:** HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động .

**3. Sản phẩm:** Nội dung bài viết của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Kết nối** (HS hào hứng tiếp cận, khám phá kiến thức).

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để chia sẻ cảm xúc cảnh sinh hoạt.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

GV chiếu ảnh cảnh sinh hoạt, yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc của mình khi xem bức ảnh về cảnh sinh hoạt?

Dự kiến phương án trả lời của HS:

HS có thể bày tỏ cảm xúc: thích thú, ngỡ ngàng nhận ra, vui vẻ, hào hứng muốn khám phá...

GV dẫn dắt vào bài: *Các em thân mến! Cuộc sống xung quanh chúng ta luôn có những cảnh tượng thật đẹp. Vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống đã đem lại cho mỗi chúng ta những cảm xúc tích cực, tạo cho ta nguồn năng lượng dồi dào. Nhưng làm thế nào để ghi lại khoảnh khắc đẹp của cuộc sống? Ta có thể chụp ảnh, có thể quay vi deo...và cũng có thể viết bài văn miêu tả tái hiện lại những gì ta đang thấy bằng ngôn ngữ, qua lăng kính của mỗi người. Trong giờ viết văn hôm nay, chúng ta sẽ tập làm điều đó. Trước hết, chúng ta sẽ học cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt*.

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt.**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.

- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những cảnh sinh hoạt trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để tạo lập một bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d.Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV đặt câu hỏi cho HS:  - Theo em, yêu cầu đối với một bài văn thể tả cảnh sinh hoạt là gì?  + Tại sao phải giới thiệu cảnh sinh hoạt?  + Có các cách thức nào miêu tả?  + Nếu chỉ miêu tả mà không có cảm nghĩ của người viết thì bài văn tả cảnh có giảm sức cuốn hút hay không? Tại sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Phải giới thiệu cảnh sinh hoạt: để người đọc (người nghe) nắm được đó là cảnh gì, từ đó mà hình dung, tưởng tượng ra không gian, thời gian, bước tranh cảnh vật phù hợp với cảnh đó.  + Có các cách thức miêu tả: từ khái quát đến cụ thể, từ xa đến gần...  + Nếu chỉ miêu tả mà không có cảm nghĩ của người viết thì bài văn tả cảnh giảm sức cuốn hút. Vì cảm xúc sẽ tác động trực tiếp lên người tiếp nhận. Cảm xúc khiến cho bài văn sống động, có hồn, chứ không khô khan, cứng nhắc. | **I.Tìm hiểu yêu cầu đối với một bài văn tả cảnh sinh hoạt.**  - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.  - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).  - Tả hoạt động cụ thể của con người.  - Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.  - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, HS nắm được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả cảnh sinh hoạ

t**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 122,123,124 và trả lời các câu hỏi .Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt như thế nào:  + Bài viết đã giới thiệu cảnh sinh hoạt nào? Khi giới thiệu cảnh sinh hoạt là phiên chợ, người viết đã giới thiệu điều gì?  + Cảnh sinh hoạt được tả trong bài viết tham khảo là cảnh gì? Tác giả đã dùng cách thức nào để tả?  + Tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào để miêu tả cảnh sinh hoạt?  + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.*** | **II. Phân tích bài viết tham khảo: *“Phiên chợ vùng cao****”*    Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt:   * **Giới thiệu cảnh sinh hoạt**: chợ phiên vùng cao: *“Bạn đã đi chợ phiên vùng cao bao giờ chưa?....hàng tuần”:*   **+** giới thiệu tên cảnh sinh hoạt “chợ vùng cao”,  + ấn tượng chung *“thú vị”* và thời gian họp chợ “*sáng thứ Bảy hàng tuần”.*  - **Tả quang cảnh chung**:  + cái nhìn bao quát, đi từ bên ngoài vào trong, từ xa đến gần (“*chợ họp trên sườn núi”, “từ trên cao nhìn xuống”, “vào chợ*”);  + theo trình tự thời gian: sáng sớm đến quá trưa.  - **Tả cảnh hoạt động cụ thể của con người**:  + Trang phục của người đi chợ: phụ nữ, đàn ông, em bé  + Hoạt động của con người:  . có những hoạt động riêng: *“Phụ nữ xúng xính...”, “đàn ông tay cầm kèn...bàn tán xôn xao”, “em bé ...toét miệng cười*”,...  . Hoạt động mua bán nhộn nhip của chợ: chỗ bán đồ ăn, chỗ bán súc vật như trâu, bò, dê...  + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động: tính từ, động từ, từ láy...  - Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết (“*Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam).*  **\* Bố cục:** bài viết có bố cục 3 phần mở bài, thân bài, kết bài**.** |

**Tiết 66 Thực hành viết bài văn tyar cảnh sinh hoạt**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, HS biết viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Có mấy bước để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt?  Em hãy nhớ lại những cảnh sinh hoạt để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc khiến em nhận ra ý nghĩa mới của cuộc sống?  Có thể lựa chọn một trong nhũng cảnh sau:  - Cảnh chợ cá bên bờ biển  - Cảnh ngày tết Trung thu ở địa phương em.  - Cảnh gói bánh chưng trong ngày Tết.  - Cảnh lễ hội của một địa phương  ***-\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  1- Xác định đề tài bằng cách trả lời các câu hỏi sau: | **Thực hành viết theo các bước**  1- Lựa chọn đề tài: |





|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2. Tìm ý:  Sau khi đã xác định đề tài, em hãy tìm ý cho bài văn bằng các cách sau:  Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em, em thấy thấy được những chi tiết nào? Hãy viết ngắn gọ dưới hình thức cụm từ?   |  |  | | --- | --- | | Em sẽ tả cảnh gì? | ……………. | | Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào? | ……………. | | Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào? | ……………. | | Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc? | ……………. | | Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì? | ……………. | | Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó? | ……………. |   \* Lập dàn ý: Sắp xếp các thông tin vừa tìm được theo dàn ý:  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS tìm ý, lập dàn ý theo yêu cầu  **\*Bước 3: Nhận xét.**  HS trình bày các ý trong bài và dàn ý của mình  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  Bước này, GV chủ động hướng dẫn lí thuyết để HS biết cách tìm ý.    **Viết bài văn:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** Em hãy dựa vào dàn ý đã lập để tiến hành viết bài văn .  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** | **2. Tìm ý và lập dàn ý.**  a. Tìm ý  Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em (viết ngắn gọn dưới hình thức cụm từ):  - Thời gian, địa điểm.  - Quang cảnh chung và những hoạt động cụ thể.  - Những người tham gia, hành động, lời nói của họ.  - Sưu tầm những tư liệu như vật dụng, tranh ảnh, đoạn phim ngắn liên quan đến cảnh sinh hoạt.  b. Lập dàn ý.  - Sắp xếp các ý theo trình tự  + Không gian: từ bao quát đến cụ thể, từ xa đến gần,...  + Thời gian: cái gì diễn ra trước tả trước, cái gì diễn ra sau tả sau.  + Theo diễn biến của cảm xúc: ngạc nhiên, đến yêu thích, muốn tham gia, khám phá  - Dàn ý gồm 3 phần:  \*Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.  \* Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt  - **Tả bao quát** quanh cảnh  - **Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự** (không gian, thời gian, hoạt động chính).  + Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.  + Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.  + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.  \* Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết  **3. Viết bài văn.**  **4. Chỉnh sửa đoạn văn** (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)  - Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.  - Tự đánh giá và rút kinh nghiệm. |

**Bảng kiểm tra bài văn tả cảnh sinh hoạt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung | Chỉnh sửa, bổ sung nếu bài viết chưa Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung |
| Tả hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt. Cung cấp một số thông tin liên quan đến cảnh sinh hoạt. | Bổ sung các chi tiết về các hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt (nếu cần). Có thể thêm các thông tin về lịch suer, địa lí, văn hóa...có liên quan đến cảnh sinh hoạt. |
| Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả một cách rõ nét, sinh động. | Đánh dấu những từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung để cảnh sinh hoạt hiện lên một cách rõ nét, sinh động. |
| Thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt | Đánh dấu những từ ngữ thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung. |
| Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả: dùng từ, đặt câu ...trong bài viết và chỉnh sửa nếu phát hiện. |
|  |

**Hoạt động: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn miêu tả

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | ***Bước 5: Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm*** |

Ngày soạn: /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 67**

**NÓI VÀ NGHE :**Chia sẻ về một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI – Gv hướng dẫn cho hs chuẩn bị trước ở nhà** | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét xâu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b | **CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  **a) Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).**  Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói  ? Nơi em sống, có những hoạt động, công việc nào thường diễn ra?  ? Hoạt động nào em cảm thấy ấn tượng nhất? Vì sao? Em hãy chọn một hoạt động mà em thích nhất để kể lại nó.  ? Hoạt động đó thường diễn ra ở đâu, thời gian nào? Quang cảnh lúc đó ra sao? Em ấn tượng nhất điều gì?  ? Có những ai, vật gì, con gì tham gia vào hoạt động này? Những đối tượng đó thường có hành động, lời nói như thế nào?  ? Hoạt động đó mang lại cảm xúc gì cho em?  - GV hướng dẫn HS luyện nói: Tự nói một mình sau đó luyện nói cùng cặp đôi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS chuẩn bị bài nói  - HS luyện nói tại chỗ  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS báo cáo tiến độ làm việc của cá nhân và nhóm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét tinh thần và hiệu quả làm việc của HS, chuyển sang hoạt động nói. | **b) Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện.**  \* *HS chuẩn bị được bài nói* bằng cách trả lời những câu hỏi gợi dẫn của giáo viên, sắp xếp lại thành bài văn hoàn chỉnh.  *\* Tập luyện*  - HS nói một mình  - HS luyện nói cùng cặp đôi |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý đã chuẩn bị.  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |
| --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. |
| **Tổ chức thực hiện** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP CHO CẢ CHỦ ĐỀ**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS: Lập dàn ý cho đề bài sau: **“Đề bài: Buổi tối là lúc gia đình em đông đủ nhất. Em hãy tả lại cảnh sum họp của gia đình em vào một buổi tối cho các bạn cùng lớp em nghe.”**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, sắp xếp theo trình tự phù hợp.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá và đưa ra dàn ý cho hs tham khảo:

1. **Mở bài:**

\* Giới thiệu chung :

- Thời gian: Vào buổi tối cuối tuần

- Không gian: Ngôi nhà của em.

- Nhân vật: Những người thân trong gia đình.

**2. Thân bài:**

Bữa cơm sum họp :

- Cách bài trí trong nhà, dưới bếp. (Chú ý các chi tiết, hình ảnh có liên quan đến Tết.)

- Không khí chuẩn bị ra sao? (Mọi người cùng làm. Người lớn việc lớn, người nhỏ việc nhỏ...)

- Bàn ăn (hay mâm cơm) có những món gì?

- Bữa ăn diễn ra đầm ấm, vui vẻ như thế nào?

- Sau bữa ăn, mọi người làm gì? (Uống nước, chuyện trò tâm sự...)

**3. Kết bài:**

\* Cảm xúc của em :

- Cảm động và thích thú.

- Mong có nhiều dịp được sum họp đầy đủ với người thân.

- Nhận ra rằng gia đình quả là một tổ ấm không thể thiếu đối với mỗi con người.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG CHO CẢ BÀI**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

**Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi.**  
“…Sau trận bão, chân trời ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông…”

(Ngữ văn 6, tập 1)

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản nào?  
**Câu 2:** Ai là tác giả của văn bản chứa đoạn trích trên?  
**Câu 3:** Văn bản đó được viết theo thể loại gì?  
**Câu 4:** Nội dung của đoạn văn bản trên là gì?  
**Câu 5:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong đoạn văn trên? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy ?    
**Câu 6:** Đoạn văn trên đã gợi cho em những suy nghĩ và cảm nhận gì về vẻ đẹp thiên nhiên, môi trường và biển đảo?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Bài làm của hs; nhận xét đánh giá bổ sung (nếu có)

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** |
| **1** | Trích văn bản Cô Tô |
| **2** | Tác giả: Nguyễn Tuân |
| **3** | Thể loại Kí |
| **4** | Nội dung của đoạn văn trên: Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô. |
| **5** | Nghệ thuật so sánh  Tác dụng : +Làm cho câu văn sinh động hấp dẫn, tạo sức lôi cuốn với đọc giả. +Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp rực rỡ, tráng lệ của bức tranh thiên mặt trời mọc trên biển Cô Tô |
| **6** | \* Yêu cầu kĩ năng: - Có thể trình bày thành đoạn văn ngắn hoặc gạch đầu dòng các ý  - Văn phong trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ viết câu  \* Kiến thức: - Từ nội dung đoạn trích, học sinh trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một số vấn đề  + Vẻ đẹp của biển trong nhiều thời khắc khác nhau, đặc biệt là lúc được ngắm mặt trời mọc trên biển(đẹp tráng lệ, kỳ vĩ)... + Về môi trường biển hiện nay: Biển đẹp là thế nhưng hiện nay biển cũng đang bị ô nhiễm nặng nề... + Vấn đề chủ quyền biển đảo: Biển đang “dậy sóng”, nhiều thế lực nhăm nhe . - Suy ngẫm và định hướng cho bản thân yêu biển và có ý thức giữ gìn môi trường biển; tự hào và có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương... |

**\*Củng cố và mở rộng: Gv định hướng cho hs hoàn thiện yêu cầu thuộc phần củng cố và mở rộng sgk**

**Yêu cầu cần đạt:**

**1. Bảng kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Cô Tô** | **Hang Én** |
| Hành trình khám phá của người kể chuyện | Sau trận bão Cô Tô trở lại là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Cô Tô từ khi khi có dấu hiệu sự sống con người thì sau cơn bão trời lúc nào cũng trong sáng và tươi đẹp như thế. Cây cối trên đảo lại thêm xanh mướt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn tất cả mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa. Sau những ngày có bão thì lũ cá sẽ biệt tăm biệt tích nhưng nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. Cảnh Cô Tô buổi sáng thật tráng lệ, hùng vĩ. Cảnh sinh hoạt của người dân ở đảo Cô Tô rất nhộn nhịp và vui vẻ. | Dốc Ba giàn: dài 2km, dốc cao và gập ghềnh, đường đi khó khăn, trơn, nhiều cây cối giăng kín. Thung lũng Rào Thương: có con suối Rào Thương róc rách, nước trong vắt, mát lạnh, con đường cây cối rậm rạp, nhiều bướm đủ màu. Hang Én: cửa 2 lớp. vòm dẫn vào sảnh chờ, lòng hang hẹp, sát với sông ngầm, sâu ngang thắt lưng. Trong hang vô cùng kì vĩ: hang rộng chứa hàng trăm người, trần hang cao nhất là 120m, nhũ đá giăng đầy vách núi. Hang là nơi sinh sống của rất nhiều chim én. |
| Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu...) | Cô Tô: một đoạn đảo gồm 50 đảo nhỏ, thuộc tỉnh Quảng Ninh, diện tích trên 47,3 km2. Cô Tô nổi tiếng với cảnh biển đẹp và những đặc sản biển như ngọc trai, san hô, hải sâm,...  Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. | Hang Én: Nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình, là hang động lớn thứ ba thế giới sau hang Sơn Đo òng ở Việt Nam và hang Đi-ơ (Deer) ở Malaysia. Hang có chiều dài hơn 1,6km, gồm ba cửa. Trần hang có nơi cao 100m, nơi rộng nhất 170m. Trong đó lòng hang có con suối trong xanh chảy quanh co, uốn lượn làm nên vẻ kì thú của thiên nhiên nơi đây. |
| Những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu | Ngôn ngữ điêu luyện, sự miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc. Sử dụng biện pháp tu từ so sánh để làm cảnh biển Cô Tô thêm sinh động. | Sử dụng ngôi kể thứ nhất tăng sự chân thực, trình tự miêu tả hấp dẫn, cách miêu tả thú vị cùng những thông tin chính xác. |

Câu 2: Các em có thể so sánh các bài học của Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với bài giới thiệu về Vịnh Hạ Long trong chương trình SGK Tiếng Việt lớp 5.

Điểm tương đồng giữa các văn bản là đều miêu tả về địa điểm đó, có sự chuyển dịch về không gian, thời gian.

Điểm khác nhau:

* Ở Hang Én, tác giả kể lại, miêu tả các đặc điểm chuyến đi với trình tự thời gian theo đúng như trình tự di chuyển của mình.
* Ở Vịnh Hạ Long, tác giả miêu tả vẻ đẹp bao quát của Vịnh theo trình tự thời gian theo mùa trong năm

**\* Thực hành đọc: Văn bản “Nghìn năm tháp Khương Mỹ” (Lam Linh)**

- Gv yêu cầu hs tự đọc văn bản ở nhà và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Thể loại của văn bản là gì? Em biết gì về thể loại này? Những dấu hiệu của thể loại được thể hiện như thế nào trong tác phẩm?

Câu 2: Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ được tác giả thể hiện qua các chi tiết nào?

Câu 3: Bài viết cho em hiểu biết thêm những thông tin hữu ích gì về lịch sử và văn hóa?

- HS tiếp nhận và thực hiện yêu cầu ở nhà

Dự kiến:

**Câu 1:** Thể loại: du ký. Du kí là thể loại kí ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

**\* Những dấu hiệu cho thấy văn bản này thuộc thể loại du kí :**

 – Văn bản ghi chép về chuyến đi tới cụm tháp Khương Mỹ. Người viết kể lại, miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

– Tác giả là người trực tiếp thực hiện chuyến đi. Những từ ngữ cho thấy điều đó: “chúng tôi tìm đường”, “tôi ghé thăm”.

**Câu 2. Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ :**

– Có giá trị lịch sử đặc biệt.

– Nằm ở vị trí đẹp mắt.

– Cụm tháp này vẫn còn giữ được khá nguyên vẹn “nhan sắc” thủa sơ khai của nó, chưa bị con người đụng chạm hay sửa sang.

**Câu 3. Những thông tin hữu ích về lịch sử và văn hóa trong bài kí :**

– Di tích tháp Chàm Khương Mỹ thuộc thôn 4, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được xây dựng vào cuối thế kỉ IX.

– Gồm 3 lớp: tháp Bắc, tháp Giữa, tháp Nam.

– Cụm tháp Khương Mỹ được công nhận là di tích quốc gia năm 1989.

– Ba tháp được xếp …lọt vào.

– Xung quanh chân tháp … của Ấn Độ.

Ngày soạn: /12/2022

Ngày dạy: /12/2022

**Tiết 68**

**ĐỌC MỞ RỘNG**

.**1. Mục tiêu:**

- HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức, và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học;

- HS nêu được nội dung cơ bản của VB đọc; trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí.

**2. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.**

**3. Sản phẩm: Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.**

**4. Tổ chức thực hiện.4. Tổ chức thực hiện:**

**Trước hoạt động (Khởi động)**

**a. Mục tiêu:** tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** Hs chia sẻ kinh nghiệm của mình.

**c. Sản phẩm:** HS lắng nghe, suy nghĩ, chia sẻ.

**d. Tổ chức thực hiện**

Các em ạ, việc đọc đối với mỗi chúng ta là vô cùng quan trọng, đọc giúp chúng ta mở mang hiểu biết, trau dồi vốn ngôn ngữ, hoàn thiện tâm hồn. Các em đã tự đọc được những bài kí nào, những bài thơ lục bát nào rồi nhỉ. Sau khi thầy/ cô đã hướng dẫn các em cách khai thác từng thể loại kí và thơ lục bát cũng viết về chủ đề quê hương, đát nước...Tiết học hôm nay, chúng ta cùng chia sẻ về kết quả của việc đọc mở rộng ở nhà nhé!

HS chia sẻ về các tác phẩm mà em đã đọc ở nhà.

HS tiếp nhận nhiệm vụ

GV nhân xét, đánh giá

**Trong hoạt động**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung cơ bản của văn bản đã đọc, trình bày được một số yếu tố bài thơ lục bát (tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ), phân tích được một số đặc điểm của thể loại kí (các kể, tả sự kiện, người kể chuyện

**b. Nội dung:** HS sử dụng các văn bản có đặc điểm thể loại phần tri thức ngữ văn bài 4,5

**c. Sản phẩm**: HS tiếp thu kiến thức thông qua những hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB*.*  - GV gợi ý:  *+* Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật.  + Đối với VB thơ lục bát, chú ý phân tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  + Đối với VB thể kí, chú ý các kể, tả sự kiện cho mang tính chất chân thật hay không (người kể chuyện có tham gia vào câu chuyện hay không)? Cách kể chuyện có gì đặc biệt? (tuyến tính – theo thời gian hay phi tuyến tính)? Nêu tác dụng của cách kể này.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Nhóm 1:VB thơ lục bát  - Số tiếng:  - Số cặp câu thơ:  - Ngắt nhịp:  - Gieo vần  - Nhân vật trữ tình: / cảm xúc:  - Hình ảnh  - Các biện pháp tu từ...  Nội dung ý nghĩa của bài thơ lục bát:  Nhóm 2: VB kí  - Ghi chép sự việc:  - Người kể chuyện:  - Cách kể theo trình tự:  - Chi tiết miêu tả tiêu biểu:  - Cảm xúc của người viết: |